

CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT
CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ**

**“Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn
trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”**

Địa điểm thực hiện: Lô CN-B6 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú
Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Việt Nam
(Báo cáo đã được chỉnh sửa, bổ sung theo Thông báo số 2431/TB-BQL
ngày 16/12/2024)

**CHỦ CƠ SỞ
CÔNG TY TNHH DOO JUNG
VIỆT NAM**



**TỔNG GIÁM ĐỐC
LIM BYUNG SUN**

Hà Nội, tháng năm 202

MỤC LỤC

DANH MỤC HÌNH.....	iv
DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT.....	v
Chương I.....	6
THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ.....	6
1. Tên chủ cơ sở.....	6
2. Tên cơ sở.....	6
3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở.....	7
3.1. Công suất hoạt động của cơ sở.....	7
3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	16
3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	24
4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	24
4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất.....	24
4.2. Nhu cầu sử dụng điện.....	25
4.3. Nhu cầu sử dụng nước.....	26
5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở.....	29
5.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở.....	29
5.2. Vị trí thực hiện của cơ sở.....	29
5.3. Các hạng mục công trình của cơ sở.....	31
5.4. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho hoạt động của cơ sở.....	33
5.5. Sơ đồ tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở.....	44
Chương II.....	46
SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	46
1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	46
2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	48
Chương III.....	49
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	49
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải.....	49
1.2. Thu gom, thoát nước thải.....	50
1.3. Xử lý nước thải.....	53
2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải.....	63
3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	73
4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	75
5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung.....	78
6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường.....	78
6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải.....	78
6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với mùi, khí thải.....	79
7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác.....	79
7.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ.....	79
7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động.....	80
7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm.....	81
7.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất.....	82
Chương IV.....	84

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG	84
1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	84
2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	86
3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	87
Chương V.	90
KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	90
1. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải	90
1.1. Đối với nước thải sản xuất	90
1.2. Đối với nước thải sinh hoạt	91
2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường khí thải	92
Chương VI.	93
CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	Error! Bookmark not defined.
1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải	93
1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm	93
1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải	93
2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật	94
2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ	94
2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải	94
2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở	95
3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm	95
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	Error! Bookmark not defined.
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	96
PHỤ LỤC BÁO CÁO	97

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1.1. Quy mô sản xuất tại cơ sở năm 2022	8
Bảng 1.2. Quy mô sản xuất tại cơ sở năm 2023	12
Bảng 1.3. Nhu cầu về nguyên liệu vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở	25
Bảng 1.4. Nhu cầu về hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở	25
Bảng 1.5. Lượng điện tiêu thụ hàng tháng của cơ sở	26
Bảng 1.6. Lượng nước sử dụng hàng tháng của cơ sở	26
Bảng 1.7. Hiện trạng các công trình	31
Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở	33
Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải sản xuất	58
Bảng 3.2. Các máy móc, thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất	58
Bảng 3.3. Khối lượng hóa chất dự kiến sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải	61
Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn mạ	64
Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đánh bóng	68
Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cán gỗ	71
Bảng 3.7. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong năm 2023	74
Bảng 3.8. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong 8 tháng đầu năm 2024	74
Bảng 3.9. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở	75
Bảng 3.10. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường	82
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở	86
Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn	88
Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của độ rung	88
Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất định kỳ	90
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt định kỳ	91
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ	92
Bảng 6. 1. Kế hoạch quan trắc các công trình xử lý chất thải của nhà máy	93
Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc định kỳ công trình xử lý khí thải của Nhà máy	95

DANH MỤC HÌNH

Hình 1.1. Quy trình sản xuất ống quần.....	17
Hình 1.2. Quy trình sản xuất nhuộm lông.....	19
Hình 1.3. Quy trình sản xuất cán gỗ.....	21
Hình 1.4. Quy trình sản xuất cán nhựa.....	22
Hình 1.5. Quy trình lắp ráp sản phẩm.....	23
Hình 1.6. Hình ảnh sản phẩm đã hoàn thiện của cơ sở.....	24
Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở.....	28
Hình 1.8. Vị trí thực hiện của cơ sở.....	30
Hình 1.9. Sơ đồ tổ chức quản lý và vận hành của cơ sở.....	45
Hình 3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở.....	49
Hình 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa.....	50
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở.....	51
Hình 3.4. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	51
Hình 3.5. Sơ đồ thoát nước của cơ sở.....	52
Hình 3.6. Bể tự hoại 3 ngăn.....	54
Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m ³ /ngày.đêm.....	55
Hình 3.8. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m ³ /ngày đêm.....	61
Hình 3.9. Máy ép bùn khung bản.....	62
Hình 3.10. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn mạ.....	64
Hình 3.11. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn mạ hiện tại của dự án.....	66
Hình 3.12. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn đánh bóng.....	67
Hình 3.13. Hình ảnh hệ thống xử lý đánh bóng bằng tay.....	70
Hình 3.14. Hình ảnh hệ thống xử lý đánh bóng tự động.....	70
Hình 3.15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn cán gỗ.....	71
Hình 3.16. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ phòng cán gỗ.....	73
Hình 3.17. Khu vực kho chứa chất thải nguy hại.....	77

DANH MỤC CHỮ VIẾT TẮT

CCN	Cụm công nghiệp
CTR	Chất thải rắn
CTNH	Chất thải nguy hại
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BTCT	Bê tông cốt thép
ĐTM	Báo cáo đánh giá tác động môi trường
HTXL	Hệ thống xử lý
GP	Giấy phép
QĐ	Quyết định
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
NVL	Nguyên vật liệu
UBND	Ủy ban nhân dân
XLNT	Xử lý nước thải

Chương I.

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

- Tên tiếng Việt: Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.
- Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Người đại diện pháp luật: Lim Byung Sun Chức vụ: Tổng giám đốc
- Sinh ngày: 29/12/1946 Quốc tịch: Hàn Quốc
- Hộ chiếu nước ngoài: M53532109, cấp ngày 11/11/2021; Nơi cấp: Do Bộ Ngoại giao Hàn Quốc cấp.
- Điện thoại: 02463267565 Email: fnlv@doojung.com
- Địa chỉ thường trú: Phòng 502, 108 Dong, Sin Hyundai Apartment, Apkujung Dong 433, Kangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc.
- Địa chỉ liên lạc: Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: Mã số doanh nghiệp 0500582194 được Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/03/2008, thay đổi lần thứ 4 ngày 20/05/2024.

2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: Nhà máy sản xuất các loại cộ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác
- Địa điểm cơ sở:
 - + Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.
- Cơ quan thẩm định thiết kế xây dựng, cấp các loại giấy phép:
 - + Giấy phép xây dựng số 904/GPXD-BQL ngày 30/9/2010 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.
 - + Giấy phép xây dựng số 1260/GPXD ngày 14/8/2017 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.
 - + Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 221/GXN-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất các loại cộ trang điểm, phần trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác” địa điểm tại Lô CN-B6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
- + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BS 888175.

- Quy mô của cơ sở: Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 148.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm bốn mươi tám tỷ đồng./.*). Như vậy, theo Luật đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024, cơ sở công nghiệp có tổng mức đầu tư từ 120 tỷ đồng đến dưới 2.000 tỷ đồng, thuộc Nhóm B. Căn cứ theo quy định tại số thứ tự 2 mục I của Phụ lục IV của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Dự án thuộc nhóm II. Ngày 20/5/2015, Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ đã phê duyệt đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản tại giấy chứng nhận số 221/GXN-UBND của Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.

Căn cứ theo Căn cứ Quyết định số 10/2025/QĐ-UBND ngày 28/02/2025 của UBND thành phố Hà Nội về việc quy định chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội, cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép môi trường cho cơ sở là Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội. Do vậy Chủ cơ sở phải lập hồ sơ xin đề xuất cấp giấy phép môi trường trình Ban Quản lý các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội thẩm định theo quy định.

Báo cáo đề xuất cấp GPMT của Cơ sở được thực hiện theo phụ lục X – Mẫu báo cáo đề xuất cấp, cấp lại Giấy phép môi trường của cơ sở đang hoạt động (Kèm theo Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường).

*** Phạm vi của báo cáo đề xuất xin cấp giấy phép môi trường**

Theo quy mô công suất đã được phê duyệt tại Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 221/GXN-UBND của Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam:

- Cọ trang điểm: 8.000.000 sản phẩm/năm;
- Hộp phấn trang điểm: 600.000 sản phẩm/năm;
- Các phụ kiện khác: 40.000.000 sản phẩm/năm.

Tuy nhiên thực tế cơ sở chỉ hoạt động sản xuất cọ trang điểm, không thực hiện sản xuất hộp phấn trang điểm và các phụ kiện khác. Do đó nội dung xin cấp phép bao gồm:

- Cọ trang điểm: 8.000.000 sản phẩm/năm;
- Các phụ kiện khác: 40.000.000 sản phẩm/năm (Cơ sở nhập các phụ kiện khác về để ghép thành bộ sản phẩm).

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

- Sản xuất cọ trang điểm công suất: 8.000.000 sản phẩm/năm.
- Các phụ kiện khác: 40.000.000 sản phẩm/năm (Cơ sở nhập các phụ kiện khác về để ghép thành bộ sản phẩm).

khác về để ghép thành bộ sản phẩm).

Dưới đây là quy mô công suất thực tế của cơ sở trong 2 năm gần nhất như sau:

Bảng 1.1. Quy mô sản xuất tại cơ sở năm 2022

STT	Mã hàng	Tên sản phẩm	Năm 2022
1.	DIBE2-0001A-IN	Dual ended angled brow brush and groomer	31,500
2.	DIBEL-0001A -IN	Eyliner	31,500
3.	DIBES-0001A-IN	Eyeshadow brush	31,500
4.	DIBFC-0001A-IN	Precision concealer	31,500
5.	DIBFH-0001A-IN	Highlight blending brush	31,500
6.	DLVLR-0002A-IJ	Cán nhựa của chổi cọ trang điểm MAQ 23 KIT PINC/LEVRES X200 PLASTIC HANDLE	704,000
7.	FIBE2-0001A-IN	Dual ended angled brow brush and groomer	31,500
8.	FIBE2-0001B-IN	Dual ended angled brow brush and groomer	31,500
9.	FIBEL-0001A -IN	Eyliner	31,500
10.	FIBES-0001A-IN	Eyeshadow brush	31,500
11.	FIBFC-0001A-IN	Precision concealer	31,500
12.	FIBFH-0001A-IN	Highlight blending brush	31,500
13.	FLVA1-0009A-LO	Ống quấn nhôm của chổi cọ trang điểm/ M965C ALUMINUM FERRULE	600
14.	HIBE2-0001A-FX	Dual ended angled brow brush and groomer	16
15.	HIBEL-0001A-FX	Eyliner	18
16.	HIBES-0001A-FX	Eyeshadow brush	51
17.	HIBFC-0001A-FX	Precision concealer	32
18.	HIBFH-0001A-FX	Highlight blending brush	31
19.	HIBFS-0001A-FX	Body kabuki brush	728
20.	HTKHH-0001A	Lông thành phẩm - Taiki hair (TaikiAg-TAfrE 0.087 PBT hair)	18
21.	PCHA1-0001A	Bút trang điểm môi CHANEL APPLICATEUR MOUSSE LES BEIGES 5OMBRES	500,000
22.	PCHEE-0001A	Bút trang điểm mắt PINCEAU POILS ADV LE SOURCIL 2019	351,000
23.	PCHEE-0001B	[RENOVATED] BROSE ADV LE SOURCIL 2019(STANTED TUFT APPLICATOR)	53,000
24.	PCHLL-0001A	Bút trang điểm mắt CHANEL APPLICATEUR OMBRE PREMIERE CREME	200,000

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

25.	PCHLL-0004A	Bút trang điểm mắt PINCEAU PALETTE REGARD 2018	580,442
26.	PCHLL-0006A	Chổi trang điểm CHANEL PINCEAU ADV OMBRES 1ER - SYNTHETIQUE	550,000
27.	PCHMM-0003A	Bút trang điểm mắt CHANEL GOUPILLON SOURCIL 2019	150,000
28.	PCHMM-0003B	[RENOVATED] GOUPILLON SOURCIL 2019 (TWIST BRUSH APPLICATOR)	53,000
29.	PCMFO-0009A	Chổi trang điểm má COMACT FREE WEAR	100,000
30.	PCMFO-0016A	Chổi trang điểm má YSL BLUSH BRUSH	83,234
31.	PCMMM-0001B	Chổi trang điểm mắt /BRI/ NV PINCEAU DOUBLE EMBOUT- EYE BROW SHAPER 3605841564307	120
32.	PIBFF-0001A	Foundation blending brush	30,000
33.	PIBFN-0001A	Chổi cọ trang điểm /FAN POWDER BRUSH	30,000
34.	PLOE3-0001A	Chổi trang điểm mắt BRUSH UD NAKED UNIVERSAL	1,300,320
35.	PLV2B-0002A	Bút trang điểm mắt, ASSY DUAL ENDED ANGLED EYEBROW POMADE BRUSH MRKBX AM26	150,480
36.	PLVA1-0008A	Bút trang điểm mắt APPLIQUEUR FAP DSHOW MONO COUTURE 21	200,000
37.	PLVA2-0028B	Chổi trang điểm mắt /PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	119,000
38.	PLVA2-0038B	Chổi trang điểm mắt /PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	85,000
39.	PLVA2-0039A	Bút trang điểm mắt /APPLIC N°1 FAP 5C COUTURE 2020	1,204,101
40.	PLVA2-0040A	Bút trang điểm mắt /APPLIC N°2 FAP 5C COUTURE 2020- FOAM APPLICATOR	1,204,101
41.	PLVA2-0041A	Chổi trang điểm má/ Couture Brush Demo x 50 int 20	3,024
42.	PLVA2-0042A	Chổi trang điểm mắt APPLIC FAPX4 EYES 22 X2 MOUSSES	249,000
43.	PLVA2-0043A	Chổi trang điểm mắt APPLIC FAPX4 EYES 22 X1 MOUSSE X1 POILS	243,600
44.	PLVFO-0007A	Chổi trang điểm má/PINCEAU ROUGE BLUSH 000INT18	480,000

45.	PLVFO-0007B	Chổi trang điểm má/M860 Rouge Blush Applicator	183,080
46.	PLVFS-0004A	Chổi trang điểm má PINCEAU PRESTIGE MICRO-FLUIDE TDR INT19	103,000
47.	PLVLL-0011A	LM104 Standard Lip Applicator	1,348,240
48.	PLVLL-0015B	Chổi trang điểm môi/PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	85,000
49.	PLVMS-0002A	Thìa bằng nhựa phụ kiện trang điểm /SPATULA (SHORT) X 50 AS10	1,740
50.	PLVMS-0003A	SPATULA SOIN NOUVEAU SACHET	100,000
51.	PMRA1-0001A	SPONGE TIP APPLICATOR	25,344
52.	PMRLR-0002A	BRUSH GEL EYELINER GLOBAL	50,000
53.	PPGLL-0001A	Bút trang điểm môi LIP BRUSH	15,000
54.	PRPA1-0002A	Bút trang điểm mắt PINCEAU APPLICATEUR SOFT BRUSH	50,000
55.	PRPEL-0001A	Bút trang điểm mắt PINCEAU EYELINER	50,000
56.	PRPES-0005A	Bút trang điểm mắt PINCEAU PAUPIERE	50,000
57.	PRPFB-0006A	Blush biseauté (PR/NS/RG_Blush)	5,000
58.	PRPFF-0002A	Chổi trang điểm má/ FDT LSN23 - ANGLE SHAPE & ROUND BOTTOM	2,110
59.	PRPFN-0001A	Chổi trang điểm má/ CL.22ENZ	355
60.	PRPFO-0006B	Chổi trang điểm má /PINCEAU BOITIER JOLI BLUSH	100,800
61.	PRPFO-0007A	Chổi trang điểm má CL/SUN/PD - PBT VERSION	103,680
62.	PRPFO-0008A	Chổi trang điểm má CL/BL/BR/NEW - PBT VERSION	259,200
63.	PRPFO-0009A	Chổi trang điểm má CL/NEW/J.CONT - PBT VERSION	466,560
64.	PRPFO-0010A	Chổi trang điểm má /CL/JCBP/BR	51,840
65.	PRPFP-0001A	Poudre Rond (PR/NS/RG_Powder)	5,000
66.	PRPFS-0001A	Chổi trang điểm má PINCEAU KABUKI	33,000
67.	PRPFS-0005A	Chổi trang điểm má/ YL/KAB/BR18	673,600
68.	PRPFS-0005B	PINCEAU KABUKI ABS FLUIDE RENO TEST	9,000
69.	PRPFS-0006C	KABUKI GWP 22 (GI.22KAB)	421,390

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

70.	PRPFT-0002A	Polish poudre diffuseur(PR/NS/RG-Polish)	8,000
71.	PUN2B-0019B	TM Even Skin® Complexion Enhancing Wet/Dry Brush	5,000
72.	PUNA1-0002A	Bút trang điểm mắt MERLE NORMAN DISPOSABLE APPLICATOR/50 PACK	2,000
73.	PUNA1-0003A	Bút trang điểm mắt Lise watier se applicator	40,000
74.	PUNA1-0004A	Bút trang điểm mắt/Lise watier replaceable sponge applicators (x4)	1,000
75.	PUNA2-0011A	Bút trang điểm mắt/LW DE FOAM APPLICATOR	15,000
76.	PUNA2-0014A	Bút trang điểm mắt D/E APPLICATOR BRUSH	3,050
77.	PUNE2-0007A	Bút trang điểm mắt/LW DE FOAM/HAIR APPLICATOR	15,000
78.	PUNE3-0003A	Trish McEvoy All Over Eye and Face	10,000
79.	PUNEB-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	1,050
80.	PUNEL-0003B	Chổi trang điểm mắt APP MNY GEL EYELINER BENT BRUSH PET	1,120,000
81.	PUNEL-0006B	Chổi trang điểm mắt/TM brush 50 Angeld eyelining_longer ferrule/handle length	2,500
82.	PUNEL-0009A	Trish McEvoy Correct/Smudge/Define	10,000
83.	PUNES-0014A	Chổi trang điểm má /LISE WAITER RENOVATED BRUSHES- EYESHADOW BRUSH	2,000
84.	PUNES-0017A	Bút trang điểm mắt LW RENOVATION BRUSHES	2,000
85.	PUNES-0018A	Chổi trang điểm mặt CAMOUFLAGE BRUSH	2,000
86.	PUNFB-0007A	Chổi trang điểm má LANCOME BLUSH SUBTIL PBT	384,000
87.	PUNFB-0008A	Chổi trang điểm má /Trish McEvoy Brush 65 Angled Contour	2,000
88.	PUNFB-0009A	Chổi trang điểm má BLUSH BRUSH	2,000
89.	PUNFC-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	2,040
90.	PUNFF-0005A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	2,000

91.	PUNFN-0002A	Chổi trang điểm má /TM brush 62 Fan brush	3,000
92.	PUNFP-0007A	Bút trang điểm mắt /LISE WAITER-PERFECTING FOUNDATION BRUSH	3,000
93.	PUNFP-0008A	Chổi trang điểm má LOOSE POWDER BRUSH	1,008
94.	PUNFP-0011A	Trish McEvoy Brush 5 POWDER-94105 TM#5	2,000
95.	PUNFR-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITER RENOVATION KABUKI RETRACTABLE BRUSH	2,000
96.	PUNFT-0002A	Lise Watier New Powder brush	2,000
97.	PUNLR-0004A	Chổi trang điểm môi LIP BRUSH	2,000
98.	PUNMM-0001A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	1,050
99.	PUNSM-0001C	LANCOME MINI FOUNDATION #2-MATTE FERRULE, FSC HANDLE	358,960
100.	PYRES-0001A	Bút trang điểm mắt AM PINC BISEAU	20,160
101.	PYRFB-0001A	Chổi trang điểm má AM PINC BLUSH	35,136
102.	PYRFC-0001A	Chổi trang điểm má AM PINC CORREC	25,056
103.	PYRFF-0002A	Chổi trang điểm má MASK BRUSH	19,968
104.	QLVST-0001A	Chổi trang điểm mắt OMBRES G 23 BRUSHES KIT E/SHAD X200 (1 bộ = 200 chiếc)	2,750
105.	QPGST-0001A	Chổi đánh móng tay / NAIL BRUSH	75
106.	QRPST-0001B	GI.22KIT- SET DE PINCEAUX CRM GWP22	26,110
107.	QUNST-0003A	LANCOME FRANCE XMAS 21 2 PC BRUSH SET	10,700

Bảng 1.2. Quy mô sản xuất tại cơ sở năm 2023

STT	Mã hàng	Tên sản phẩm	Năm 2022
1	PCHA1-0001A	Bút trang điểm môi CHANEL APPLIQUEUR MOUSSE LES BEIGES 5OMBRES	820,000
2	PCHA1-0002A	Bút trang điểm môi CHANEL NEW MONO APPLICATOR	160
3	PCHA1-0002B	Chổi trang điểm mắt CHANEL NEW 4 OMBRE APPLICATOR	2,200
4	PCHA2-0007B	Chổi trang điểm mắt APPLI DBLE EMBOUT FOAM/BRUSH SANS ZPT	115,000

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

5	PCHA2-0008A	Chổi trang điểm mắt CHANEL NEW BRIEF BRUSH APPLICATOR	6,380
6	PCHA2-0008B	Chổi trang điểm mắt CHANEL NEW MONO 2024 DOUBLE END APPLICATOR	670,400
7	PCHEE-0001A	Bút trang điểm mắt PINCEAU POILS ADV LE SOURCIL 2019	54,000
8	PCHLL-0001A	Bút trang điểm mắt CHANEL APPLICATEUR OMBRE PREMIERE CREME	100,000
9	PCHLL-0004A	Bút trang điểm mắt PINCEAU PALETTE REGARD 2018	740,000
10	PCHLL-0006A	Chổi trang điểm CHANEL PINCEAU ADV OMBRES 1ER - SYNTHETIQUE	200,000
11	PCHMM-0003A	Bút trang điểm mắt CHANEL GOUPILLON SOURCIL 2019	150,000
12	PCMFB-0007A	Chổi trang điểm má BRI/LAN/PINCEAU POUDRE CPTÉ LCM 2018 TR	50,000
13	PCMFO-0009A	Chổi trang điểm má COMACT FREE WEAR	180,000
14	PCMFO-0016A	Chổi trang điểm má YSL BLUSH BRUSH	85,000
15	PCMLL-0005A	Chổi trang điểm môi ARMANI SMALL LIP	748,979
16	PCMMM-0001B	Chổi trang điểm mắt /BRI/ NV PINCEAU DOUBLE EMBOUT- EYE BROW SHAPER 3605841564307	5,000
17	PLOE3-0001A	Chổi trang điểm mắt BRUSH UD NAKED UNIVERSAL	250,320
18	PLV2B-0002A	Bút trang điểm mắt, ASSY DUAL ENDED ANGLED EYEBROW POMADE BRUSH MRKBX AM26	50,160
19	PLVA1-0008B	Bút trang điểm mắt APPLICATEUR FAP DS MONO COUT NEW DIOR	490,000
20	PLVA1-0008C	Chổi trang điểm mắt M023 - RÉNOVATION BOITIER MONO COULEUR	174,000
21	PLVA1-0009A	Chổi trang điểm mắt APPLICATEUR No2 DS COUL 5C COUTFAP	1,756,000
22	PLVA1-0010A	Chổi trang điểm mắt APPLICATEUR No1 DS COUL 5C COUTFAP	1,656,000
23	PLVA2-0028B	Chổi trang điểm mắt /PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	76,408
24	PLVA2-0038B	Chổi trang điểm mắt /PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	76,000
25	PLVA2-0041A	Chổi trang điểm má/ Couture Brush Demo x 50 int 20	2,268

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

26	PLVA2-0042A	Chổi trang điểm mắt APPLIC FAPX4 EYES 22 X2 MOUSSES	95,760
27	PLVA2-0043A	Chổi trang điểm mắt APPLIC FAPX4 EYES 22 X1 MOUSSE X1 POILS	95,760
28	PLVA2-0044A	Chổi trang điểm mắt PR 121 EYE APP	550
29	PLVA2-0044B	Chổi trang điểm mắt PR 122 EYE APP	550
30	PLVFO-0007B	Chổi trang điểm má/M860 Rouge Blush Applicator	800,000
31	PLVFS-0004A	Chổi trang điểm má PINCEAU PRESTIGE MICRO-FLUIDE TDR INT19	144,500
32	PLVFS-0005A	Chổi trang điểm má /PREST FDT MICRO-FL TDR TEST KABUKI X1 INT19	900
33	PLVLL-0015B	Chổi trang điểm môi/PR - Xmas Palettes 2022 - PR117 & PR118-CAPITAL "DIOR" LOGO	76,000
34	PLVLL-0015C	Chổi trang điểm lip PR 121 LIP APP	550
35	PLVMS-0002A	Thìa bằng nhựa phụ kiện trang điểm /SPATULA (SHORT) X 50 AS10	14,340
36	PPGEB-0001A	Chổi trang điểm mắt BLENDING	10,500
37	PPGEE-0001A	Chổi trang điểm mắt EYE BROW	10,000
38	PPGEE-0002A	Chổi trang điểm mắt EYE BROW	10,000
39	PPGEM-0001A	Chổi trang điểm mắt SMUDGE	10,500
40	PPGES-0001A	Chổi trang điểm mắt EYE SHADOW	10,000
41	PPGES-0002A	Chổi trang điểm mắt EYE SHADOW 1	10,000
42	PPGES-0003A	Chổi trang điểm mắt EYE SHADOW 2	10,000
43	PPGLL-0001A	Bút trang điểm môi LIP BRUSH	50,000
44	PRP2B-0001A	Bút trang điểm mắt LE/RENO/TR-D/E APP	52,000
45	PRPA1-0002A	Bút trang điểm mắt PINCEAU APPLICATEUR SOFT BRUSH	20,000
46	PRPEL-0001A	Bút trang điểm mắt PINCEAU EYELINER	20,000
47	PRPES-0005A	Bút trang điểm mắt PINCEAU PAUPIERE	20,000
48	PRPFF-0002A	Chổi trang điểm má/ FDT LSN23 - ANGLE SHAPE & ROUND BOTTOM	38
49	PRPFF-0002B	Chổi trang điểm má PINCEAU FDT SOIN	60,000
50	PRPFN-0001A	Chổi trang điểm má/ CL.22ENZ	140,000
51	PRPFO-0006B	Chổi trang điểm má /PINCEAU BOITIER JOLI BLUSH	201,600
52	PRPFO-0007A	Chổi trang điểm má CL/SUN/PD - PBT VERSION	259,200
53	PRPFO-0008A	Chổi trang điểm má CL/BL/BR/NEW - PBT	155,520

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

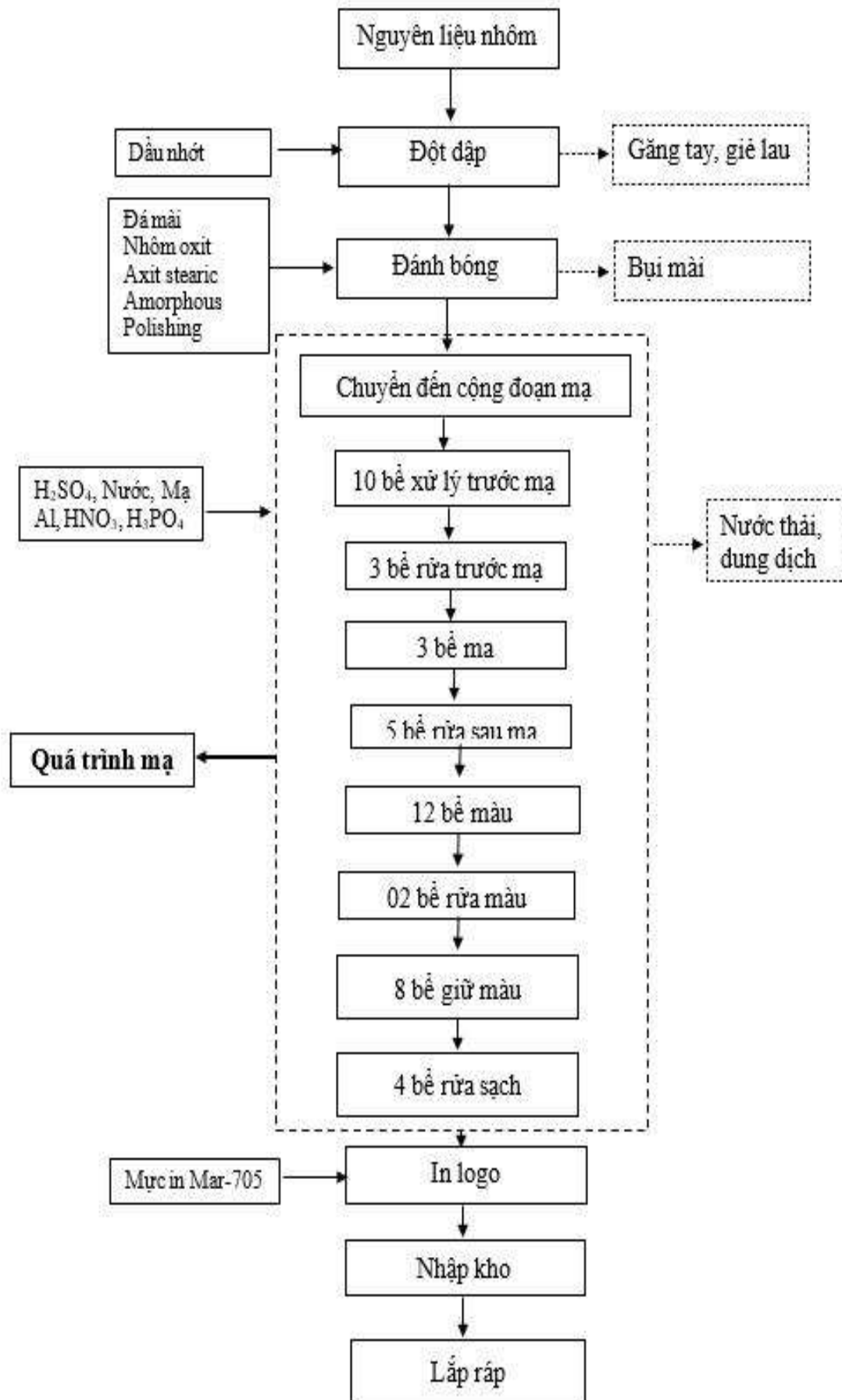
		VERSION	
54	PRPFO-0009A	Chổi trang điểm má CL/NEW/J.CONT - PBT VERSION	622,580
55	PRPFO-0010A	Chổi trang điểm má /CL/JCBP/BR	155,520
56	PRPFO-0012A	Chổi trang điểm má CL.22COO	310
57	PRPFS-0001A	Chổi trang điểm má PINCEAU KABUKI	11,000
58	PRPFS-0005A	Chổi trang điểm má/ YL/KAB/BR18	712,800
59	PRPFS-0006D	Chổi trang điểm má KABUKI NOIR GWP23 GI.23KAB	149,000
60	PRPFS-0006E	Chổi trang điểm má KABUKI GIFT 2024 GI.22GWP	22,076
61	PRPFS-0008A	Chổi trang điểm má LO.22BOD	260
62	PRPFS-0009A	Chổi trang điểm má LO.23KAB	515
63	PRPLL-0006A	Bút trang điểm môi LE/RENO/TR-LIP	30,000
64	PUN2B-0006C	Bút trang điểm mắt APPLICATOR SIMPLY NUDES	5,000
65	PUNA1-0003A	Bút trang điểm mắt Lise watier se applicator	20,000
66	PUNA1-0004A	Bút trang điểm mắt/Lise watier replaceable sponge applicators (x4)	2,000
67	PUNA2-0011A	Bút trang điểm mắt/LW DE FOAM APPLICATOR	15,000
68	PUNA2-0014A	Bút trang điểm mắt D/E APPLICATOR BRUSH	2,000
69	PUNE2-0007A	Bút trang điểm mắt/LW DE FOAM/HAIR APPLICATOR	15,000
70	PUNEB-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	2,000
71	PUNEB-0004A	Chổi trang điểm má/ LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	2,000
72	PUNEL-0003B	Chổi trang điểm mắt APP MNY GEL EYELINER BENT BRUSH PET	560,000
73	PUNEL-0008A	Bút trang điểm mắt EYELINER BRUSH	2,000
74	PUNES-0017A	Bút trang điểm mắt LW RENOVATION BRUSHES	2,000
75	PUNES-0018A	Chổi trang điểm mắt CAMOUFLAGE BRUSH	2,000
76	PUNFB-0003A	Chổi trang điểm má ELIZABETH ARDEN NEW BLUSH BRUSH	50,000
77	PUNFB-0007A	Chổi trang điểm má LANCOME BLUSH SUBTIL PBT	672,000
78	PUNFB-0009A	Chổi trang điểm má BLUSH BRUSH	2,000

79	PUNFC-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	4,000
80	PUNFP-0007A	Bút trang điểm mắt /LISE WAITER- PERFECTING FOUNDATION BRUSH	6,000
81	PUNFP-0008A	Chổi trang điểm má LOOSE POWDER BRUSH	2,000
82	PUNFR-0003A	Chổi trang điểm má /LISE WAITER RENOVATION KABUKI RETRACTABLE BRUSH	2,000
83	PUNLR-0004A	Chổi trang điểm môi LIP BRUSH	2,000
84	PUNMM-0001A	Chổi trang điểm má /LISE WAITIER RENOVATION BRUSHES	2,000
85	PYRES-0001A	Bút trang điểm mắt AM PINC BISEAU	43,200
86	PYRFB-0001A	Chổi trang điểm má AM PINC BLUSH	52,704
87	PYRFC-0001A	Chổi trang điểm má AM PINC CORREC	25,056
88	PYRFF-0002A	Chổi trang điểm má MASK BRUSH	9,984
89	QLVST-0001A	Chổi trang điểm mắt OMBRES G 23 BRUSHES KIT E/SHAD X200 (1 bộ = 200 chiếc)	2,000
90	QLVST-0003A	Chổi trang điểm mắt DSHOW 5 COUL DISPOS BRUSHES X50 INT23 (01 bộ = 100 chiếc)	2,500
91	QRPST-0001C	Bộ chổi trang điểm gồm 3 chiếc KIT 3 PINCEAUX GWP23 GI.23KIT	3,360
92	QRPST-0001D	Bộ chổi trang điểm gồm 3 chiếc KIT 3 PINCEAUX GIFT 2024 GI.22GWP	13,090
93	PCHA1-0001A	Bút trang điểm môi CHANEL APPLICATEUR MOUSSE LES BEIGES 5OMBRES	820,000

3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

3.2.1. Công nghệ sản xuất cọ trang điểm

a. Quy trình công nghệ sản xuất ống quản



Hình 1.1. Quy trình sản xuất ống quần

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Đột dập

Công ty nhập Nhôm về để sản xuất ống quần. Nhôm được đưa vào công đoạn đột dập. Trong quá trình đột dập bộ phận đột dập dùng dầu nhớt để bôi trơn. Tại công đoạn đột dập có phát sinh chất thải nguy hại là gãy tay, giẻ lau dính dầu từ quá trình thay dầu nhớt cho máy đột dập. Hàng ngày, công nhân sẽ thu gom về kho chứa chất thải nguy hại.

Bước 2: Đánh bóng

Nhôm sau quá trình đột dập sẽ được chuyển đến công đoạn đánh bóng. Tại công đoạn đánh bóng sử dụng nguyên liệu chủ đạo là đá mài và các hóa chất như nhôm axít, axít stearic, amorphous, polishing oil, có tác dụng làm sạch mài nhẵn bề mặt ống quần. Trong quá trình đánh bóng phát sinh chất thải là bụi mài, đá mài đã qua sử dụng, được thu gom về khu vực chứa chất thải nguy hại.

Bước 3: Quá trình mạ

Sản phẩm sau khi mài, đánh bóng sẽ được đưa đến công đoạn mạ sản phẩm (Số lượng sản phẩm cần mạ là 11.747.028 sản phẩm mạ/năm tương đương 100 tấn). Trước khi mạ, vật cần mạ cần phải được làm sạch bề mặt để tăng độ bám dính của lớp mạ. Vật cần mạ đầu tiên được làm sạch tại 10 bể xử lý trước mạ, tại bể xử lý trước mạ sử dụng H_2SO_4 , H_3PO_4 , HNO_3 có tác dụng làm sạch bề mặt vật liệu và hóa chất còn bám dính từ công đoạn đánh bóng. Vật liệu sau khi xử lý trước mạ sẽ được đưa sang 03 bể rửa trước mạ tại công đoạn này sử dụng nước sạch và hóa chất HNO_3 . Vật liệu sau khi qua 03 bể rửa trước mạ sẽ được tiếp tục đưa sang 03 bể mạ điện phân dùng hóa chất H_2SO_4 , tại cơ sở sử dụng mạ nhôm. Vật liệu sau khi mạ Al sẽ được đưa đến 05 bể rửa sau mạ, tại bể rửa sau mạ sử dụng làm sạch. Sau khi qua quá trình mạ, vật liệu được đưa đến 12 bể màu (tùy từng mặt hàng sẽ được mạ màu khác nhau). Sau khi vật liệu qua bể mạ màu sẽ được đưa đến 02 bể rửa màu và 08 bể giữ màu, tại bể giữ màu sử dụng hóa chất là DX500 và Nước Sunligh có tác dụng giúp giữ màu lâu hơn. Sau đó vật liệu được chuyển đến 4 bể rửa sạch, tại đây sử dụng nước sạch để loại bỏ hóa chất thừa còn bám dính trên bề mặt vật liệu. Tại quá trình mạ phát sinh nước thải, dung dịch thải, khí thải mạ

Nước thải phát sinh từ quá trình mạ sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải (mạ và nhuộm) công suất 200m³/ngày.đêm

Tại quá trình này phát sinh nước thải và dung dịch thải. Hàng ngày được thu gom về hệ thống xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm và được xử lý.

Khí thải mạ phát sinh sẽ được thu gom và xử lý tại hệ thống xử lý khí thải mạ công suất 24.000m³/h.

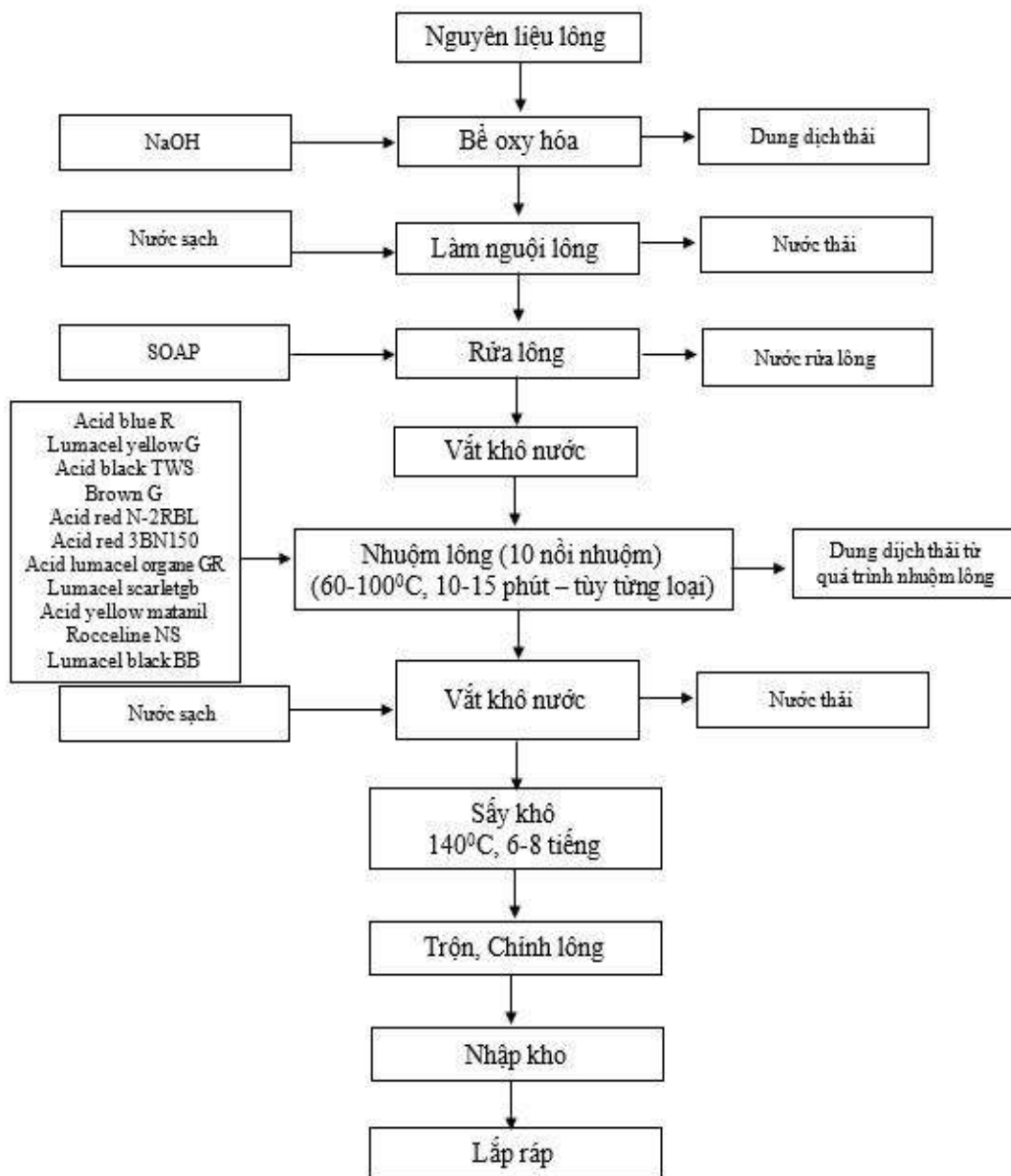
Bước 4: In logo

Sản phẩm sau khi mạ sẽ được tiếp tục đưa đến công đoạn in logo. Tại quá trình in logo sử dụng chất chủ đạo là mực in Mar-705.

Bước 6,7: Nhập kho, lắp ráp

Sản phẩm sau khi In logo sẽ được chuyển đến công đoạn nhập kho và chờ lắp ráp.

b. Quy trình công nghệ sản xuất nhuộm lông



Hình 1.2. Quy trình sản xuất nhuộm lông

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Bể oxy hóa

Công ty nhập nguyên liệu lông về để xử lý. Nguyên liệu lông thô đầu tiên được xử lý qua máy oxy hóa, tại công đoạn này sử dụng hóa chất chủ đạo là NaOH. Tại quá trình này phát sinh nước dung dịch thải. Hàng ngày được thu gom về hệ thống

xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm và được xử lý.

Bước 2: Làm nguội lông

Sau khi lông được xử lý qua bể oxy hóa sẽ được tiếp tục đưa đến công đoạn làm nguội lông, tại công đoạn này sử dụng nước sạch. Tại quá trình này phát sinh nước thải. Nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm.

Bước 3: Rửa lông

Sản phẩm sau khi làm nguội được tiến hành rửa lông, tại đây sử dụng soap để rửa sạch lông trước khi nhuộm, giúp loại bỏ hoàn toàn hóa chất còn bám dính từ quá trình oxy hóa. Chất thải phát sinh từ quá trình này là nước rửa lông. Nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm.

Bước 4: Vắt khô nước

Sản phẩm sau rửa sạch sẽ được vắt khô nước và chuyển đến công đoạn nhuộm lông

Bước 5: Nhuộm lông

Sản phẩm sau quá trình vắt khô nước được đưa vào quá trình nhuộm lông, tại đây cơ sở sử dụng 10 máy nhuộm có dung tích khác nhau, thời gian và nhiệt độ nhuộm khoảng 60-140⁰C, 1-2 giờ – tùy từng loại lông và máy nhuộm. Tại quá trình nhuộm sử dụng hóa chất chủ đạo là Acid blue R, Lumacel yellow G, Acid black TWS, Brown G, acid rea N-2RBL, Acid red 3BN150, Acid lumacel organe GR, Lumacel scarletgb, Acid yellow matanil, Rocceline NS, Lumacel black BB. Chất thải phát sinh từ quá trình này là dung dịch thải + nước thải từ quá trình nhuộm lông, nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm.

Bước 6: Vắt khô nước

Sản phẩm sau khi nhuộm sẽ tiến hành vắt khô nước, trước khi vắt khô cơ sở sẽ tiến hành rửa lông bằng nước sạch. Tại công đoạn này phát sinh nước thải, nước thải sẽ được thu gom về hệ thống xử lý nước thải mạ + nhuộm công suất 200m³/ngày.đêm

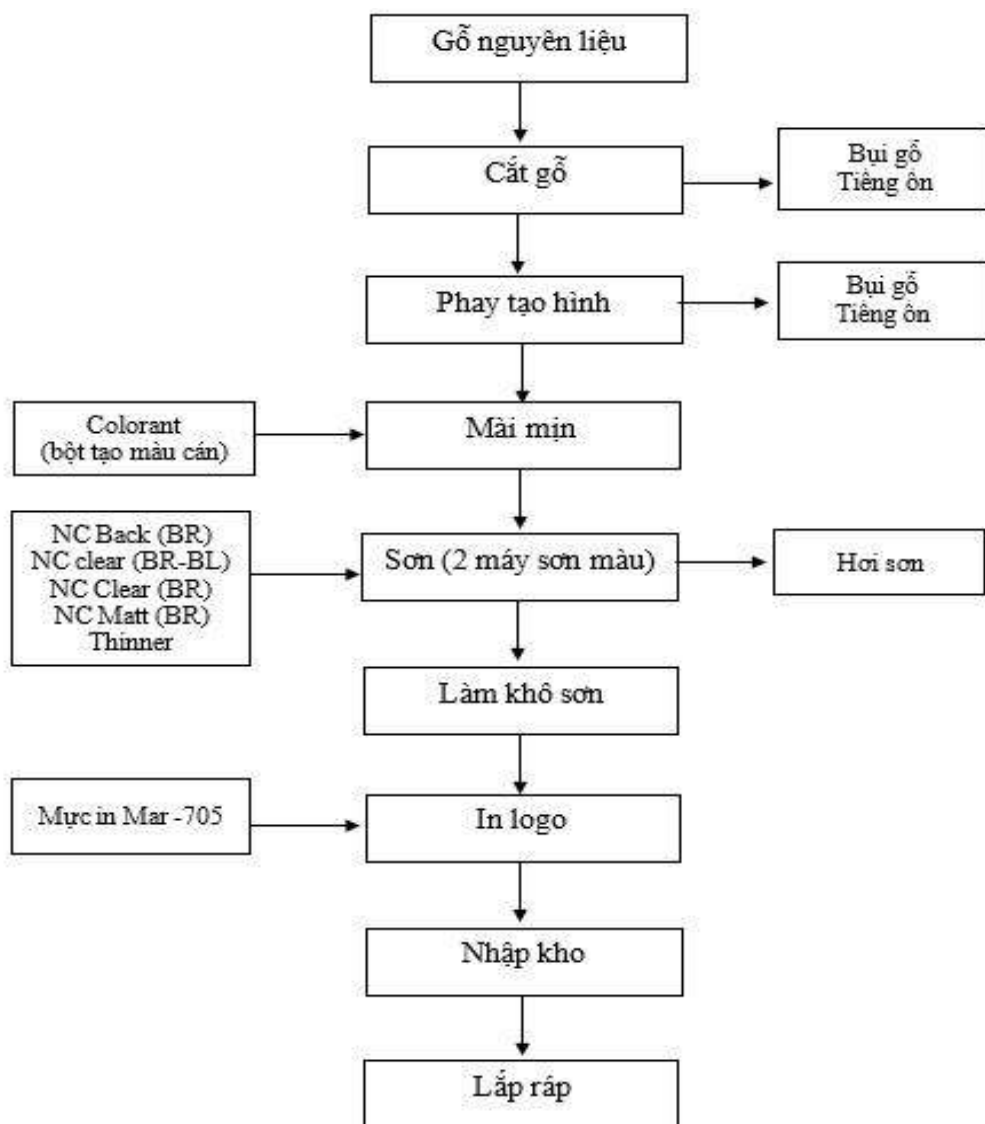
Bước 7,8: Sấy khô, trộn, chỉnh lông

Sau khi vắt khô nước, lông được chuyển đến công đoạn sấy, tại đây sấy trong nhiệt độ từ 90⁰C - 100⁰C, trong thời gian 4-8 tiếng. Sau khi sấy xong lông được trộn đều và công nhân tại cơ sở sẽ tiến hành căn chỉnh lông cho đều nhau.

Bước 9,10: Nhập kho, lắp ráp

Lông sau khi được căn chỉnh sẽ được chuyển đến công đoạn nhập kho và chờ lắp ráp.

c. Quy trình công nghệ sản xuất cán gổ



Hình 1.3. Quy trình sản xuất cán gỗ

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Cắt gỗ

Công ty nhập nguyên liệu gỗ về. Từ nguyên liệu gỗ thô ban đầu, bộ phận cán gỗ sẽ tiến hành cắt gỗ theo kích thước thiết kế, tại công đoạn này phát sinh bụi gỗ và tiếng ồn. Bụi gỗ được thu gom về khu vực chứa CTR thông thường.

Bước 2: Phay tạo hình

Sau khi được cắt gỗ, công nhân sẽ tiến hành phay tạo hình theo thiết kế sẵn có của công ty, mục đích phay loại bỏ đi phần thừa và tạo hình. Tại công đoạn này phát sinh bụi gỗ và tiếng ồn. Bụi gỗ được thu gom về khu vực chứa CTR thông thường.

Bước 3: Mài mịn

Sản phẩm sau khi phay tạo hình sẽ được đưa đến công đoạn mài mịn. Tại công đoạn này sử dụng colorant (bột tạo bóng bề mặt cán).

Bước 4,5: Sơn (02 máy sơn màu), làm khô sơn

Sản phẩm sau khi mài mịn, cán gỗ được đưa đến công đoạn đóng bảng để chuẩn bị sơn. Tại quá trình sơn cơ sở sử dụng 2 máy sơn màu. Tại quá trình sơn sử dụng hóa chất chủ đạo là NC Black (BR), Nc clear (BR-BL), NC clear (BR), NC Matt (BR), Thinner. Sau khi sơn cán gỗ sẽ được để khô trên kệ và được chuyển sang công đoạn in logo.

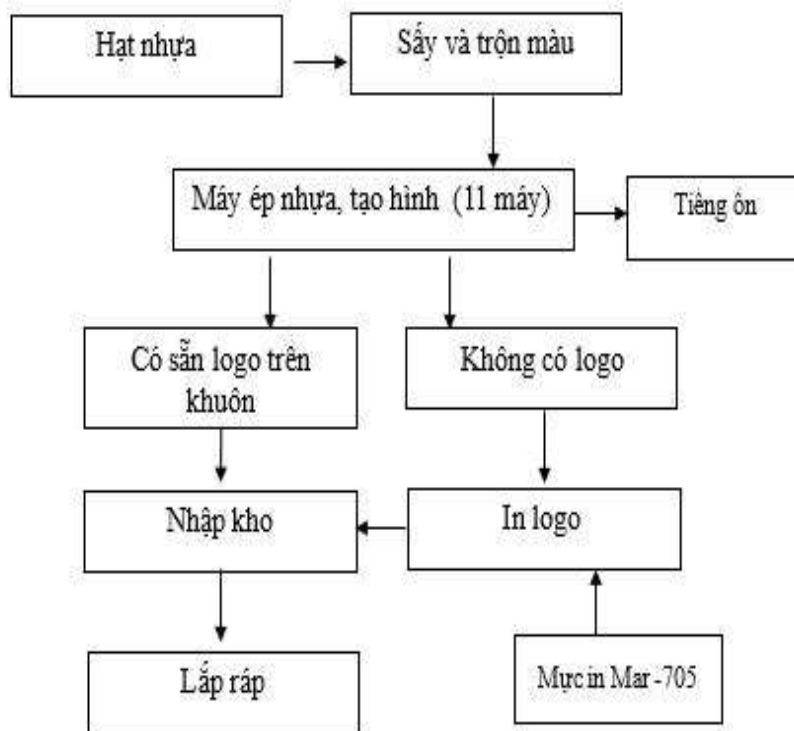
Bước 6: In logo

Sản phẩm sau khi làm khô sơn sẽ được tiếp tục đưa đến công đoạn in logo. Tại quá trình in logo sử dụng chất chủ đạo là mực in Mar-705.

Bước 7,8: Nhập kho, lắp ráp

Cán gỗ sau khi được in logo sẽ được chuyển đến công đoạn nhập kho và chờ lắp ráp.

d. Quy trình sản xuất cán nhựa



Hình 1.4. Quy trình sản xuất cán nhựa

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Sấy và trộn màu

Công ty nhập hạt nhựa về. Tại đây công nhân viên sẽ tiến hành sấy và trộn màu.

Bước 2: Máy ép nhựa, tạo hình

Sau khi hạt nhựa được tiến hành sấy và trộn màu sẽ được đưa vào máy ép nhựa, tạo hình (tại cơ sở hiện tại có 11 máy), tại quá trình ép nhựa tạo hình có phát sinh tiếng ồn.

Tại quá trình ép nhựa tạo hình có 2 loại:

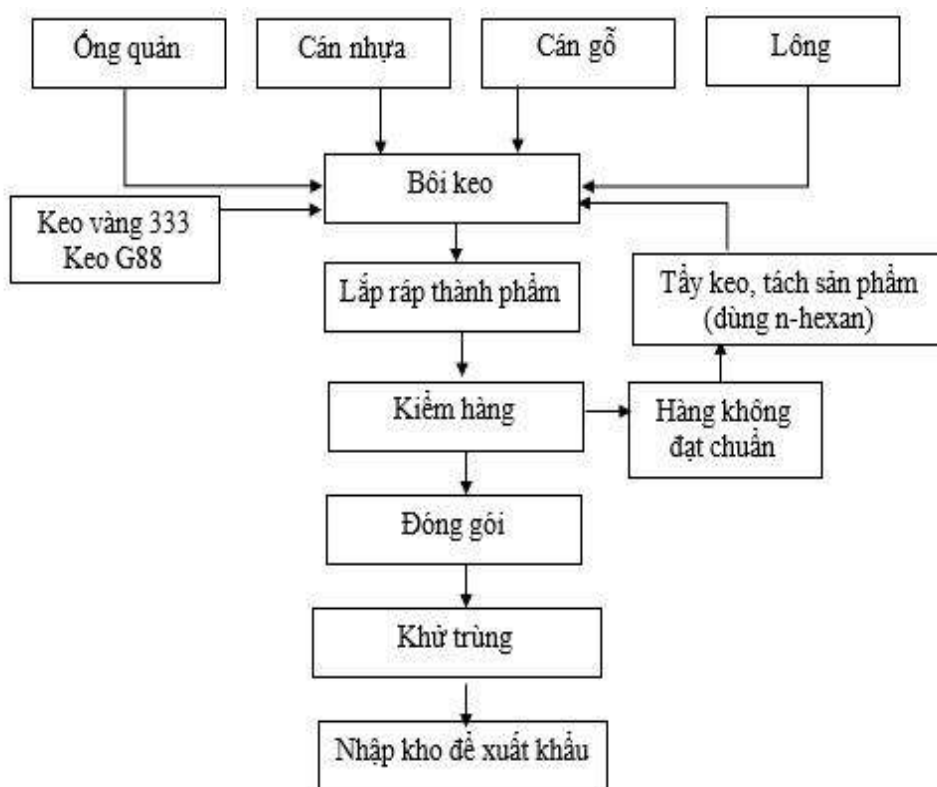
+ Có sẵn logo trên khuôn: Đối với cán nhựa có sẵn logo sẽ được nhập kho và chờ lắp ráp

+ Không có logo: Đối với những cán nhựa không có logo, sẽ được tiến hành in logo trước khi nhập kho và chờ lắp ráp (mực sử dụng in logo là mực in Mar-705)

Bước 3,4: Nhập kho, lắp ráp

Cán nhựa sau khi được in logo và cán nhựa có sẵn logo sẽ được chuyển đến công đoạn nhập kho và chờ lắp ráp.

e. Quy trình công nghệ lắp ráp sản phẩm



Hình 1.5. Quy trình lắp ráp sản phẩm

Thuyết minh quy trình sản xuất:

Bước 1: Bôi keo, lắp ráp thành phẩm

+ Tra lông vào ống quần, rồi dùng keo tra vào ống quần làm cho lông dính chặt vào ống quần, tại đây sử dụng keo vàng 333 và keo G88.

+ Khi keo khô bắt đầu lắp ống quần vào cán. Công nhân sẽ dùng keo nến để gắn cán với ống quần, sau khi lắp ráp xong chổi trang điểm sẽ được chuyển sang bộ phận kiểm hàng.

Bước 2: Kiểm hàng, đóng gói

Sau khi chổi trang điểm được lắp ráp hoàn chỉnh sẽ được chuyển sang bộ phận kiểm hàng,

+ Tại đây những sản phẩm nào đạt chất lượng sẽ được chuyển qua công đoạn đóng gói.

+ Đối với những sản phẩm, hàng không đạt chuẩn sẽ được tẩy keo, tách sản phẩm (dùng n-hexan) để tách và tiến hành bôi keo và lắp ráp lại như ban đầu và tiếp tục đưa qua công đoạn kiểm hàng và đóng gói

Bước 3,4: Khử trùng, nhập kho để xuất khẩu

Sản phẩm sau khi đóng gói sẽ được đem đi khử trùng (khử trùng bằng hỗn hợp khí Ethylene Oxide (30%) và carbon dioxide (70%) E.T.O). Sau khử trùng tiến hành nhập kho thành phẩm và chờ xuất khẩu.

3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là các loại cọ trang điểm:

Dưới đây là một số hình ảnh sản phẩm đã hoàn thiện của cơ sở:



Hình 1.6. Hình ảnh sản phẩm đã hoàn thiện của cơ sở

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, hóa chất

Các nguyên vật liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở bao gồm:

Bảng 1.3. Nhu cầu về nguyên liệu vật liệu phục vụ cho hoạt động của cơ sở

TT	Nguyên liệu, hóa chất	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Chức năng
1	Nhôm	Kg	399.165	258.919	Chế tạo ống quần
2	Lông	Kg	75.268	61.366	Quá trình nhuộm lông và lắp ráp thành phẩm
3	Túi nylon	Chiếc	7.066.750	4.238.232	Dùng trong quy trình đóng gói cọ trang điểm
4	Hộp giấy	Chiếc	42.895	180.467	
5	Hạt nhựa	Kg	31.704	14.850	Dùng trong sản xuất cán nhựa
6	Bột biển	Tờ	16.960	11.681	
7	Cán gỗ	Chiếc	538.487	360.160	Dùng trong sản xuất cán gỗ

(Nguồn: Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam)

Bảng 1.4. Nhu cầu về hóa chất phục vụ cho hoạt động của cơ sở

TT	Hóa chất	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Chức năng
1	Glue Yellow 333	kg	3.390	1.710	Dùng trong sản xuất
2	N-hexane C ₆ H ₁₄ -138kg production	kg	1.129	690	
3	Toluen-179 kg/drum	Kg	7.959	8.060	
4	Acid phosphoric H ₃ PO ₄	kg	91.665	71.050	Dùng trong quá trình mạ
5	Acid Nitric HNO ₃	kg	59.780	52.780	
6	Acid Sunfuric H ₂ SO ₄	kg	36.268	29.939	
7	Acetic acid CH ₃ -COOH	kg	750	420	Dùng trong quá trình nhuộm lông
8	Soap	kg	710	630	
9	Colorlant acid black TWS	kg	100	177	
10	Black BB	kg	160	190	
11	PAC	kg	11.175	18.750	Dùng trong xử lý nước thải
12	NaOH	kg	55.250	37.075	
13	FeCl ₂ 25%	kg	1.750	1.000	
14	Polime Cationic	kg	150	275	

(Nguồn: Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam)

4.2. Nhu cầu sử dụng điện

- Nguồn cung cấp: Nguồn điện được cấp từ lưới điện của khu công nghiệp đến máy biến áp đặt trong khu vực. Toàn bộ nhà máy được cung cấp điện từ máy biến áp đặt trong trạm biến áp cuối công trình.

- Nhu cầu sử dụng điện : Căn cứ theo hóa đơn tiền điện hàng tháng của Nhà máy, lượng điện tiêu thụ bình quân khoảng: 191.783kWh/1 tháng

Bảng 1.5. Lượng điện tiêu thụ hàng tháng của cơ sở

STT	Tháng	Lượng điện tiêu thụ (kwh/kỳ)
1	Tháng 2/2024	136.400
2	Tháng 3/2024	210.000
3	Tháng 4/2024	197.700
4	Tháng 5/2024	200.000
5	Tháng 6/2024	211.400
6	Tháng 7/2024	195.200
Trung bình		191.783

4.3. Nhu cầu sử dụng nước

Nguồn cấp nước: Nước cấp cho hoạt động của Nhà máy được lấy từ đường ống dẫn nước của KCN hiện đang cấp cho Nhà máy (Đơn vị cấp nước: Công ty Cổ phần đầu tư Suối Ngọc).

a. Nhu cầu sử dụng nước trung bình

Theo hóa đơn tiền nước 5 tháng gần nhất thì lượng nước sử dụng trung bình sử dụng hàng tháng là 3.574m³/tháng tương đương 149m³/ngày (trung bình 1 tháng làm việc 26 ngày)

Bảng 1.6. Lượng nước sử dụng hàng tháng của cơ sở

STT	Tháng	Lượng nước tiêu thụ (m ³ /tháng)
1	Tháng 1/2024	3.040
2	Tháng 3/2024	3.988
3	Tháng 4/2024	3.701
4	Tháng 5/2024	3.644
5	Tháng 6/2024	3.497
Trung bình		3.574

Nhà máy sử dụng nước cấp đầu vào cho hoạt động sinh hoạt, hoạt động sản xuất và nước tưới cây (ước tính lượng nước tưới cây khoảng 1m³/ngày). Như vậy, lượng nước cấp sinh hoạt cho 400 cán bộ công nhân viên nhà máy và hoạt động sản xuất là khoảng 149m³/ngày.

Quá trình sản xuất của Nhà máy có sử dụng nước sạch.

Hoạt động vệ sinh công nghiệp: sử dụng chổi quét, có rửa sàn

b. Nhu cầu sử dụng nước lớn nhất

b.1. Nhu cầu nước sinh hoạt

Hiện tại nhà máy đang hoạt động ổn định với 400 cán bộ công nhân viên.

- Nước cấp cho sinh hoạt: Định mức nước cấp sinh hoạt theo TCVN 13606:2023 Cấp nước – Mạng lưới đường ống và công trình – Tiêu chuẩn thiết kế là 70l/người/ngày (tại nhà máy có bếp ăn nhân viên). Hệ số không điều hòa giờ là 1,2. Vậy lượng nước cấp cho sinh hoạt là: $(70 \times 1,2 \times 400) / 1000 = 33,6 \text{ m}^3/\text{ngày}$ tương đương 806,4 m³/tháng.

- Nước cấp cho tưới cây: Lượng nước sử dụng tưới cây không thay đổi so với hiện tại, khoảng 1m³/ngày tương đương 24m³/tháng.

Vậy tổng lượng nước cấp lớn nhất cho hoạt động sinh hoạt của nhà máy là: 806,4 + 24 = 830,4 m³/tháng (tương đương 34,6m³/ngày).

Ngoài ra, nhà máy còn sử dụng nước cấp cho hoạt động chữa cháy.

b.2. Nhu cầu nước sản xuất

** Nước cấp cho xưởng mạ (1 xưởng mạ):*

+ Nước cấp cho quá trình mạ: Số lượng bể chứa dung dịch mạ là 3 bể mạ - dung tích 3,78m³/bể, lượng dung dịch mạ chiếm 2/3 dung tích bể. Vậy, tổng lượng nước cấp cho quá trình nhúng bể mạ là:

$$3 \times 3,78 \times 2/3 = 7,6 \text{ m}^3$$

Tuy nhiên, trong quá trình mạ không tiến hành thải bỏ dung dịch mạ, hàng ngày chỉ bổ sung lượng nước cấp vào bể mạ do hao hụt (rơi vãi/bay hơi) khoảng 4% lượng nước cấp vào bể. Vậy, lượng nước cấp bổ sung vào các bể mạ là:

$$7,6 \times 4\% = 0,3 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

+ Nước cấp cho quá trình xử lý, rửa các chi tiết trước mạ và sau mạ của xưởng mạ: Có tổng cộng 18 bể chứa nước rửa các chi tiết trước và sau mạ, gồm: 10 bể xử lý trước mạ (dung tích 0,528m³/1 bể); 03 bể rửa trước mạ + 05 bể rửa sau mạ + 02 bể rửa màu + 04 bể rửa sạch (dung tích 0,72 m³/1 bể), lượng nước trong bể chiếm 2/3 dung tích bể và nước cấp cho các bể là 1 lần/ngày. Vậy, tổng lượng cấp cho quá trình xử lý trước và sau mạ là:

$$(10 \times 0,528 + 3 \times 0,72 + 5 \times 0,72 + 2 \times 0,72 + 4 \times 0,72) \times 2/3 = 10,24 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

+ Nước cấp cho bể màu trong quá trình mạ: Có tổng cộng 12 bể màu (dung tích 0,8m³/bể) và 08 bể giữ màu (trong đó có 04 bể giữ màu loại 1 dung tích mỗi bể là 0,8m³/1 bể; 04 bể giữ màu loại 2 – dung tích mỗi bể là 0,64m³/bể), lượng nước trong bể chiếm 2/3 dung tích bể và nước cấp cho các bể giữ màu là 3 ngày/lần. Vậy tổng lượng nước cấp cho quá trình giữ màu là:

$$(12 \times 0,8 + 4 \times 0,8 + 4 \times 0,64) \times 2/3 = 10,24 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

- Ngoài ra, nước sạch còn được cấp cho hoạt động vệ sinh

+ Nước cấp cho hoạt động vệ sinh bể mạ (định kỳ 06 tháng/lần): Do nước trong bể mạ sử dụng lâu ngày chứa cặn, vì vậy định kỳ 6 tháng/lần chủ cơ sở tiến hành bơm

nước chứa dung dịch mạ vào bể khác (với chức năng là bể trung gian để chứa tạm thời, không thải bỏ dung dịch mạ) và vệ sinh bể mạ. Theo tham khảo các dự án đã đi vào hoạt động của ngành mạ, lượng nước cọ, rửa bể trung bình khoảng $7\text{m}^3/\text{lần}$.

+ Nước sạch cấp cho hoạt động vệ sinh bể xử lý trước mạ, sau mạ, bể rửa màu và rửa sạch - 24 bể (định kỳ 1 ngày/lần): Do đó nước cấp cho quá trình vệ sinh khoảng $14,8\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Nước sạch cấp cho hoạt động vệ sinh 12 bể màu và 08 bể giữ màu (định kỳ 3 ngày/lần): Do đó nước cấp cho quá trình vệ sinh khoảng $15,4\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

Do vậy, lượng nước cấp lớn nhất trong công đoạn mạ + giữ màu là:

$$7,6 + 0,3 + 10,24 + 10,24 + 7 + 14,8 + 15,4 = 65,58\text{m}^3/\text{ngày}.$$

*** Nước cấp cho các hệ thống xử lý khí thải:**

+ Hàng ngày nước sẽ tự động cấp (do bay hơi) khoảng $0,1\text{m}^3/\text{ngày}/1$ hệ thống. Do vậy 02 hệ thống sẽ cấp khoảng $0,2\text{m}^3/\text{ngày}$.

+ Nước cấp cho hệ thống xử lý khí thải mạ khoảng $0,5\text{m}^3/1$ hệ thống. Được sử dụng tuần hoàn và định kỳ thay thế 6 tháng/lần.

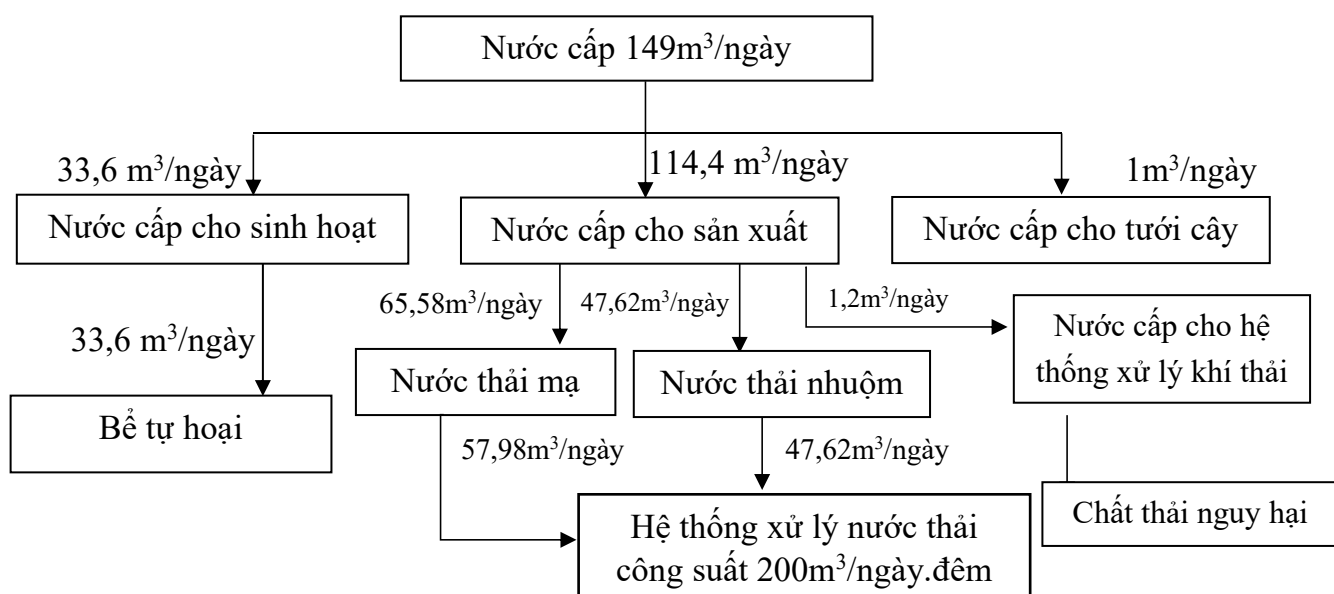
→ Do vậy, nước cấp lớn nhất cho hệ thống xử lý khí thải là: $0,2 + 1 = 1,2\text{m}^3/\text{ngày}$

→ Nước cấp cho các nồi hơi trong quá trình nhuộm lông là:

$$149 - 34,6 - 65,58 - 1,2 = 47,62\text{ (m}^3/\text{ngày)}$$

- Nước phòng cháy chữa cháy:

Tính toán lượng nước dự trữ cần thiết dự phòng cho công tác chữa cháy (hoặc diễn tập PCCC) cần thiết theo TCVN 2262: 1995 – Phòng cháy chữa cháy nhà và công trình – yêu cầu kỹ thuật, định mức nước chữa cháy bằng $20\text{ lít/s}/\text{đám cháy}$; lượng nước cần dự trữ chữa cháy trong 1 giờ liên tục: $2\text{ đám cháy} \times 20\text{ lít/s} \times 3,6 \times 1\text{ giờ} = 72\text{ m}^3$ (trong đó: giả thiết số đám cháy xảy ra đồng thời là 2 đám cháy; lưu lượng nước tính toán cho mỗi đám cháy lấy bằng 20 lít/s).



Hình 1.7. Sơ đồ cân bằng nước tại cơ sở

5. Đối với cơ sở có sử dụng phế liệu nhập khẩu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất

Tại cơ sở không nhập phế liệu nhập khẩu làm nguyên liệu sản xuất

6. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

6.1. Mô tả tóm tắt quá trình hoạt động của cơ sở

- Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam có địa chỉ tại Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, được thành lập và đi vào hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên: Mã số doanh nghiệp 0500582194 được Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20/03/2008, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 20/05/2024.

- Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam đã được Ban quản lý các Khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số 012043000312, chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 1 ngày 26/8/2009, chứng nhận thay đổi lần thứ 2 ngày 14/5/2010, chứng nhận thay đổi lần thứ ba, ngày 23/8/2011 của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội. Với diện tích khu đất của cơ sở là 35.852,6m². Hiện nay, Công ty đã đầu tư xây dựng hoàn thiện các nhà các công trình chính, các công trình phụ trợ, các công trình bảo vệ môi trường cho toàn bộ nhà máy.

6.2. Vị trí thực hiện của cơ sở

Tổng diện tích của nhà máy là 35.852,6m². Nhà máy nằm trong Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Vị trí tiếp giáp của Nhà máy tiếp giáp với ranh giới của các nhà máy sau:

- Phía Nam giáp phần đất của Công ty May Star Fashion.
- Phía Đông giáp đường gom 1 KCN Phú Nghĩa.
- Phía Tây giáp Đường N4 KCN Phú Nghĩa.
- Phía Bắc giáp Đường T7 KCN Phú Nghĩa.

Khoảng cách từ cơ sở đến cư dân gần nhất khoảng 300m.



Hình 1.8. Vị trí thực hiện của cơ sở

6.3. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được thực hiện trên khu đất lô CN-B6. Diện tích là 35.852,6m². Hiện tại, Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam đã xây dựng và hoàn thành tất cả các hạng mục như: nhà điều hành; nhà xưởng; hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống thu gom thoát nước thải, kho chứa rác thải công nghiệp thông thường, kho chứa CTNH và các công trình phụ trợ khác.

Dưới đây là bảng các công trình xây dựng tại lô CN-B6:

Bảng 1.7. Hiện trạng các công trình

STT	Tên hạng mục	Số tầng	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn (m ²)	Kết cấu	Ghi chú
I	Giai đoạn 1					
1	Nhà văn phòng và nhà máy	02	4.160	6.720	Bê tông cốt thép	Giấy phép xây dựng số 904/GPXD-BQL ngày 30/9/2010 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp
2	Nhà phụ trợ A	01	1.980	1.980	Bê tông cốt thép	
3	Nhà phụ trợ B	01	2.490	2.490	Bê tông cốt thép	
4	Nhà nghỉ chuyên gia	03	376	1.129	Bê tông cốt thép	
5	02 nhà bảo vệ	01	48	48	Bê tông cốt thép	
6	02 nhà để xe đạp, xe máy	01	1.254	1.254	Khung thép	
II	Giai đoạn 2					
1	Nhà xưởng sản xuất	01	1.530	1.530	Bê tông cốt thép	Giấy phép xây dựng số 1260/GPXD ngày 14/8/2017 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp

(Nguồn: Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam)

* **Giai đoạn 1:** Đã triển khai theo Giấy phép xây dựng số 904/GPXD-BQL ngày 30/9/2010 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp, các hạng mục

công trình trong giai đoạn 1 cụ thể như sau:

- Công trình số 1: Nhà văn phòng và nhà máy
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 4.160m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 6.720m²;
 - + Chiều cao công trình: 12,0m (từ cốt nền tới đỉnh tường mái);
 - + Số tầng: 02 tầng (từ trục X1-X9); 01 tầng (từ trục X10-X15).
- Công trình số 2: Nhà phụ trợ A
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 1.980m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.980m²;
 - + Chiều cao công trình: 7,7m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn);
 - + Số tầng: 01 tầng.
- Công trình số 3: Nhà phụ trợ B.
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 2.490m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.490m²;
 - + Chiều cao công trình: 7,7m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn);
 - + Số tầng: 01 tầng.
- Công trình số 4: Nhà nghỉ chuyên gia
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 376m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.129m²;
 - + Chiều cao công trình: 10m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn);
 - + Số tầng: 03 tầng.
- Công trình số 5: 02 nhà bảo vệ (nhà bảo vệ cổng chính – diện tích 28,8m²; nhà bảo vệ cổng phụ - diện tích 19,2m²)
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 48m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 48m²;
 - + Chiều cao công trình: 3,3m (từ cốt nền tới đỉnh mái BTCT);
 - + Số tầng: 01 tầng.
- Công trình số 06: 02 nhà để xe đạp xe máy: Nhà để xe đạp xe máy số 1 – diện tích 1.176m²; nhà để xe đạp xe máy số 2 - diện tích 78,1m²;
 - + Diện tích xây dựng tầng 1: 1.254,1m²;
 - + Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.254,1m²;

+ Chiều cao công trình (từ cột nền tới đỉnh mái tôn): 2,8m (Nhà để xe đạp xe máy số 1); 3,7m (Nhà để xe đạp xe máy số 2)

+ Số tầng: 01 tầng.

* **Giai đoạn 2:** Đã triển khai theo Giấy phép xây dựng số 1260/GPXD ngày 14/8/2017 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp, các hạng mục công trình trong giai đoạn 2 cụ thể như sau:

- Công trình số 1: Nhà phụ trợ C

+ Diện tích xây dựng: 1.530m²;

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.530m²;

+ Chiều cao công trình: 8,4m (từ cốt sân đến đỉnh cao nhất của mái)

+ Số tầng: 01 tầng.

* Các hạng mục công trình khác như: Sân đường, 02 nhà cầu (diện tích chiếm đất: 67,0m²/1 nhà; được nối giữa nhà máy, văn phòng với nhà phụ trợ A), cổng và tường rào.....

+ Hệ thống xử lý nước thải mạ + nước thải nhuộm 200m³/ngày.đêm

+ Hệ thống xử lý khí thải mạ: 24.000m³/giờ

+ Diện tích cây xanh: 7.324,1m²

+ Đường giao thông nội bộ + sân bãi: 11.637,6m²

+ Đất dự trữ: 5.062,3m²

6.4. Danh mục máy móc, thiết bị sử dụng cho hoạt động của cơ sở

Các máy móc thiết bị sử dụng cho hoạt động của nhà máy được thống kê trong bảng sau:

Bảng 1.8. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất của cơ sở

TT	Tên thiết bị	Số lượng (máy)	Xuất xứ	Tình trạng	Chức năng
1	Máy hút ẩm / Dehumidifiers	01	Thailan	Tốt	
2	Máy phát điện Cummins 320KW, 400K /Generators Cummins 320KW, 400K VA	01	Trung Quốc	Tốt	
3	Máy phát điện Cummins 320kv 400KGenerators Cummins 320KW, 400K	01	Trung Quốc	Tốt	
4	Lò sấy Hanse HS-OD100/HANSE OVEN DRYER	01	Trung Quốc	Tốt	
5	Máy trộn lăn Hanse tumbler/HANSE TUMBLER	01	Trung Quốc	Tốt	

	MIXER				
6	Máy trộn lẫn Hanse Tumber TK16/ HANSE TUMBLER MIXED	01	Trung Quốc	Tốt	
7	Máy phun ép nhựa LGH 100 DTK17/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
8	Máy ép nhựa LGH 130D TK17/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
9	Máy phun ép nhựa LGH 170D TK17/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
10	Máu phun ép nhựa LGH 170 D tờ khai 17/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
11	Máy phun ép nhựa LGH 170D Tờ khai 17/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
12	Máy khử trùng E O Gas TK21/ E. O GAS STERILANT	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
13	Nồi hơi TK22/ DYING HOT	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
14	Nồi hơi TK22/ DYING HOT	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
15	Máy xử lý nylon TK22/ PROCESSOR NYLON TIP MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
16	Nồi hơi TK22/ DYING HOT	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
17	Nồi hơi TK22/ DYING HOT	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
18	Máy dập tự động TK22/ HAIR PLANTING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
19	Máy dập tự động TK22/ HAIR PLANTING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
20	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
21	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
22	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
23	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
24	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
25	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT

26	Máy sấy-TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
27	Nồi hơi TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
28	Nồi hơi TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
29	Nồi hơi TK24/ DRYER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
30	Máy sấy quay TK 24/ SPIN DYER	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
31	Máy đánh bóng vòng đệm bằng tay TK24/ POLISHING PIN FOR POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
32	Máy đánh bóng vòng đệm bằng tay TK24/ POLISHING PIN FOR POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
33	Máy đánh bóng vòng đệm bằng tayTK24/ POLISHING PIN FOR POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
34	Máy đánh bóng vòng đệm bằng tay TK24/ POLISHING PIN FOR POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
35	Khoang tủ sấy (1) TK24/ DYER CABINET	01	Trung Quốc	Tốt	Sấy in logo
36	Khoang tủ sấy (2) TK24/ DYER CABINET	01	Trung Quốc	Tốt	Sấy in logo
37	Máy in logo TK28/ SCREEN PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
38	Máy in logo TK28/ SCREEN PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
39	Máy in logo TK28/ SCREEN PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
40	Máy in logo TK28/ SCREEN PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
41	Máy in logo TK28/ SCREEN PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
42	Máy in logo lên cán TK28/ COLOR PAD PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
43	Máy in logo lên cánTK28/ COLOR PAD PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
44	Máy in logo lên cán TK28/ COLOR PAD PRINTER	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
45	Máy sấy (phơi) TK28/ EXPOSURE MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	
46	Máy sấy (phơi) TK28/ EXPOSURE MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	

47	Máy sấy UVTK28/ UV CURING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	
48	Máy phay TK28/ VERTICAL MILLING	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
49	Máy mài TK28/ SURFACE GRINDER MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
50	Máy tiện TK28/ LATHE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
51	Máy nghiền nhựa TK29/ PLASTIC CRUSHER	01	Trung Quốc	Tốt	Ép nhựa
52	Máy nghiền nhựa TK29/ PLASTIC CRUSHER	01	Trung Quốc	Tốt	Ép nhựa
53	Máy dập hình nổi bằng tay TK29/ MANUAL HOT STAMPING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
54	Máy dập hình nổi bằng tay TK29/ MANUAL HOT STAMPING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
55	Máy dập hình nổi bằng tay, TK29 / MANUAL HOT STAMPING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
56	Máy dập hình nổi bằng tay TK29/ MANUAL HOT STAMPING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
57	Máy dập hình nổi bằng tay TK29/ MANUAL HOT STAMPING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
58	Máy xử lý lynon TK25/ PROCESSOR NYLON TIP MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
59	Máy xử lý lynon-TK25/ PROCESSOR NYLON TIP MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
60	Máy xử lý nylon -TK25/ PROCESSOR NYLON TIP MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
61	Máy xử lý nylon -TK25/ PROCESSOR NYLON TIP MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
62	Máy cắt nylon TK25/ NYLON CUTTING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
63	Máy hút bụi TK23/ DUST COLLECTION	01	Trung Quốc	Tốt	Hút bụi
64	Máy hút bụi TK23/ DUST COLLECTION	01	Trung Quốc	Tốt	Hút bụi
65	Máy hút bụi TK23/ DUST COLLECTION	01	Trung Quốc	Tốt	Hút bụi

66	Máy phun ép nhựa LGH-130D TK30/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
67	máy phun ép nhựa LGH-170 D TK30/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
68	máy phun ép nhựa LGH-170 D TK30/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
69	máy phun ép nhựa LGH-170 D TK30/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
70	máy phun ép nhựa LGH-170 D TK30/ INJECTION MACHINE	01	Hàn Quốc	Tốt	Ép nhựa
71	Máy đánh bóng tự động TK32/ AUTO FERRULE POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
72	Máy đánh bóng tự động TK32/ AUTO FERRULE POLISHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
73	Máy dập bột biển bằng thép TK29/ SPONG MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Bột biển
74	Máy dập bột biển TK25/ SPONG WELDING PRESSING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Bột biển
75	Máy dập bột biển TK25/ SPONG WELDING PRESSING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Bột biển
76	Máy dập làm thẳng sợi (1)TK43/ 3INCH LIP MACHINE - DJA, DJB, DJC - 1.6KW, 0.38KV	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
77	Máy dập làm thẳng sợi (1) TK3/ 3INCH LIP MACHINE - DJA, DJB, DJC - 1.6KW, 0.38KV	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
78	Máy dập làm thẳng sợi TK43 (3)/ 3INCH LIP MACHINE - DJA, DJB, DJC - 1.6KW, 0.38KV	01	Trung Quốc	Tốt	Làm lông PBT
79	"Điều hoà 1 chiều LG HT-C488DLA1, công suất 48 000 BTU/h"/ Air conditional (1PCS)	01	Trung Quốc	Tốt	
80	Máy dập bột biển/ Sponge press machine	01	Trung Quốc	Tốt	Bột biển
81	Máy cắt gỗ - Wooden handle shaping machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
82	Máy mài /Grinding machine (GR-2)- 0.38kv, 1.5kw	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
83	Máy mài/ Grinding machine (GR-3)- 0.38kv, 2.2kw	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
84	Máy mài /Grinding machine (GR-4)- 0.38kv, 0.75kw	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ

85	Máy mài/ Grinding machine (GR-8)- 0.38kv, 3.75kw	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
86	Máy cắt gỗ / Wooden Cutting Machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
87	Máy cắt gỗ / Wooden Cutting Machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
88	Máy cắt gỗ / Wooden Cutting Machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
89	Máy cắt gỗ / Wooden Cutting Machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt gỗ
90	Máy quét màu (PA-10) - 0.38kv, 0.06kw /Painting machine (PA-10) - 0.38kv, 0.06kw	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
91	Máy quét màu (PA-11) - 0.38kv, 0.06kw / Painting machine (PA-111) - 0.38kv, 0.06kw	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
92	Máy cắt gỗ công suất 2.2Kw, 380V/ Rolling Machine	01	Trung Quốc	Tốt	Cát gỗ
93	Máy khử trùng/ EO Sterilizer machine	01	Trung Quốc	Tốt	
94	Máy hút ẩm công nghiệp/	01	Trung Quốc	Tốt	
95	Máy nghiền nhựa	01	Trung Quốc	Tốt	Ép nhựa
96	Máy in logo TK22 (1) Model: SP818B, Ser.No: 212008, 220V, 50Hz, nhà sản xuất: EVER BRIGHT PRINTING MACHINE FTY.LTD,	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
97	Máy in logo TK22 (2) Model: SP818B, Ser.No: 212008, 220V, 50Hz, nhà sản xuất: EVER BRIGHT PRINTING MACHINE FTY.LTD,	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
98	Máy dán túi nylon TK 100007212761 (1) Model: STS2M và STS6K, công suất 380V, 3KW - 2KW, nhà sx: SHEN TIAN SHENG CO.,LTD,	01	Trung Quốc	Tốt	Đóng gói
99	Máy dán túi nylon TK 100007212761 (2) Model: STS2M và STS6K, công suất 380V, 3KW - 2KW, nhà sx: SHEN TIAN SHENG CO.,LTD,	01	Trung Quốc	Tốt	Đóng gói
100	Máy chia lô sản phẩm TK 100007212761/ SLITTING MACHINE(分条机) Model:	01	Trung Quốc	Tốt	Đóng gói

	TK-100A, công suất 220V, 0.8KW,				
101	10 #& Máy in TK 100007212761 (1) Model: 2014001 và 2014002, công suất 220V, 1KW, nhà sx: YONG FENG PRINTING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
102	10 #& Máy in TK 100007212761 (2) Model: 2014001 và 2014002, công suất 220V, 1KW, nhà sx: YONG FENG PRINTING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
103	Máy dập nóng logo TK 100007212761 (1) Model: VIRL7B, công suất 220V, 1KW	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
104	Máy dập nóng logo TK 100007212761 (2) Model: VIRL7B, công suất 220V, 1KW	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
105	Máy đột dập (1) TK100007212761 ngày 05/05/14 Model: J23-16, công suất 220V, 1 KW,	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
106	Máy trộn lông TK 100007212761/ HAIR MIXING MACHINE Model: DJC-2014, công suất 220V, 0.5KW	01	Trung Quốc	Tốt	Trộn lông
107	Máy in logo lên cán TK 100007212761 ngày 05/05/14/ PRINTING MACHINE Model: g5561 và g5562, công suất 220V, 1KW,	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
108	Máy hút ẩm của Quang Minh/	01	Việt Nam	Tốt	Hút ẩm
109	Máy đột dập TK 100045539860 ngày 23/06/14 PUNCHING MACHINE model: JH21-80, 220V, 3 KW,	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
110	Máy đột dập/ PUNCHING MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
111	Máy kéo dẫn ống quản Model: YCT, 380V, 11 KW, / DRAWING TUBE MACHINE	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
112	Máy dập ống quản Model: RL, 380V, 5.5 KW, / CONVERT IMPACT MACHINE TK 100102144221 ngày 15/08/2014	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
113	Máy đột dập liên hoàn Model: DJW 14-8-30 Công suất 380V,	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập

	1.1 KW, / CONTINUOUS PUNCHING MACHINE TK 100141493430 ngày 22/09/2014				
114	Máy đột dập liên hoàn (1) Model: J23-16 Công suất 380V, 3 KW, CONTINUOUS PUNCHING MACHINE TK 100141493430 ngày 22/09/2014	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
115	Máy đột dập liên hoàn (2) Model: J23-16 Công suất 380V, 3 KW, CONTINUOUS PUNCHING MACHINE TK 100141493430 ngày 22/09/2014	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
116	Máy tạo hình cán gỗ Model: MM2012 Công suất 380V, 2.2 KW, WOODEN FORMING MACHINE TK 100141493430 ngày 22/09/2014	01	Trung Quốc	Tốt	Làm cán gỗ
117	Xuất máy phun cát	01	Trung Quốc	Tốt	Ép nhựa
118	Máy in Model: MINI/B, 110/220V, 0.35KW/ PRINTING MACHINE FOR EVA (MK FOUNDATION)	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
119	Máy in Model: MINI/B, 110/220V, 0.35KW/ PRINTING MACHINE FOR EVA (MK FOUNDATION)	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
120	Cargo lift (Cầu trục)	01	Việt Nam	Tốt	
121	Hoist Crane (Thang máy)	01	Việt Nam	Tốt	
122	Hệ thống máy hút bụi phòng mộc mofrl AHTAE 1501 tờ khai số 100420377300, HĐ số :0000001	01	Việt Nam	Tốt	Hút bụi phong cán gỗ
123	Hệ thống máy hút mùi phòng sơn madel AHTAE 1502 tờ khai số 100420377300, hóa đơn số : 0000001	01	Việt Nam	Tốt	Hút bụi phong cán gỗ
124	Máy trộn lông	01	Trung Quốc	Tốt	Trộn lông
125	Máy in logo	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
126	Máy phay (TSMN000279-1)	01	Hàn Quốc	Tốt	Cán gỗ
127	Máy phay (TSMN000279-2) tờ khai số 100503930920 invoice 15DJ-014	01	Hàn Quốc	Tốt	Cán gỗ
128	Máy phay (TSMN000279-3) tờ khai số 100503930920 invoice	01	Hàn Quốc	Tốt	Cán gỗ

	15DJ-014				
129	Máy phay (TSMN000279-4) tờ khai số 100503930920 invoice 15DJ-014	01	Hàn Quốc	Tốt	Cán gỗ
130	Máy mài bóng gỗ tờ khai số 100503930920 invoice 15DJ-014	01	Hàn Quốc	Tốt	Cán gỗ
131	Máy in logo (TSMN000281-1) tờ khai số 100523125730, invoice DJHK15-51	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
132	Máy in logo (TSMN000281-2) tờ khai số 100523125730, invoice DJHK15-51	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
133	Máy in logo (TSMN000281-3) tờ khai số 100523125730, invoice DJHK15-51	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
134	Máy đánh bóng ống quản tự động tờ khai số 100527302300 invoice DJHK15-53	01	Trung Quốc	Tốt	Đánh bóng
135	Máy dập nóng logo (TSMN000295-1) tờ khai số 100647508511, invoice: DJHK15-72	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
136	Máy dập nóng logo (TSMN000295-2) tờ khai số 100647508511, invoice: DJHK15-72	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
137	Máy đột dập Punching machine (TSMN000295) tờ khai số 100647508511, invoice: DJHK15-72	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
138	Máy sấy tờ khai số 100604623560, invoice: DJHK15-66	01	Trung Quốc	Tốt	Sấy
139	Máy đánh bóng cán chổi 220V, 0.38KW tờ khai số 100676389220	01	Trung Quốc	Tốt	Cán gỗ
140	Hộp trao đổi nhiệt bằng thép, kích thước 1x1x0.5m, invoice 0000012	01	Việt Nam	Tốt	
141	Hộp trao đổi nhiệt bằng thép, kích thước 1x1x0.5m, invoice 0000012	01	Việt Nam	Tốt	
142	Hệ thống hút bụi cho máy mài tự động, model: CF4-72-012, 45Kw, tờ khai số 100571694900, invoice:	01	Việt Nam	Tốt	

	0000069				
143	Hệ thống hút bụi cho máy mài thủ công, model: CF4-72-008, 45Kw, tờ khai số 100571694900, invoice: 0000069	01	Việt Nam	Tốt	
144	Máy sấy DRYER MACHINE FOR HANDLE PRINTING tờ khai số 100709801360, invoice: DJHK15-84	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
145	Máy sấy DRYER MACHINE FOR HANDLE PRINTING tờ khai số 100709801360, invoice: DJHK15-84	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
146	Máy dập ống quản CONTINUOUS PUNCHING MACHINE tk 100709801360, invoice DJHK15-84	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
147	Máy đột dập liên hoàn CONTINUOUS PUNCHING MACHINE tk 100709801360, invoice DJHK 15-84	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
148	Hệ thống lọc nước Water filter treatment Tk 100837350836, invoice 20160418	01	Việt Nam	Tốt	
149	Máy phay, MILLING MACHINE Model: MJ001, 4Kw, 380V Tk 100861118850, InvoiceDJHK16-24	01	Trung Quốc	Tốt	Tiện cán
150	Máy tiện tròn PLUCKING ROUND MACHINE, Model : MJ002, 4KW, 380V,Tk 100861118850, InvoiceDJHK16-24	01	Trung Quốc	Tốt	Tiện cán
151	Máy làm sạch bằng sóng siêu âm, invoice: 0000025	01	Việt Nam	Tốt	
152	Hệ thống lọc áp lực, bồn chứa nước sạch, invoice: 0000024	01	Việt Nam	Tốt	
153	Máy dập nắp đáy sản phẩm (2) PRESSING MACHINE FOR EVA POUCH 100833373761-1, invoice: DJHK16-20	01	Trung Quốc	Tốt	Dập eva
154	Máy inlogo cho nắp đáy sản phẩm(1) PRINTING MACHINE FOR EVA POUCH 100833373761, invoice: DJHK16-20	01	Trung Quốc	Tốt	In logo

155	Máy in logo cho cán gỗ PRINTING MACHINE FOR WOODEN HANDLE 100833373761, invoice: DJHK16-20	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
156	Máy làm mát cho phòng mạ,ooling system ANODIZING TK 100957756320	01	Việt Nam	Tốt	
157	Bê mạ Anodizing tank system	01	Việt Nam	Tốt	
158	Dryer Drye - Máy sấy (1)y/ Oven Dryer Cus No 101002063300	01		Tốt	
159	Dryer Dryer - Máy sấy (2)/ Oven Dryer Cus No 101002063300	01		Tốt	
160	Máy sơn gỗ (2) TK 101047099640, invoice 16DJ- 010/ Injection Mold	01	Hàn Quốc	Tốt	Sơn cán
161	Hệ thống máy lọc nước cho phòng mạ Tk 101041444821, invoice: 20160909	01	Việt Nam	Tốt	
162	Máy dập logo lên cán chổi bằng nhựa tk 101230283451, invoice DJHK17-1	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
163	Máy dập logo lên cán chổi bằng nhựa (2) tờ khai 101230283451, invoice DJHK17-1	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
164	Máy nén khí, máy sấy khí phòng mạ Tk 101109043820, invoice 0000040	01	Việt Nam	Tốt	
165	Máy dập nắp đáy sản phẩm (1) PRESSING MACHINE FOR EVA POUCH 100833373761-2, invoice: DJHK16-20	01	Trung Quốc	Tốt	Dập eva
166	Máy in logo cho nắp đáy sản phẩm (2) PRINTING MACHINE FOR EVA POUCH 100833373761-1, invoice: DJHK16-20	01	Trung Quốc	Tốt	In logo
167	Load breaker switches Cầu dao phụ tải 385KV-630A DRIBO- CH Sec sản xuất ,Invoice 0000143	01	Việt Nam	Tốt	
168	Máy hút ẩm công nghiệp cho kho vật tư (1) model: ID-600S invoice 0000828	01	Việt Nam	Tốt	
169	Máy hút ẩm công nghiệp cho kho vật tư (2) model: ID-600S	01	Việt Nam	Tốt	

	Invoice 0000828				
170	ATS control board - Invoice 0000045, Bộ điều khiển ATS Osung 1600A, model OSS-616-PC, điện áp 600V-50/60Hz 1600A	01	Trung Quốc	Tốt	
171	Máy thử bền màu ánh sáng Suntest CPS Invoice 0001713	01	Trung Quốc	Tốt	Máy test màu sắc
172	Máy tiện ngang model no C61400 11KW, 380V tiện cán chổi bút trang điểm Invoice DJHK17-77, TK 101798101160	01	Trung Quốc	Tốt	Tiện
173	Máy cắt ống quản Model Y802-4, 380V*0.75kw Invoice DJHK18-12 TK 101918059241	01	Trung Quốc	Tốt	Cắt ống quản
174	Máy khắc laser kim loại TK-Fiber-30W Invoice 0000900 TK 102916054141	01	Việt Nam	Tốt	Laser logo
175	Máy nén khí Model Micos15, 15KW, AC380V, 3pha, 50Hz + phí lắp đặt Invoice 0000159/Air-compressor -putting in behind the Dyeing room	01	Việt Nam	Tốt	
176	Máy đột dập ,model OCP-80, 380V, 11kW Invoice DJHK20-29 TK 103395153630/ Punching machine	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
177	Máy đột dập ngang(Máy 1) Model BCJ-150 380V, 3Kw Invoice DJHK20-29, TK 10339515360/Horizontal punching machine	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
178	Máy cắt ống quản(Máy 1) Model QGJ-109, 220V, 0.55kw Invoice DJHK20-29, TK 103395153630/ Pipe cutting machine	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập
179	Máy cắt ống quản(Máy 2) Model QGJ-109, 220V, 0.55kw Invoice DJHK20-29, TK 103395153630/ Pipe cutting machine	01	Trung Quốc	Tốt	Đột dập

5.5. Sơ đồ tổ chức, quản lý hoạt động của cơ sở

* Lao động

- Tổng số lượng cán bộ, công nhân đang làm việc hiện tại, tại nhà máy là 400

người.

Tất cả lao động làm việc tại Nhà máy được tuyển chọn và thuê phù hợp với luật lao động của Việt nam và các quy định có liên quan. Đặc biệt khi đi vào hoạt động, công ty sẽ tổ chức tiến hành đào tạo cho tất cả các nhân viên và sẽ thường xuyên duy trì chương trình đào tạo toàn diện, định kỳ.

Nguồn cung cấp lao động:

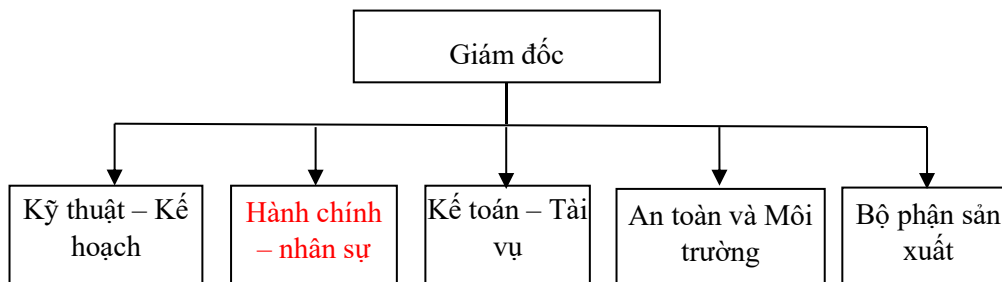
- Đối với nhân viên văn phòng, kỹ sư Việt Nam: Trực tiếp tuyển dụng trong nước (những người có bằng đại học và cao hơn tùy thuộc vào yêu cầu công việc).

- Đối với công nhân tại huyện Chương Mỹ và các huyện, tỉnh lân cận khác, yêu cầu tốt nghiệp THPT trở lên.

* Thời gian làm việc

- Chế độ làm việc: 8 giờ/ngày, 26 ngày/tháng.

Cơ cấu tổ chức quản lý của cơ sở như sau:



Hình 1.9. Sơ đồ tổ chức quản lý và vận hành của cơ sở

Chương II.

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam nằm trong Lô CN-B6 khu Công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và vận hành công trình bảo vệ môi trường đảm bảo quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và chất thải, quy chuẩn về môi trường xung quanh theo quy định.

**** Về việc hoạt động của Nhà máy tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa:***

Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác” được thực hiện tại Lô CN-B6, Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Nhà máy được thực hiện trên lô đất CN-B6 có diện tích là 35.852,6m² thuộc KCN Phú Nghĩa và hoàn toàn nằm trong tổng thể quy hoạch được duyệt của KCN Phú Nghĩa. Hiện nay, KCN Phú Nghĩa đã đầu tư hoàn thiện cơ sở hạ tầng bao gồm các hạng mục công trình như: Đường giao thông, các hệ thống cấp điện, cấp nước, khu xử lý nước thải tập trung, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, nước thải, hệ thống cây xanh, hệ thống chiếu sáng,.....

Trong quá trình triển khai hoạt động, cơ sở đã thực hiện các thủ tục môi trường bao gồm:

+ Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 221/GXN-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp cho dự án “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phần trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác” địa điểm tại Lô CN-B6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Việc hoạt động của cơ sở trong khu công nghiệp được đánh giá là phù hợp với chiến lược của thành phố Hà Nội nhằm tập trung các nhà máy, xí nghiệp để tập trung sản xuất, quản lý và hạn chế tối đa ảnh hưởng của sản xuất công nghiệp tới khu dân cư. Việc sản xuất công nghiệp tập trung cũng nhằm mục đích quản lý chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường của sản xuất công nghiệp, giúp dễ dàng xử lý tập trung hiệu quả các nguồn gây ô nhiễm môi trường.

**** Về hiện trạng hoạt động của KCN Phú Nghĩa***

Khu công nghiệp Phú Nghĩa có tổng diện tích toàn khu là 170ha giáp ranh giữa hai thị trấn Chúc Sơn và Xuân Mai, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Khu công nghiệp Phú Nghĩa hiện tại đã có cơ sở hạ tầng hoàn thiện và có đầy đủ các thủ tục pháp lý về môi trường. Các thủ tục môi trường của KCN đã được cấp bao gồm:

- Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 05/12/2007 của UBND tỉnh Hà Tây về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường cho Dự án đầu tư KCN Phú Nghĩa;

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước dưới đất số 271/GP-UBND ngày 30/5/2016 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội.

- Giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt số 85/GP-UBND ngày 23/3/2018.

- Đối với trạm xử lý khai thác nước mặt, Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ đã thực hiện chuyển giao cho Công ty Cổ phần Đầu tư Suối Ngọc (Công ty này đã lập Kế hoạch bảo vệ môi trường cho dự án Nhà máy nước sạch sử dụng nguồn nước mặt và đã được Ban Quản lý KCN và chế xuất Hà Nội cấp giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường số 1383/GXN-BQL ngày 10/10/2018.

- Giấy phép xả nước thải vào công trình thủy lợi số 466/GP-UBND ngày 29/10/2019 của UBND thành phố Hà Nội.

Về thu hút đầu tư doanh nghiệp thứ phát: Hiện nay, Chủ đầu tư là Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ trực tiếp thu hút đầu tư. Tính đến thời điểm hiện tại có khoảng 80 công ty tại KCN đã đầu tư và đi vào hoạt động ổn định, tỷ lệ lấp đầy KCN đạt 100% diện tích. Các Doanh nghiệp trong KCN Phú Nghĩa hoạt động ổn định, ngành nghề hoạt động đa dạng: Linh kiện điện tử, cơ khí, dệt may, chế biến gỗ, dược phẩm, đồ uống,... Loại hình hoạt động của cơ sở được đánh giá là phù hợp với quy hoạch của KCN Thăng Long;

*** Hạ tầng kỹ thuật Khu công nghiệp Phú Nghĩa**

Hạ tầng kỹ thuật của KCN hiện đã được đầu tư hoàn thiện, cụ thể như sau:

- *Hệ thống giao thông nội bộ Khu công nghiệp:*

Hệ thống giao thông tại KCN được bố trí với đường trục chính rộng 30m, đường nhánh 25m, hệ thống giao thông chiếm 15% tổng diện tích quy hoạch. Toàn bộ đường đều được trang bị hệ thống đèn cao áp ngày đêm.

- *Hệ thống cấp nước:*

Khu công nghiệp được cấp nước sạch từ nhà máy nước sạch với công suất đạt 6.000m³/ngày đêm.

- *Hệ thống cấp điện:*

Khu công nghiệp có nguồn cấp điện từ điện lưới quốc gia trạm 110KV/22KV bố trí xây dựng hệ thống đường dây ngầm dưới lòng đất thiết kế dọc theo các lô đất chân hàng rào nhà máy. Đảm bảo cấp điện đầy đủ và ổn định cho các nhà máy.

- *Thông tin liên lạc*

Hệ thống thông tin liên lạc tiêu chuẩn Quốc tế.

- *Hệ thống thu gom và thoát nước mưa:*

Hệ thống thoát nước mưa cho KCN được thiết kế theo hệ thống riêng biệt với hệ thống mạng lưới thoát nước thải. Với các đường dẫn quanh nhà máy, dọc các tuyến đường và đến khu xử lý nước thải.

- *Hệ thống thu gom nước thải:*

Nước thải của các nhà máy sẽ được đưa vào bể xử lý chung của khu công nghiệp với công suất 6.000m³/ngày đêm.

Tọa độ vị trí điểm xả: X=2.335.706, Y=580.667 (theo Giấy phép xả nước thải vào hệ thống công trình thủy lợi số 333/GP-TCTL-PCTTr ngày 27/8/2019 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Như vậy, địa điểm hoạt động của cơ sở phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường. Loại hình sản xuất của Nhà máy là sản xuất công nghiệp nhẹ, ít tác động đến môi trường.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Nước thải sinh hoạt: toàn bộ nước thải sinh hoạt của cơ sở sau khi xử lý qua bể tự hoại được dẫn ra về hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN trước khi xả ra môi trường. Do vậy nước thải của Nhà máy sau xử lý không ảnh hưởng nguồn tiếp nhận.

- Nước thải sản xuất: toàn bộ nước thải sản xuất của cơ sở (phát sinh từ quá trình mạ và nhuộm) sau khi được xử lý qua hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày.đêm được dẫn ra hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN trước khi xả ra ngoài môi trường. Do vậy nước thải của Nhà máy sau xử lý không ảnh hưởng nguồn tiếp nhận

- Khí thải: Khí thải mạ của cơ sở được xử lý bằng hệ thống tháp hấp thụ bằng dàn phun mưa dung dịch NaOH công suất 24.000m³/h trước khi xả ra ngoài môi trường. Nguồn phát sinh bụi, khí thải chủ yếu từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu hàng hóa ra vào cơ sở. Ngoài ra, Chủ cơ sở áp dụng các biện pháp: vệ sinh công nghiệp thường xuyên, sử dụng chụp hút bằng áp lực để thoát khí, đồng thời bố trí hệ thống thông gió nhà xưởng do vậy không gây ảnh hưởng tới môi trường không khí xung quanh.

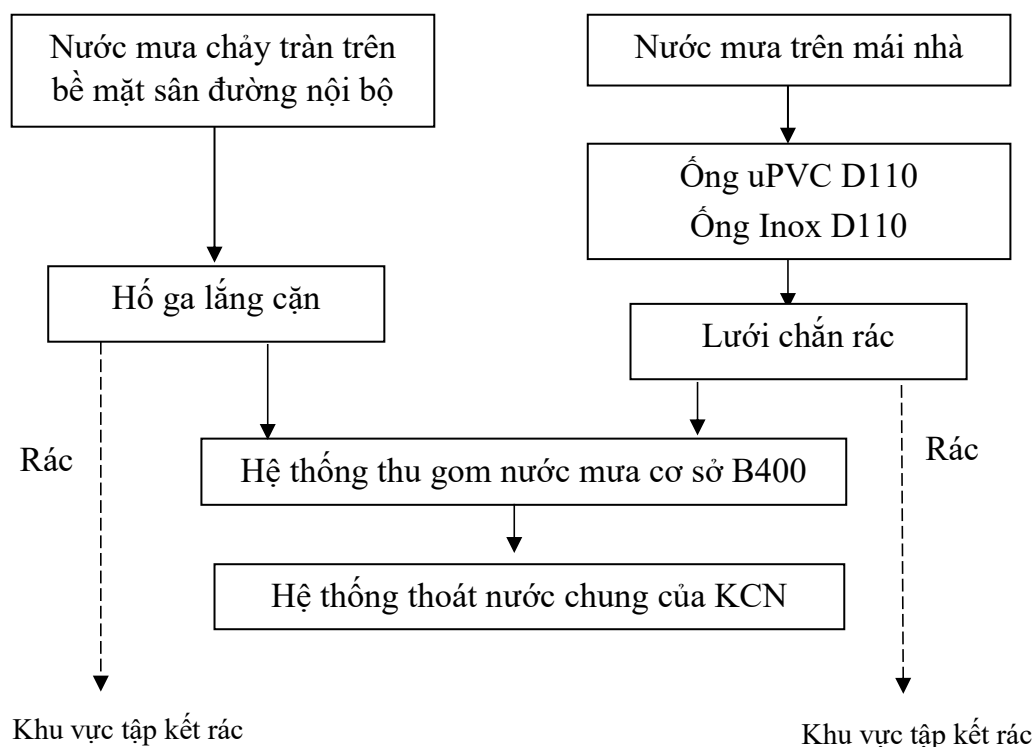
- Chất thải rắn thông thường/CTNH: Toàn bộ chất thải được thu gom vào các kho chứa sau đó thuê đơn vị chức năng tới vận chuyển theo quy định do vậy không gây ảnh hưởng tới môi trường.

Chương III.

KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa



Hình 3.1. Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Tại Cơ sở, Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam đã xây dựng hệ thống thu gom nước mưa tách riêng với hệ thống thu gom nước thải.

Nước mưa chảy tràn trên mái được thu gom vào các ống đứng uPVC D110 và ống inox D110 cùng với nước mưa chảy tràn trên bề mặt sân đường nội bộ được thu gom bằng hệ thống cống bê tông cốt thép B400, độ dốc $i=2\%$ (đặt ngầm) xung quanh khu vực nhà máy. Dọc theo công bố trí các hố ga lắng cặn, kích thước $1 \times 1 \times 1\text{m}$, khoảng cách giữa các hố ga là $10 \div 30\text{m}$. Hố ga được xây bằng gạch, trát xi măng, nắp hố ga có kết cấu bằng thép, dễ dàng tháo lắp. Toàn bộ nước mưa sau đó được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa tại 3 điểm xả.

- Vị trí đầu nối 1: $X = 2\ 314\ 967$, $Y = 569\ 859$
- Vị trí đầu nối 2: $X = 2\ 314\ 987$, $Y = 569\ 885$
- Vị trí đầu nối 3: $X = 2\ 314\ 923$, $Y = 569\ 866$

(Theo hệ tọa độ VN 2000 kinh tuyến 105^0 , múi chiều 3^0)

- Phương thức xả nước mưa: tự chảy

(Vị trí các điểm thoát nước mưa chi tiết tại bản vẽ thoát nước mưa đính kèm phụ lục báo cáo).

Công ty bố trí cán bộ thường xuyên kiểm tra hệ thống thoát nước mưa chảy tràn, nạo vét hố ga đảm bảo không bị tắc nghẽn hệ thống thoát nước mưa.



Hình 3.2. Hệ thống thu gom và thoát nước mưa

1.2. Thu gom, thoát nước thải

1.2.1. Công trình thu gom nước thải

*** Nguồn phát sinh nước thải:**

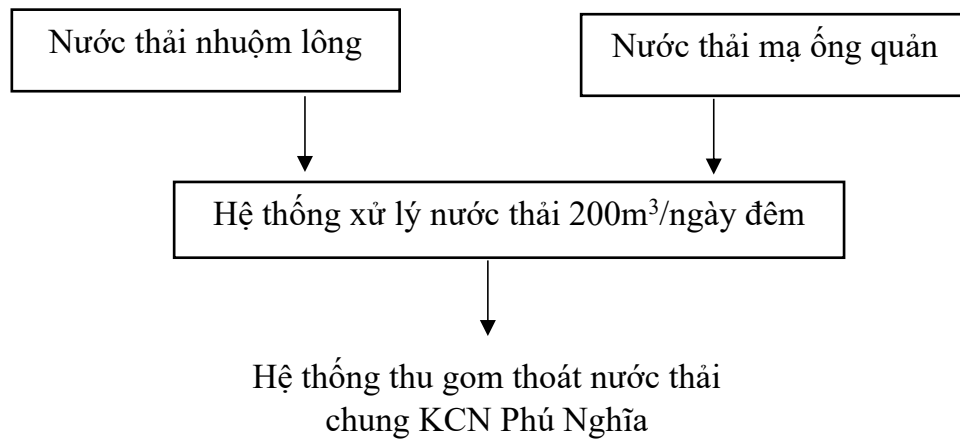
- Nước thải sản xuất:

- + Nguồn số 1: Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm lông
- + Nguồn số 2: Nước thải phát sinh từ quá trình mạ ống quần

- Nước thải sinh hoạt:

- + Nguồn số 3: Nước thải từ các nhà vệ sinh tại cơ sở
- + Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ nhà bếp

a. Công trình thu gom nước thải sản xuất



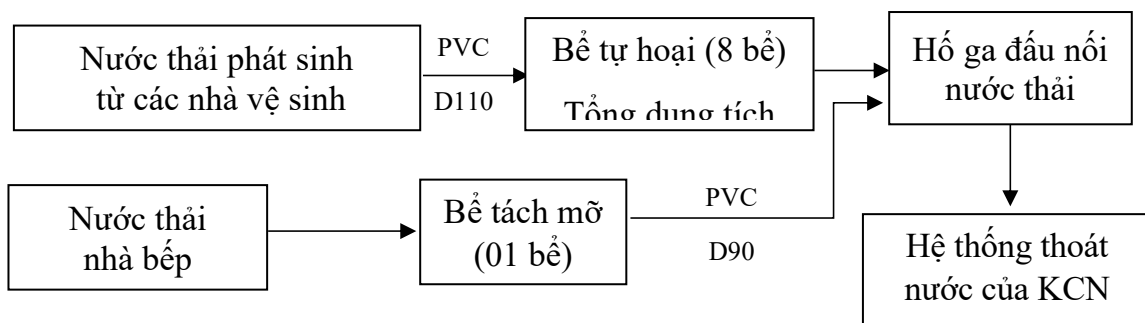
Hình 3.3. Sơ đồ thu gom nước thải của cơ sở

Toàn bộ nước thải sản xuất (phát sinh từ quá trình nhuộm lông và nước thải phát sinh từ quá trình mạ ống quần) sau xử lý tại hệ thống xử lý nước thải sản xuất 200m³/ngày.đêm sẽ đầu nối vào hệ thống thu gom và thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập chung của KCN Phú Nghĩa trước khi xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng.

b. Công trình thu gom nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt của cơ sở phát sinh từ nhà bếp và nước thải nhà vệ sinh

*** Công trình thu gom nước thải sinh hoạt tại cơ sở**



Hình 3.4. Hệ thống thu gom, thoát nước thải sinh hoạt tại cơ sở

Nguồn phát sinh tại cơ sở

- Nguồn số 01: Nước thải từ các nhà vệ sinh tại cơ sở
- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp

Dòng thải: 01 dòng thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sinh hoạt tại cơ sở và nước thải nhà bếp sau tách mỡ được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả
- Nước thải từ các nhà vệ sinh của nhà máy tại được thu gom bằng đường ống

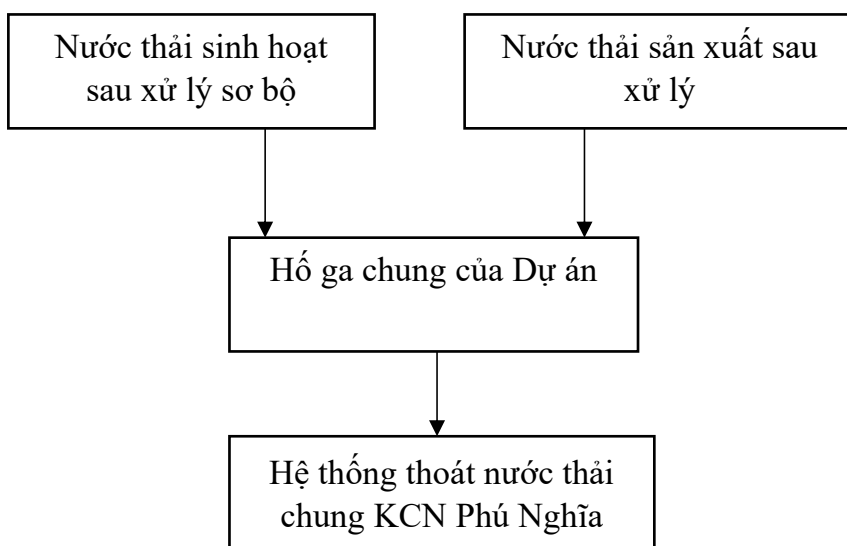
nhựa PVC D110 dẫn xuống 8 bể tự hoại 03 ngăn để xử lý sơ bộ, trong đó: 1 bể dung tích 32m³, 2 bể dung tích 7m³, 2 bể dung tích 12m³, 1 bể dung tích 6m³, 2 bể dung tích 3m³).

- Nước thải từ quá trình nấu ăn tại cơ sở được thu gom bằng đường ống nhựa PVC D110 dẫn xuống bể tách mỡ (01 bể dung tích 3m³) để xử lý, tách mỡ, cặn thừa. Phần nước trong sẽ được dẫn về hệ thống thu gom nước thải.

→ Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà bếp sau khi xử lý tách mỡ được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả, hố ga đầu nối có kích thước D×R×S là 1000×1000×1000 (mm)

Nước thải sinh hoạt và nước thải nhà bếp của cơ sở sau khi xử lý sơ bộ đạt QCVN 14:2008/BTNMT được đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN trước khi xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng.

1.2.2. Công trình thoát nước thải



Hình 3.5. Sơ đồ thoát nước của cơ sở

Toàn bộ nước sinh hoạt và nước thải sản xuất sau xử lý được chảy ra hố ga chung của cơ sở, kích thước 0,8×0,8x1.2m sau đó tiếp tục chảy dọc theo ống PVC D200 dài 7m đầu nối vào hệ thống thoát nước thải chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập chung của KCN Phú Nghĩa trước khi xả ra nguồn tiếp nhận cuối cùng. (Chi tiết điểm xả theo Văn bản số 308/201/PMG-BĐHDA ngày 05/8/2011 của Ban ĐHDA KCN Phú Nghĩa về việc Điều chỉnh đầu nối hạ tầng kỹ thuật lô đất của Công ty DooJung Việt Nam trong KCN Phú Nghĩa)

Đường ống đầu nối nước thải: PVC D200.

1.2.3. Điểm xả nước thải sau xử lý

- Vị trí xả nước thải: Điểm thoát nước thải trên vỉa hè tuyến N4.

- Tọa độ điểm xả 1: $X = 2\ 314\ 931$; $Y = 569\ 863$
- Phương thức xả thải: tự chảy
- Chế độ xả: liên tục
- Nguồn tiếp nhận: hệ thống thoát nước thải chung của KCN Phú Nghĩa
- Đường ống đầu nối nước thải: PVC D200
- Tiêu chuẩn đầu nối nước thải: Theo tiêu chuẩn đầu nối nước thải KCN Phú

Nghĩa (Bảng giới hạn các chất gây ô nhiễm trong nước thải khi xả vào hệ thống thu gom chung của Khu công nghiệp theo Hợp đồng nguyên tắc về việc xử lý nước thải của doanh nghiệp trong KCN Phú Nghĩa số 50/2012/HĐNT-PMG ngày 29/5/2012).

➤ **Đánh giá sự đáp ứng yêu cầu kỹ thuật theo quy định đối với điểm xả nước thải/điểm đầu nối**

+ Nước thải sinh và nước thải sản xuất sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung KCN tại 1 điểm xả.

+ Công thoát nước sử dụng là loại cống PVC D200, có tính trơ, không bị ăn mòn hay phá hủy do thời tiết, độ bền cao, chống thấm nước tốt, đảm bảo lượng nước thải không thấm vào lòng đất hoặc chảy vào nguồn tiếp nhận khác.

+ Điểm xả nước thải của nhà máy giáp tường rào nhà máy nằm trên vỉa hè tuyến N4, tiếp giáp với đường nội bộ của KCN, thuận lợi cho việc đầu nối, thoát nước thải.

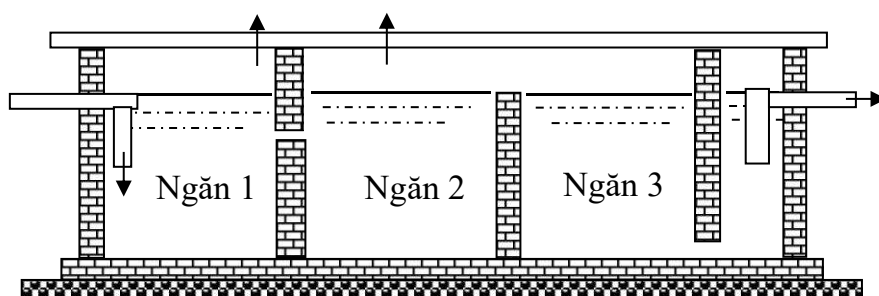
(Vị trí điểm xả được thể hiện tại bản vẽ thoát nước thải đính kèm phụ lục báo cáo)

1.3. Xử lý nước thải

1.3.1. Công trình xử lý nước thải sinh hoạt – bể tự hoại

Chủ cơ sở đã xây dựng 08 bể tự hoại 03 ngăn được bố trí tại khu văn phòng và khu vực nhà xưởng của nhà máy, dung tích các bể là: 1 bể dung tích 32m^3 , 2 bể dung tích $7\text{m}^3/1$ bể, 2 bể dung tích $12\text{m}^3/1$ bể, 1 bể dung tích 6m^3 , 2 bể dung tích $3\text{m}^3/1$ bể. Tổng dung tích bể tự hoại tại nhà máy là 82m^3 .

- Kết cấu bể tự hoại: Tường bể xây gạch đặc dày 220, xây trát vữa xi măng mác #75. Thành bể trát xi măng dày 10mm, đánh bóng bằng xi măng nguyên chất. Đế bể dùng bê tông # 200, đá $1 \times 2\text{mm}$. Thép sử dụng A1, $R_a = 2100\text{kg/cm}^2$; A2, $R_a = 2700\text{kg/cm}^2$. Đáy bể được đóng cọc tre dài 2m, mật độ 25 cọc/m^2 .



Hình 3.6. Bể tự hoại 3 ngăn

- Bể tự hoại nằm dưới đất hình chữ nhật được chia làm 3 ngăn: ngăn 1 điều hòa, lắng, phân hủy sinh học; ngăn 2 lắng, phân hủy sinh học; ngăn 3 lắng, chảy tràn.

- Quy trình vận hành: Nước thải được thu gom vào ngăn lắng sơ cấp tiếp nhận nước thải rồi chảy sang ngăn phân huỷ yếm khí. Ở ngăn phân huỷ yếm khí, dưới sự hoạt động của vi sinh vật kỵ khí, lên men các chất ô nhiễm tạo thành khí CH_4 , CO_2 ,...khí thải được thoát ra ngoài theo đường ống dẫn khí. Hỗn hợp nước thải được dẫn qua bể lắng thứ cấp, phần nước trong được dẫn ra ngoài. Phần bùn được giữ lại trong các ngăn lắng, dưới tác dụng của vi khuẩn kỵ khí sẽ phân huỷ thành các chất khoáng, khí hoà tan.

Nhằm nâng cao hiệu quả xử lý của bể tự hoại, Công ty thực hiện các biện pháp như:

+ Bỏ sung chế phẩm BIO – PHỐT vào bể tự hoại để khử mùi hôi và tăng cường các quá trình trao đổi, phân giải các chất hữu cơ trong bể tự hoại. Lượng chế phẩm sử dụng: Định kỳ 3 tháng bỏ sung 1 lần, liều lượng sử dụng theo hướng dẫn của nhà sản xuất là $150\text{g}/1\text{m}^3$ bể. Tổng thể tích bể tự hoại của Nhà máy là 82m^3 thì liều lượng cần sử dụng là $12,3\text{kg}/\text{lần}$.

+ Định kỳ thuê đơn vị có chức năng tới hút bùn bể tự hoại và nạo vét hệ thống đường ống dẫn nước thải 3 tháng/lần; kiểm tra phát hiện rò rỉ, hỏng hóc các thiết bị thu gom, xử lý nước thải để thay thế kịp thời.

Toàn bộ nước thải sau bể tự hoại được dẫn về hố ga chung của nhà máy trước khi đầu nối ra hệ thống thoát nước KCN Phú Nghĩa.

1.3.1. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$

A. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất hiện nay:

Lượng nước thải sản xuất của cơ sở phát sinh từ quá trình mạ và quá trình nhuộm được tổng hợp tại bảng sau:

Tổng lượng nước thải sản xuất phát sinh khoảng $105,6\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

- Đơn vị thiết kế, thi công; nhà thầu xây dựng hệ thống xử lý nước thải sản xuất: Đơn vị thiết kế, thi công hệ thống: Công ty CPĐT Phát triển công nghệ - MTX.

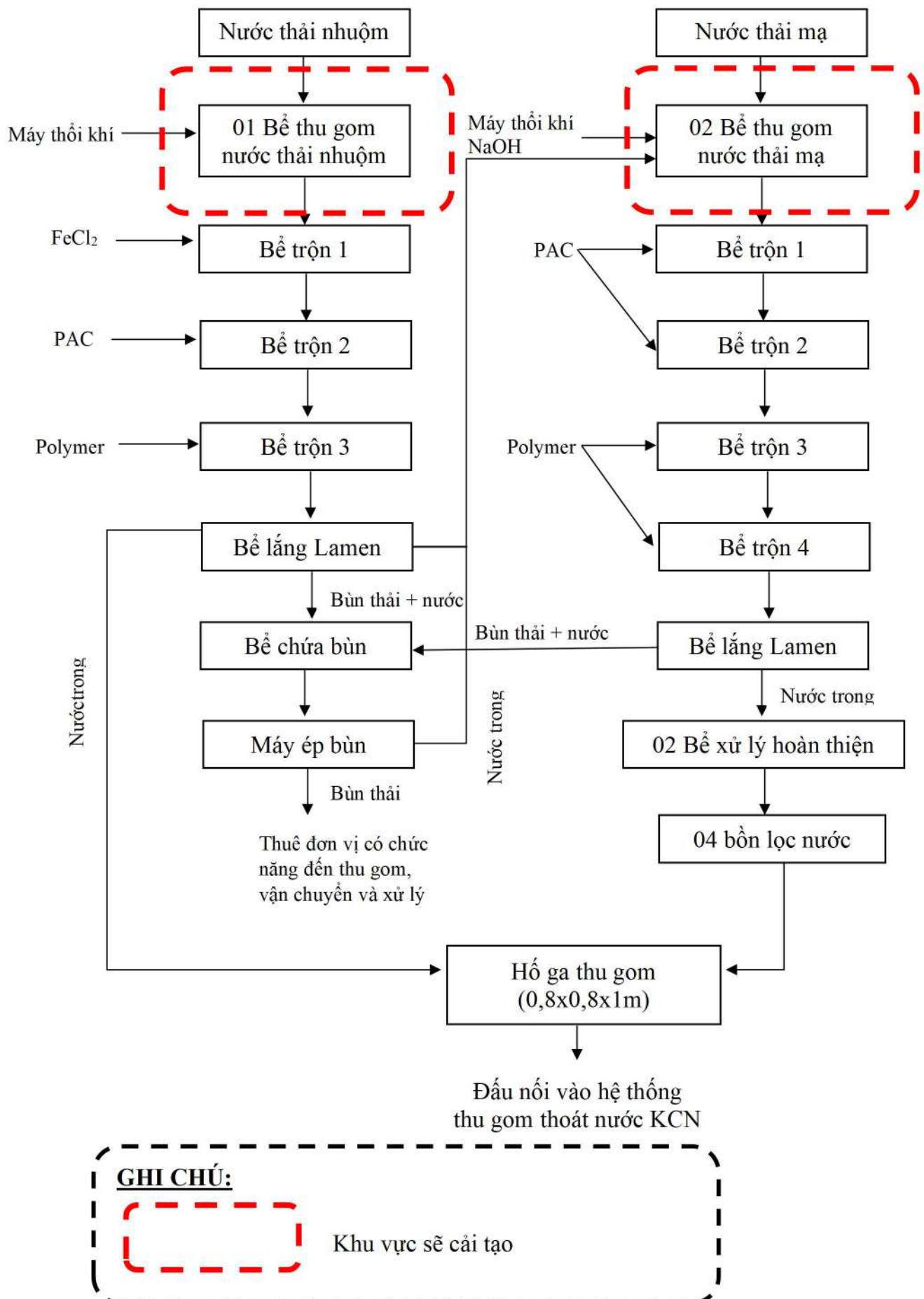
+ Quy mô: Hệ thống xử lý nước thải công suất $200\text{m}^3/\text{ngày.đêm}$.

+ Hệ thống được xây dựng năm 2011 và cải tạo nghiệm thu năm 2017.

+ Vị trí xây dựng hệ thống: được xây dựng cạnh xưởng mạ.

+ Công nghệ xử lý: công nghệ hóa lý.

+ Sơ đồ công nghệ hệ thống XLNT sản xuất của nhà máy như sau:



Hình 3.7. Sơ đồ hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m³/ngày.đêm

*** *Thuyết minh quy trình xử lý nước thải sản xuất***

Nước thải từ quá trình sản xuất phát sinh từ 02 nguồn: Nước thải từ quá trình nhuộm lông và nước thải từ quá trình mạ được thu về bể thu gom nước thải (chủ cơ sở đã bố trí bể thu gom riêng biệt từng loại nước)

*** *Đối với nước thải nhuộm:***

Nước thải nhuộm được thu gom về bể thu gom nước thải nhuộm (1 bể)

- *Bể gom:*

Bể gom có tác dụng thu gom nước thải nhuộm để tiếp tục đưa đến các công đoạn tiếp theo. Tại bể gom có sử dụng các máy thổi khí có tác dụng cấp khí, sục khí, khử Nito trong nước.

- *Bể trộn:*

+ Nước thải sau khi qua bể thu gom sẽ được bơm lên bể trộn 1 (tại đây cơ sở sử dụng hóa chất FeCl_2) có tác dụng kết tủa kim loại nặng, đẩy Nito, giúp loại bỏ các hợp chất Nitrit và Nitrat từ nước thải, giúp tăng cường quá trình lọc.

+ Nước thải tiếp tục được bơm sang bể trộn 2 (tại đây cơ sở sử dụng hóa chất PAC) có tác dụng trợ lắng, keo tụ trong xử lý nước thải. Hóa chất PAC chứa hàm lượng nhôm tới 28-32%, tăng hiệu quả quá trình keo tụ các cặn bẩn trong nước thải, giúp tăng hiệu quả quá trình làm sạch nước.

+ Nước tiếp tục được bơm sang bể trộn 3 (tại đây cơ sở sử dụng hóa chất Polymer): Trong quy trình xử lý nước thải, polyme được sử dụng để làm đông tụ các chất rắn lơ lửng và tạo ra các khối vật liệu rắn (floc) lớn. Nên pha loãng với nước có nồng độ 0,5% trước khi thi công. Polyme tách chất rắn khỏi chất lỏng thông qua một quá trình gọi là keo tụ. Trong quá trình khuấy trộn, các bông cặn nhỏ cùng với hóa chất Polymer kết dính với nhau tạo thành những bông cặn lớn hơn có tỉ trọng lớn hơn tỉ trọng của nước nhiều lần nên rất dễ lắng xuống đáy thiết bị và tách ra khỏi dòng nước thải. Nước thải từ thiết bị keo tụ, tạo bông tiếp tục tự chảy qua bể lắng Lamen.

- *Bể lắng Lamen:*

+ Bể lắng Lamen hay Lắng tấm nghiêng Lamella là loại bể sử dụng các tấm Lamen được lắp với góc nghiêng từ 60° trong hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải được đưa vào hệ thống xử lý, sau đó tiếp tục di chuyển lên phía trên theo đường đặt các tấm lamen. Trong quá trình nước di chuyển qua tấm lamen các cặn lắng sẽ va chạm với nhau, bám vào về mặt các tấm lamen. Khi các bông cặn có khối lượng đủ lớn sẽ thắng được động lực của dòng nước thì bông cặn sẽ rơi xuống vùng lắng. Từ đó loại bỏ được các cặn và chất rắn lơ lửng trong nước thải.

+ Đối với bể lắng lamen thì bề mặt tiếp xúc giữa ống dẫn và nước thải càng lớn thì hiệu quả lắng sẽ càng cao, giúp tối ưu hóa được thể tích bể.

+ Sau bể lắng, 1 phần bùn sẽ được đưa về bể chứa bùn (bùn thải từ quá trình xử lý nước thải mạ + bùn thải từ quá trình xử lý nước thải nhuộm), phần nước trong sẽ

được dẫn về hồ ga thu gom nước thải tập trung của KCN Phú Nghĩa.

*** Đối với nước thải mạ:**

Nước thải mạ được thu gom về bể thu gom nước thải mạ (2 bể).

- Bể gom:

Bể gom có tác dụng thu gom nước thải mạ để tiếp tục đưa đến các công đoạn tiếp theo. Tại bể gom có sử dụng các máy thổi khí có tác dụng cấp khí, sục khí, khử Nito trong nước. Ngoài ra, vì trong nước thải mạ có chứa nhiều muối và axit sẽ làm giảm độ pH trong nước. Vì vậy cơ sở dùng NaOH để trung hòa lại. Việc đưa pH trong nước thải về nồng độ thích hợp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình xử lý nước thải.

- Bể trộn:

+ Nước thải sau khi qua bể thu gom sẽ được bơm lên bể trộn 1 và bể trộn 2 (tại đây cơ sở sử dụng hóa chất PAC) có tác dụng trợ lắng, keo tụ trong xử lý nước thải. Hóa chất PAC chứa hàm lượng nhôm tới 28-32%, tăng hiệu quả quá trình keo tụ các cặn bẩn trong nước thải, giúp tăng hiệu quả quá trình làm sạch nước.

+ Nước tiếp tục được bơm sang bể trộn 3 và bể trộn 4 (tại đây cơ sở sử dụng hóa chất Polymer): Trong quy trình xử lý nước thải, polyme được sử dụng để làm đông tụ các chất rắn lơ lửng và tạo ra các khối vật liệu rắn (floc) lớn. Nên pha loãng với nước có nồng độ 0,5% trước khi thi công. Polyme tách chất rắn khỏi chất lỏng thông qua một quá trình gọi là keo tụ

- Bể lắng Lamen:

+ Bể lắng Lamen hay Lắng tấm nghiêng Lamella là loại bể sử dụng các tấm Lamen được lắp với góc nghiêng từ 60° trong hệ thống xử lý nước thải.

+ Nước thải được đưa vào hệ thống xử lý, sau đó tiếp tục di chuyển lên phía trên theo đường đặt các tấm lamen. Trong quá trình nước di chuyển qua tấm lamen các cặn lắng sẽ va chạm với nhau, bám vào về mặt các tấm lamen. Khi các bông cặn có khối lượng đủ lớn sẽ thắng được động lực của dòng nước thì bông cặn sẽ rơi xuống vùng lắng. Từ đó loại bỏ được các cặn và chất rắn lơ lửng trong nước thải.

+ Đối với bể lắng lamen thì bề mặt tiếp xúc giữa ống dẫn và nước thải càng lớn thì hiệu quả lắng sẽ càng cao, giúp tối ưu hóa được thể tích bể.

+ Sau bể lắng, 1 phần bùn sẽ được đưa về bể chứa bùn (bùn thải từ quá trình xử lý nước thải mạ + bùn thải từ quá trình xử lý nước thải nhuộm), phần nước trong được dẫn về 02 bể xử lý hoàn thiện và 04 bồn lọc cát. Nước thải sau khi xử lý hoàn toàn sẽ được đầu nổi ra hồ ga thu gom nước thải tập trung và đầu nổi ra điểm thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa.

*** Bể chứa bùn** (chứa bùn từ quá trình xử lý nước thải mạ và nước thải nhuộm:

Bùn thải tại đáy bể lắng từ quá trình xử lý nước thải nhuộm và quá trình xử lý nước thải mạ sẽ được hút và bơm về bể bùn. Bể bùn có tác dụng chứa và cô đặc hàm lượng bùn nhằm tăng khả năng ép vắt nước cho máy ép bùn làm giảm thời gian ép bùn

qua đó tăng độ bền cho máy ép.

*** Máy ép bùn:**

Bùn thải từ đáy bể bùn sẽ được bơm màng khí bơm vào máy ép bùn. Máy ép bùn có tác dụng cô đặc lượng bùn thải sau xử lý, bùn sau khi ép có dạng bánh được đóng bao, lưu trữ trước khi được vận chuyển đi xử lý. Nước thoát ra từ máy ép bùn được chảy tự do về bể lắng và tiếp tục xử lý.

- Chất lượng nước thải đầu ra: đạt giá trị giới hạn tiếp nhận của KCN Phú Nghĩa sau đó dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung của KCN Phú Nghĩa trước khi xả ra nguồn tiếp nhận.

Dưới đây là các thông số kỹ thuật các bể và thiết bị trong HTXL nước thải sản xuất:

Bảng 3.1. Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải sản xuất hiện tại của Cơ sở

TT	Tên bể	Số lượng bể	Thông số kỹ thuật
I	Cụm xử lý nước thải nhuộm		
1	Bể gom	1	- Thể tích: 12,96 m ³ /bể
2	Bể khuấy trộn	3	- Thể tích: 1,44 m ³ /bể
3	Bể lắng Lamén	2	- Thể tích: 4m ³ /bể
II	Cụm xử lý nước thải mạ		
1	Bể gom	2	- Thể tích: 12,96m ³ /bồn
2	Bể khuấy trộn	4	- Thể tích: 1,44m ³
3	Bể lắng Lamén	2	- Thể tích: 6 m ³ /bể
4	Bể xử lý hoàn thiện (xử lý bằng ozon)	2	- Thể tích: 4 m ³ /bể
5	Bồn lọc nước	4	- Thể tích: 2 m ³ /bể
III	Xử lý bùn thải		
1	Bể chứa bùn	1	- Thể tích: 12,96 m ³ /bể

Bảng 3.2. Các máy móc, thiết bị lắp đặt cho hệ thống xử lý nước thải sản xuất

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
I	Cụm xử lý nước thải nhuộm			
1	Tấm lắng Lamén	- Nhựa PVC - Góc nghiêng 60 độ - Giá đỡ SUS 304 - 4 block/1 khối - Xuất xứ: Việt Nam	m ³	4
2	Máy thổi khí	- Lưu lượng: Q=2.22m ³ /min; H=3,0mH ₂ O - Điện áp: 3 pha/380V/50Hz - Xuất xứ: EU/G7	Cái	1
II	Cụm xử lý nước thải mạ			
1	Tấm lắng Lamén	- Nhựa PVC - Góc nghiêng 60 độ - Giá đỡ SUS 304 - 4 block/1 khối	m ³	6

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		- Xuất xứ: Việt Nam		
2	Đĩa phân phối khí	- Vật liệu: EPDM - Lưu lượng: Q=0-12m ³ /giờ - Dạng: bột mịn - Xuất xứ: EU/G7	Cái	20
3	Máy thổi khí	- Lưu lượng: Q=2.22m ³ /min; H=3,0mH ₂ O - Điện áp: 3 pha/380V/50Hz - Xuất xứ: Taiwan	Cái	1
4	Thiết bị đo pH online	- Khoảng đo pH = 0-14 - Độ chính xác: khoảng 0-2 pH - Độ phân giải: 0,01 - Nhiệt độ hoạt động: 0-40 độ - Cổng ra: DC 4-20 mA - Hiệu chuẩn tại 2 điểm pH 4, pH 7 hoặc pH 9 - Hiển thị led 3.1/2 digit - Điện áp: AC 85-220V - Điểm báo, cao nhất, thấp nhất, mỗi điểm a,b có liên hệ với nhau (không có điện áp) - Cấu trúc vật liệu: Sơn PSSC - Cung cấp bao gồm - Máy chính - Đầu rò - Phụ kiện - Xuất xứ: EU/G7	Cái	1
5	Hệ thống cấp ozon	- Chế độ chạy liên tục và hẹn giờ tắt - Công suất ozon: 50Gam/h - Điện áp: 220V/50Hz - Linh kiện nhập khẩu – lắp ráp VN - Vỏ máy bằng Inox 304 - Áp lực khí ozon <30Kpa - Hệ thống cấp phân phối ozon - Xuất xứ: Việt Nam	Cái	1
III	Hệ thống lọc áp lực			
1	Đồng hồ lưu lượng nước thải	- Thân đồng hồ bằng Gang - Kết nối mặt bích - Phạm vi đo: 0,75-50m ³ /h - Xuất xứ Taiwan	Cái	1
IV	Bể chứa và máy ép bùn			
1	Máy ép bùn khung bản	- Model: K-60 - Kích thước máy: 4250×1100×1150mm - Kích thước khung lọc:	Cái	1

STT	Hạng mục	Đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
		Ø800×500mm - Số lượng khung lọc: 60 bộ - Xuất xứ khung bản: Đài Loan - Bơm bùn dạng màng - Máy nén khí bơm bùn - Xuất xứ: Việt Nam		
V	Hệ thống điện động lực và điều khiển			
1	Hệ thống điện điều khiển tự động	- Vỏ tủ: Việt Nam - Thiết bị chính tủ: LS hoặc tương đương - Vật tư thiết bị phụ: Việt Nam - Công tắc điều khiển - Phần máng cáp điện - Máng điện: Việt Nam - Cáp điện: Cadivi/Việt Nam - Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1
2	Hệ thống đường ống công nghệ	- Phần ống khí trên cạn: Thép mạ kẽm - Phần ống nước, bùn, khí dưới nước: PVC - Phần ống hóa chất: PVC - Giá đỡ: Thép mạ kẽm - Hệ thống phụ kiện phù hợp - Xuất xứ: Việt Nam	Hệ	1

- Quy trình vận hành hệ thống xử lý nước thải: Hệ thống xử lý nước thải được thiết kế tự động hóa, việc vận hành thông qua việc thiết lập, cài đặt thông số cho hệ thống, quá trình hoạt động của hệ thống cần phải giám sát chất lượng nước xử lý qua các công đoạn, tóm tắt quy trình vận hành như sau:

- *Kiểm tra trước khi vận hành*

+ Kiểm tra sự mồi nước các bơm

+ Kiểm tra giá trị cài đặt trên các bơm định lượng

+ Chỉ điều chỉnh lưu lượng (% bơm) khi bơm đang hoạt động

+ Kiểm tra dầu của bơm và máy thổi khí

+ Kiểm tra chế độ đóng mở các van của bơm và máy thổi khí

+ Kiểm tra điện cấp cho hệ thống

+ Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống

- *Vận hành hệ thống*

+ Vận hành cấp điện cho các thiết bị (tủ điều khiển điện)

+ Xác nhận giá trị cài đặt

+ Tất cả các bơm cấp hóa chất đều bật sang chế độ “AUTO”

+ Tất cả các bơm nước và bơm hóa chất đều bật sang chế độ “AUTO” hoặc “ON”

Luôn luôn theo dõi và đảm bảo các bơm vận hành đúng. Kiểm tra các dòng lưu chất và tình trạng xử lý khi hệ thống vận hành liên tục.

- *Hóa chất sử dụng*

Bảng 3.3. Khối lượng hóa chất dự kiến sử dụng cho hệ thống xử lý nước thải trong quá trình hoạt động sản xuất của dự án

STT	Hóa chất sử dụng	Lượng sử dụng năm 2023 (kg/năm)	Chức năng
1	PAC	18.750	Tạo phản ứng kết tủa tham gia loại bỏ chất rắn lơ lửng, photphat, trợ lắng tốt, lọc nước, hòa tan bột khí trong nước thải,...
2	NaOH	37.075	Tạo cân bằng pH cho nước.
3	FeCl ₂ 25%	1.000	Sử dụng thu hồi các kim loại nặng bằng phương pháp keo tụ
4	Polime Cationic	275	Làm đông tụ các chất rắn lơ lửng và tạo ra các khối vật liệu rắn (floc) lớn, trợ lắng

- Điện năng tiêu thụ cho hệ thống xử lý nước thải 1,3kwh/ngày.m³. Hệ thống có công suất là 200m³/ngày đêm. Như vậy lượng điện tiêu thụ là: 260 kwh/ngày.

(Hồ sơ bản vẽ hoàn công hệ thống xử lý nước thải được đính kèm tại phần phụ lục của báo cáo)



Hình 3.8. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m³/ngày đêm



Hình 3.9. Máy ép bùn khung bản

B. Hệ thống xử lý nước thải sản xuất sau cải tạo:

Mục đích cải tạo: Hiện nay, cơ sở đang đầu nối nước thải mạ và nước thải nhuộm về hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200 m³/ngày.đêm. Trong thời gian tới cơ sở sẽ tiến hành cải tạo nâng dung tích bể gom kết hợp bể điều hòa tổng dung tích 3 bể là 38,88 m³ (trong đó 12,96m³/01 bể) lên tổng là 180m³/ngày.đêm (trong đó dung tích 01 bể là 60m³). Đối với quy trình, công suất xử lý và máy móc thiết bị cơ sở vẫn giữ nguyên không thay đổi.

Phương án cải tạo: Sau khi được cấp giấy phép môi trường cơ sở sẽ tiến hành cải tạo hệ thống xử lý nước thải (nâng dung tích bể thu gom kết hợp điều hòa nâng dung tích từ 12,96m³/01 bể lên 60m³/01 bể, tổng dung tích sau cải tạo là 180m³/03 bể). Bùn thải sau quá trình xử lý nước thải sẽ được thu gom về bể chứa bùn và máy ép bùn khung bản. Định kỳ đơn vị có chức năng sẽ đến thu gom vận chuyển và xử lý.

Dưới đây là các thông số kỹ thuật các bể trong HTXL nước thải sản xuất sau cải tạo:

Bảng 3.4. Thông số kỹ thuật các bể trong hệ thống xử lý nước thải sản xuất sau cải tạo của Cơ sở

TT	Tên bể	Số lượng bể	Thông số kỹ thuật
I	Cụm xử lý nước thải nhuộm		
1	Bể gom	1	- Thể tích: 60 m ³ /1 bể
2	Bể khuấy trộn	3	- Thể tích: 1,44 m ³ /bể
3	Bể lắng Lamén	2	- Thể tích: 4m ³ /bể

TT	Tên bể	Số lượng bể	Thông số kỹ thuật
II	Cụm xử lý nước thải mạ		
1	Bể gom	2	- Thể tích: 60m ³ /1 bể
2	Bể khuấy trộn	4	- Thể tích: 1,44m ³
3	Bể lắng Lamén	2	- Thể tích: 6 m ³ /bể
4	Bể xử lý hoàn thiện (xử lý bằng ozon)	2	- Thể tích: 4 m ³ /bể
5	Bồn lọc nước	4	- Thể tích: 2 m ³ /bể
III	Xử lý bùn thải		
1	Bể chứa bùn	1	- Thể tích: 12,96 m ³ /bể

2. Công trình, biện pháp xử lý khí thải

* Nguồn phát sinh bụi, khí thải:

- Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ khu vực mạ
- Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ khu vực phòng đánh bóng
- Nguồn số 3: Bụi phát sinh từ khu vực phòng cán gỗ (thiết bị xử lý tại chỗ)

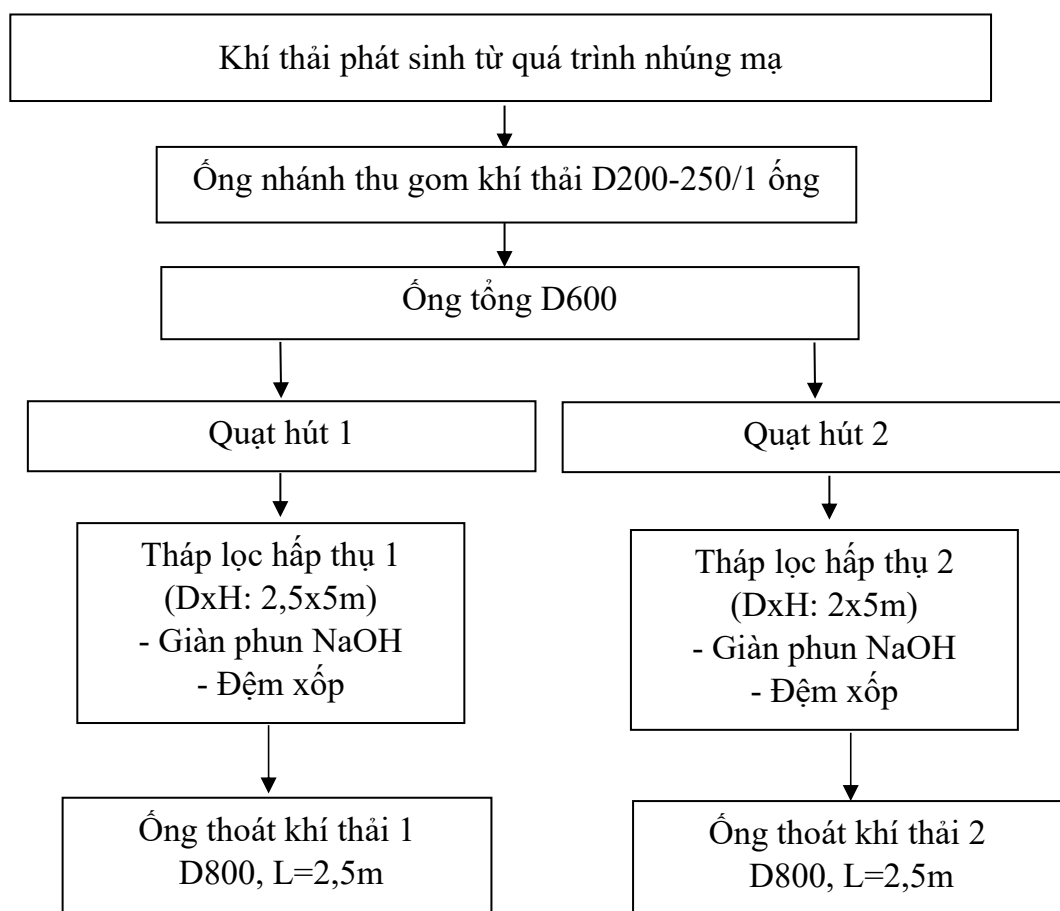
* Dòng thải:

Có 4 dòng thải

- + Dòng thải số 1: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 1;
- + Dòng thải số 2: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 2;
- + Dòng thải số 3: Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng bằng tay
- + Dòng thải số 4: Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng tự động

2.1. Công trình, biện pháp xử lý khí thải mạ

Cơ sở đã lắp đặt 02 hệ thống xử lý bụi, khí thải của xưởng mạ với công suất 24.000m³/h. Hệ thống được xây dựng năm 2011 và nghiệm thu năm 2019.



Hình 3.10. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn mạ

*** Thuyết minh quy trình xử lý khí thải công đoạn mạ:**

Tại các bể mạ và bể rửa trong quá trình mạ điện phân sử dụng các hệ thống ống nhánh thu gom để thu hồi hơi axit, hơi hóa chất. Dưới tác dụng của lực hút hơi axit và hơi hóa chất được đưa về tháp hấp thụ thông qua quạt hút công suất 24.000m³/h. Dung dịch hấp thụ (NaOH) được chứa trong bể chứa dung dịch hấp thụ và được bơm lên giàn phun theo chiều ngược lại với chiều của khí thải nhằm tăng tính tiếp xúc và khả năng phản ứng của các chất. Khí sạch được thoát ra ngoài. Công ty sử dụng NaOH vào để xử lý khí thải. Hóa chất NaOH được bổ sung thường xuyên đảm bảo nồng độ để xử lý hấp thụ khí thải. Tần suất thay thế hoàn toàn là 6 tháng. Khí thải sau hấp thụ đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ được xả ra môi trường và QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ trước khi xả ra môi trường.

Tần suất thay dung dịch hấp thụ 6 tháng/lần.

Thông số của các hệ thống xử lý khí thải được thể hiện dưới đây:

Bảng 3.5. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn mạ

STT	Hạng mục	Số	Thông số kỹ thuật
-----	----------	----	-------------------

		lượng	
I	Phần thiết bị		
1	Thiết bị hấp thụ dung dịch NaOH công suất 24.000m ³ /h	02	+ Kích thước tháp hấp thụ 1: DxH: 2500x5000mm; + Kích thước tháp hấp thụ 2: DxH: 2000x5000mm; + Vật liệu chế tạo: Composite
2	Bơm tuần hoàn tháp hấp thụ	02	+ Lưu lượng: 400-470l/phút + Áp suất: 14mH ₂ O
II	Phần ống gió		
1	Hệ thống đường ống dẫn khí	01	Vật liệu PVC Kích thước: D600
2	Hệ thống đường ống công nghệ	01	Vật liệu PVC
3	Bể tuần hoàn	01	+ Chứa nước và hóa chất tuần hoàn cho 2 thiết bị xử lý + Chất liệu: PVC
4	Quạt hút ly tâm trực tiếp	02	+ Công suất: 37kW + Lưu lượng: 24.000m ³ /h + Cột áp: 3600-3300Pa + Điện áp: 3phase/380V/50Hz + Bao che động cơ + Đệm cao su giảm rung
5	Ống thoát khí	02	Ống thoát khí D800, L=2,5m
6	Tủ điện điều khiển	01	+ Cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động vận hành của nội bộ hệ thống xử lý khí thải + Thiết bị biến tần điều khiển cho quạt hút, bơm, phao báo mức + Phụ kiện: Át, cầu đấu, đèn báo, rơ le, chống mất pha,... + Dây điện kết nối từ tủ điều khiển đến quạt hút (không quá 10-15m)

- Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải: Hệ thống xử lý khí thải được thiết kế tự động hóa, tóm tắt quy trình vận hành như sau:

- Kiểm tra trước khi vận hành
 - + Kiểm tra các đường ống thu gom khí thải đảm bảo không bị thùng gây rò rỉ khí thải;
 - + Kiểm tra hoạt động của các quạt hút khí đảm bảo hoạt động bình thường
 - + Kiểm tra điện cấp cho hệ thống
 - + Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.
- Vận hành hệ thống

- + Vận hành cấp điện cho các thiết bị (quạt hút khí)
- + Luôn luôn theo dõi và đảm bảo các chụp hút, quạt hút khí, bơm tuần hoàn nước vận hành bình thường.

Dưới đây là một số hình ảnh từ quá trình thu gom khí thải từ khu vực xưởng mạ



Hình 3.11. Hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn mạ hiện tại của dự án

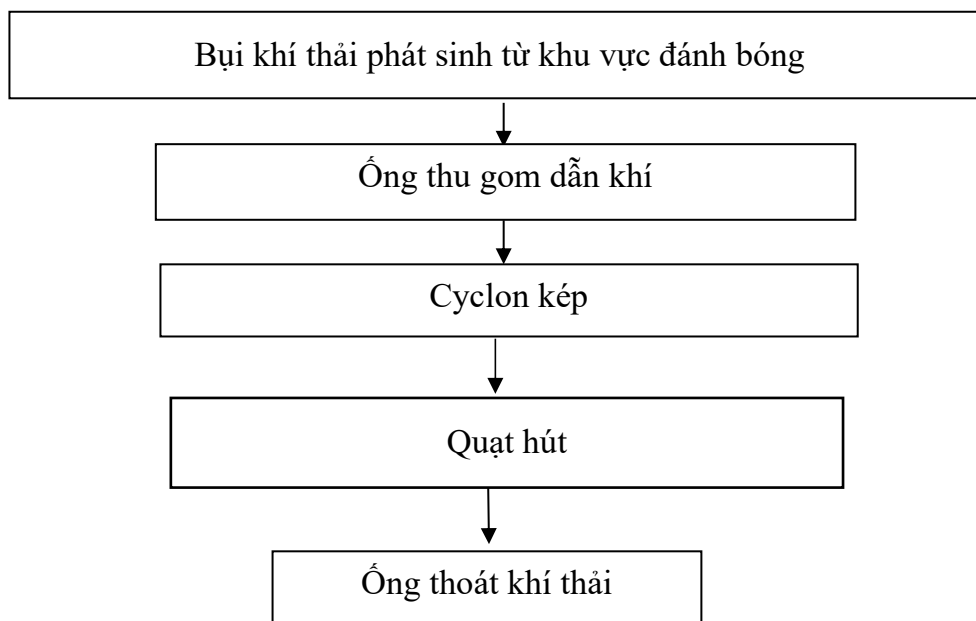
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phòng đánh bóng

Công ty đã lắp đặt 02 hệ thống lọc bụi từ công đoạn đánh bóng bằng tay và công đoạn đánh bóng tự động với công suất mỗi hệ thống là lần lượt là $20.000\text{m}^3/\text{giờ}$ và $40.000\text{m}^3/\text{giờ}$. Hệ thống được xây dựng năm 2015. Tuy nhiên tại thời điểm lập hồ sơ môi trường cũ cơ sở nhập cán thành phẩm. Do vậy, Cơ sở không sử dụng hệ thống tại thời điểm đó.

Trong thời gian tới, cơ sở dự kiến vừa nhập cán thành phẩm và tự đánh bóng cán trước khi chuyển sang công đoạn mạ. Vì vậy, cơ sở xin cấp phép cho hệ thống xử lý bụi từ phòng đánh bóng tại hồ sơ Giấy phép môi trường này.

- Vị trí lắp đặt hệ thống xử lý: Phía sau xưởng đánh bóng
- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hệ thống: Công ty cổ phần công nghệ và thiết bị toàn cầu.
- Công nghệ xử lý: Cyclon lọc bụi

Hai hệ thống xử lý bụi từ công đoạn đánh bóng có công nghệ xử lý giống nhau, cụ thể như sau:



Hình 3.12. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn đánh bóng

*** Thuyết minh quy trình xử lý khí thải công đoạn đánh bóng:**

Trong quá trình đánh bóng sẽ phát sinh bụi, khí thải sẽ được thu vào ống nhánh thu gom khí thải kích thước D200-250/1 ống. Bụi và khí thải được thu gom về ống tổng D500-900 bố trí bên trong xưởng đánh bóng. Bụi, khí thải sau khi được thu gom được dẫn về hệ thống lọc Cyclon kép lắng bụi được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Thiết bị xử lý là cyclon kép lắng bụi có kết cấu làm từ tôn tấm dày 2-3mm, khung đỡ bằng thép định hình. Cyclon là thiết bị hình trụ tròn có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào Cyclon kép sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ. Xuống tới phần phễu, dòng khí sẽ chuyển động ngược lên trên theo đường xoắn ốc và qua ống tâm thoát ra ngoài. Các hạt bụi bám vào thân cyclon lắng bụi, khí sạch sẽ được thoát ra ngoài thông qua quạt hút ly tâm trực tiếp. Bằng phương pháp này, có thể giữ lại 99% lượng bụi. Dòng khí thải sau khi qua thiết bị lọc bụi túi vải đạt QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ, khí sạch sẽ được dẫn ra ngoài môi trường thông qua ống

thoát khí.

Tần suất vệ sinh thu dọn bụi 1 tháng/lần.

Thông số của các hệ thống xử lý khí thải được thể hiện dưới đây:

Bảng 3.6. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn đánh bóng

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
A	Hệ thống xử lý đánh bóng bằng tay		
I	Phần thiết bị		
1	Thiết bị lọc bụi cyclon kép, Q = 20.000m ³ /h	02	+ Kích thước tháp cyclon 1: LxWxH: 1600x1000x5300mm; + Kích thước tháp cyclon 2: LxWxH: 1600x1000x5300mm; + Vật liệu chế tạo: Thép SS400
II	Phần ống gió		
1	Hệ thống đường ống dẫn khí	01	Vật liệu thép SS400 và PVC Kích thước: D200,250,640,900
2	Hệ thống đường ống công nghệ	01	Vật liệu PVC
3	Quạt hút ly tâm trực tiếp	01	+ Model: CF4-72-008 + Công suất: 30kW + Lưu lượng: 20.000m ³ /h + Cột áp: 3600-3300Pa + Điện áp: 3phase/380V/50Hz + Đệm cao su giảm rung
4	Ống thoát khí	01	Ống thoát khí D640, L=5m
5	Tủ điện điều khiển	01	+ Cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động vận hành của nội bộ hệ thống xử lý khí thải + Phụ kiện: Át, cầu đấu, đèn báo, rơ le,.... + Dây điện kết nối từ tủ điều khiển đến quạt hút (không quá 10-15m)
B	Hệ thống xử lý đánh bóng tự động		
I	Phần thiết bị		
1	Thiết bị lọc bụi cyclon kép, Q = 40.000m ³ /h	02	+ Kích thước tháp cyclon 1: LxWxH: 2000x1100x6300mm; + Kích thước tháp cyclon 2: LxWxH: 2000x1100x6300mm; + Vật liệu chế tạo: Thép SS400
II	Phần ống gió		
1	Hệ thống đường ống dẫn khí	01	Vật liệu thép SS400 và PVC Kích thước: D200,250,640,900
2	Hệ thống đường ống công nghệ	01	Vật liệu PVC
3	Quạt hút ly tâm trực tiếp	01	+ Model: CF4-72-012 + Công suất: 45kW

			+ Lưu lượng: 40.000m ³ /h + Cột áp: 3600-3300Pa + Điện áp: 3phase/380V/50Hz + Đệm cao su giảm rung
4	Ống thoát khí	01	Ống thoát khí D900, L=5m
5	Tủ điện điều khiển	01	+ Cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động vận hành của nội bộ hệ thống xử lý khí thải + Phụ kiện: Át, cầu đấu, đèn báo, rơ le,... + Dây điện kết nối từ tủ điều khiển đến quạt hút (không quá 10-15m)

- **Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải:** Hệ thống xử lý khí thải được thiết kế tự động hóa, tóm tắt quy trình vận hành như sau:

- Kiểm tra trước khi vận hành
- + Kiểm tra các đường ống thu gom khí thải đảm bảo không bị thùng gây rò rỉ khí thải;
- + Kiểm tra hoạt động của các quạt hút khí đảm bảo hoạt động bình thường
- + Kiểm tra điện cấp cho hệ thống
- + Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.
- Vận hành hệ thống
- + Vận hành cấp điện cho các thiết bị (quạt hút khí)
- + Luôn luôn theo dõi và đảm bảo các chụp hút, quạt hút khí, bơm tuần hoàn nước vận hành bình thường.

Dưới đây là một số hình ảnh từ quá trình thu gom khí thải từ khu vực xưởng đánh bóng:



Hình 3.13. Hình ảnh hệ thống xử lý đánh bóng bằng tay



Hình 3.14. Hình ảnh hệ thống xử lý đánh bóng tự động

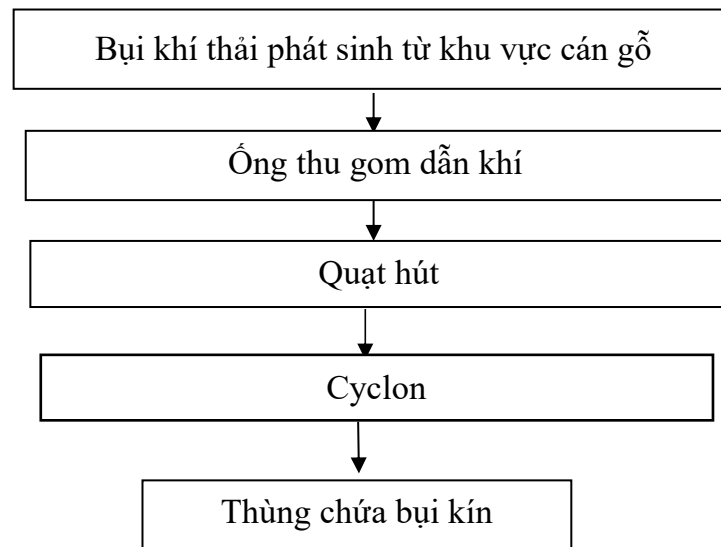
2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải phòng cán gỗ

Công ty đã lắp đặt 01 hệ thống lọc bụi từ công đoạn cán gỗ với công suất hệ thống là $400\text{m}^3/\text{giờ}$. Hệ thống được xây dựng năm 2015. Tuy nhiên tại thời điểm lập hồ sơ môi trường cũ cơ sở nhập cán thành phẩm. Do vậy, Cơ sở không sử dụng hệ thống tại thời điểm đó.

Trong thời gian tới, cơ sở dự kiến vừa nhập cán thành phẩm và tự đánh bóng cán trước khi chuyển sang công đoạn mạ. Vì vậy, cơ sở xin cấp phép cho hệ thống xử lý bụi từ phòng đánh bóng tại hồ sơ Giấy phép môi trường này.

- Vị trí lắp đặt hệ thống xử lý: Phía sau phòng cán gỗ
- Đơn vị thiết kế, thi công, giám sát hệ thống: Công ty cổ phần công nghệ và thiết bị toàn cầu.
- Công nghệ xử lý: Cyclon lọc bụi

Hệ thống xử lý bụi từ công đoạn cán gỗ có công nghệ xử lý như sau:



Hình 3.15. Quy trình công nghệ xử lý khí thải từ công đoạn cán gỗ

*** Thuyết minh quy trình xử lý khí thải công đoạn cán gỗ:**

Trong quá trình cán gỗ bằng tay sẽ phát sinh bụi, khí thải sẽ được thu vào ống nhánh thu gom khí thải kích thước D200-250/1 ống. Bụi và khí thải được thu gom về ống tổng D500 bố trí bên trong xưởng cán gỗ. Bụi, khí thải sau khi được thu gom được dẫn về hệ thống lọc Cyclon lắng bụi được bố trí bên ngoài nhà xưởng. Thiết bị xử lý là cyclon lắng bụi có kết cấu làm từ tôn tấm dày 2-3mm, khung đỡ bằng thép định hình. Cyclon là thiết bị hình trụ tròn có miệng dẫn khí vào ở phía trên. Không khí vào Cyclon sẽ chảy xoáy theo đường xoắn ốc dọc bề mặt trong của vỏ hình trụ. Xuống tới phần phễu và được thu gom vào thùng chứa bụi kín, không thoát khí ra ngoài môi trường. Bằng phương pháp này, có thể giữ lại 99% lượng bụi.

Tần suất vệ sinh thu dọn bụi 6 tháng/lần.

Thông số của các hệ thống xử lý khí thải được thể hiện dưới đây:

Bảng 3.7. Thông số kỹ thuật của hệ thống xử lý khí thải từ công đoạn cán gỗ

STT	Hạng mục	Số lượng	Thông số kỹ thuật
A	Hệ thống xử lý bụi công đoạn cán gỗ		

I Phần thiết bị			
1	Thiết bị lọc bụi cyclon, Q = 400m ³ /h	01	+ Kích thước tháp cyclon: LxWxH: 1600x1000x2500mm; + Vật liệu chế tạo: Thép SS400
II Phần ống gió			
1	Hệ thống đường ống dẫn khí	01	Vật liệu PVC Kích thước: D200,250,500
2	Hệ thống đường ống công nghệ	01	Vật liệu PVC
3	Quạt hút ly tâm trực tiếp	01	+ Model: Turbo-511 + Công suất: 15kW, 20HP + Lưu lượng: 400m ³ /h + Cột áp: 120 mmAq + Điện áp: 3phase/380V/50Hz + Đệm cao su giảm rung
4	Tủ điện điều khiển	01	+ Cung cấp điện cho toàn bộ hoạt động vận hành của nội bộ hệ thống xử lý khí thải + Thiết bị biến tần điều khiển cho quạt hút, bơm, phao báo mức + Phụ kiện: Át, cầu đấu, đèn báo, rơ le, chống mất pha,.... + Dây điện kết nối từ tủ điều khiển đến quạt hút (không quá 10-15m)

- Quy trình vận hành hệ thống xử lý khí thải: Hệ thống xử lý khí thải được thiết kế tự động hóa, tóm tắt quy trình vận hành như sau:

- Kiểm tra trước khi vận hành:
 - + Kiểm tra các đường ống thu gom khí thải đảm bảo không bị thùng gây rò rỉ khí thải;
 - + Kiểm tra hoạt động của các quạt hút khí đảm bảo hoạt động bình thường.
 - + Kiểm tra điện cấp cho hệ thống.
 - + Xác nhận là các hạng mục trên đã hoàn tất và sẵn sàng thì mới được vận hành hệ thống.
- Vận hành hệ thống:
 - + Vận hành cấp điện cho các thiết bị (quạt hút khí).
 - + Luôn luôn theo dõi và đảm bảo các chụp hút, quạt hút khí, bơm tuần hoàn nước vận hành bình thường.

Dưới đây là một số hình ảnh từ quá trình thu gom khí thải từ khu vực xưởng cán gỗ:



Hình 3.16. Hình ảnh hệ thống xử lý bụi từ phòng cán gỗ

2.4. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải khác

Ngoài ra, chủ cơ sở còn áp dụng một số biện pháp sau:

- Vệ sinh công nghiệp: thường xuyên làm vệ sinh, thu gom rác, quét bụi, phun nước tại khu vực sân bãi để giảm lượng bụi do các phương tiện giao thông vận tải, xe cộ ra vào Nhà máy;
- Trồng cây xanh cách ly với các chủng loại cây như: hoa sữa, bằng lăng phượng, dạ hương, lộc vừng, thông, ngâu, dừa cảnh..... đảm bảo theo quy hoạch để hạn chế sự lan truyền bụi, ồn, khí thải ra xung quanh và tạo cảnh quan môi trường.
- Thiết kế nhà xưởng thông thoáng: sử dụng phương pháp thông gió tự nhiên và thông gió cưỡng bức.
- Trang bị đủ các dụng cụ bảo hộ lao động cho CBCNV của Công ty gồm: khẩu trang, găng tay, giày; giám sát, nhắc nhở việc sử dụng dụng cụ bảo hộ trong quá trình làm việc phù hợp với từng khu vực sản xuất.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.1. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường

- Thành phần, khối lượng CTR sinh hoạt:
 - + Thành phần: chủ yếu là các chất hữu cơ dễ phân hủy (rau thừa, vỏ hoa quả, thức ăn thừa,...), giấy và phế thải từ văn phòng, bao bì đựng nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất,... của cơ sở.

Theo thống kê năm 2023, khối lượng trung bình khoảng 43,75m³/tháng (quy ước 1m³ = 420kg), tương đương khoảng 766kg/ngày. Cụ thể như sau:

Theo thống kê 8 tháng đầu năm 2024, khối lượng trung bình khoảng 26,25m³/tháng (quy ước 1m³ = 420kg), tương đương khoảng 460kg/ngày. Cụ thể như sau:

Bảng 3.8. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong năm 2023

Quý	Tháng	Năm 2023 (m ³ /tháng)
Quý I	Tháng 01	45
	Tháng 02	30
	Tháng 03	30
Quý II	Tháng 04	30
	Tháng 05	30
	Tháng 06	60
Quý III	Tháng 07	45
	Tháng 08	60
	Tháng 09	30
Quý IV	Tháng 10	30
	Tháng 11	90
	Tháng 12	45
Trung bình (m ³ /tháng)		43,75

(Nguồn: Biên bản đối chiếu khối lượng thu gom rác thải)

Bảng 3.9. Khối lượng CTR sinh hoạt phát sinh trong 8 tháng đầu năm 2024

Quý	Tháng	Năm 2024 (m ³ /tháng)
Quý I	Tháng 01	15
	Tháng 02	30
	Tháng 03	30
Quý II	Tháng 04	30
	Tháng 05	15
	Tháng 06	30
Quý III	Tháng 07	30
	Tháng 08	30
Trung bình (m ³ /tháng)		26,25

(Nguồn: Biên bản đối chiếu khối lượng thu gom rác thải)

- Phương pháp thu gom, lưu giữ:
 - + Định kỳ công nhân nhà máy sẽ thu gom, vận chuyển chất thải về khu vực tập kết và bàn giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý.
- Vị trí kho chứa: Phía sau hướng Đông Nam khu đất thực hiện dự án.
- Chủ cơ sở ký hợp đồng dịch vụ với Công ty CP Môi trường và dịch vụ đô thị Vĩnh Yên để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt phát sinh theo quy định pháp luật. Tần suất thu gom 2-4 lần/tháng.

(Hợp đồng thu gom, vận chuyển rác thải thông thường được đính kèm phụ lục

báo cáo).

- *Đánh giá khả năng đáp ứng của khu vực tập kết rác thải thông thường của cơ sở:* Cơ sở đã bố trí 1 khu vực chứa rác thải sinh hoạt bố trí. Lượng rác thải phát sinh trung bình khoảng 460 kg/ngày. Tần suất thu gom trung bình là 2-4 lần/tháng. Do vậy, kho rác hiện có của nhà máy hoàn toàn có thể đáp cho hoạt động của cơ sở.

*** Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom rác thải thông thường:**

Đã thu gom, lưu chứa được toàn bộ lượng rác thải thông thường phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định. Tại nhà máy không xảy ra tình trạng ứ đọng, quá tải.

3.2. Các biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường khác

- Bùn bể tự hoại: Thuê đơn vị có đủ chức năng tới hút theo nhu cầu thực tế sau đó mang đi xử lý luôn không lưu giữ tạm thời nhà máy;

- Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom CTR công nghiệp thông thường:

Các biện pháp thu gom CTR công nghiệp thông thường mà Nhà máy áp dụng về cơ bản đã thu gom được các loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh tại nhà máy, lưu chứa vào khu vực theo quy định, sau đó các loại CTR được vận chuyển đi xử lý theo quy định.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

*** Nguồn, khối lượng phát sinh**

Thành phần CTNH chủ yếu là bùn thải, bao bì mềm dính hóa chất, bao bì cứng dính hóa chất, giẻ lau dính dầu, găng tay dính dầu dính hóa chất, dầu thải, cặn sơn.... Danh mục và khối lượng của các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của cơ sở được trình bày trong bảng sau:

Bảng 3.10. Khối lượng CTNH phát sinh tại cơ sở

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Theo sổ chủ nguồn thải (kg/năm)	Năm 2023 (kg/năm)	Khối lượng CTNH xin cấp phép (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	24.000	183.980	190.000
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần	Rắn	18 02 01	480	105	480

Báo cáo Đề xuất cấp giấy phép môi trường của Cơ sở “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Theo sổ chủ nguồn thải (kg/năm)	Năm 2023 (kg/năm)	Khối lượng CTNH xin cấp phép (kg/năm)
	nguy hại					
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	08	6	6
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	04	4	4
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	700	0	700
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	120	47	120
7	Cặn sơn và dung môi thải	Lỏng	08 01 01	-	1.321	1.400
8	Rác thải y tế	Rắn	13 01 01	-	1	1
9	Acquy chì	Rắn	16 01 12	-	-	100 (Dự kiến)
10	Bụi đánh bóng	Rắn	07 03 08	-	-	2.000 (Dự kiến)
11	Nhôm có dầu	Rắn	07 03 11	-	-	800 (Dự kiến)
12	Dầu nhờn thải, dầu động cơ, hộp số, bôi trơn đã qua sử dụng	Lỏng	13 01 10	-	-	300 (Dự kiến)
13	Các dung môi hữu cơ thải khác (Dung môi thải, hỗn hợp dung môi thải (gồm toluen, axeton, xylene...))	Lỏng	14 06 03	-	-	300 (Dự kiến)
14	Hóa chất vô cơ hết hạn	Lỏng	19 05 03	-	-	700 (Dự kiến)
15	Hóa chất hữu cơ hết hạn	Lỏng	19 05 04	-	-	700 (Dự kiến)
Tổng cộng				25.312	185.464	197.611

- Phân loại chất thải nguy hại, không để chung CTNH với các loại chất thải thông thường khác. CTNH sẽ được công nhân thu gom về kho chứa ngay khi phát sinh.

Nhà máy đã xây dựng 1 nhà kho chứa, diện tích khoảng 60m². Kho chứa có cửa, mái che kín, ngoài cửa kho có biển cảnh báo CTNH. Sàn nhà kho để bê tông, sơn nền epoxy chống thấm.

Dưới đây là hình ảnh bên trong kho của nhà máy:



Hình 3.17. Khu vực kho chứa chất thải nguy hại

- Vị trí kho: Cạnh hệ thống xử lý nước thải sản xuất;
- Kết cấu kho: tường bao quanh xây bằng gạch, có mái che kín, gắn biển tên và biển cảnh báo;
- Tại nhà kho bố trí 3 bình chữa cháy, 1 thùng cát, 1 xẻng xúc cát, các túi cát nhỏ và các thùng chứa CTNH dung tích 40 – 200 lít
- Các thùng chứa CTNH đều là thùng dạng kín đáy để đảm bảo không rơi vãi chất thải lỏng ra kho chứa. Trên các thùng đều được dán nhãn mã CTNH theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.
- Chủ cơ sở ký hợp đồng vận chuyển, lưu giữ xử lý chất thải công nghiệp nguy hại với Công ty TNHH Môi trường đô thị Hùng Phát để thu gom và xử lý toàn bộ chất thải nguy hại phát sinh theo quy định pháp luật. Tần suất thu gom 1 lần/tháng.

(Hợp đồng thu gom, vận chuyển chất thải nguy hại được đính kèm phụ lục báo cáo).

- **Đánh giá khả năng đáp ứng của kho chứa chất thải nguy hại:** Kho chứa có diện tích 60m², chiều cao kho chứa là 3m. Lượng chất thải nguy hại phát sinh năm 2023 là 185.464kg (trong đó bùn thải 183.980 kg, chất thải nguy hại khác 1.484kg). Đối với bùn thải tận dụng bao chứa, đối với chất thải nguy hại khác sẽ được lưu chứa trong thùng dung tích từ 40-220 lít. Tần suất thu gom là 1 lần/tháng. Do vậy, kho chất thải nguy hại hiện có của nhà máy hoàn toàn có thể đáp cho hoạt động của cơ sở.

**** Trách nhiệm của Công ty về việc lưu giữ chứng từ chuyển giao CTNH***

- Yêu cầu đơn vị thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải Công ty TNHH Môi trường đô thị Hùng Phát cung cấp chứng từ chuyển giao chất thải nguy hại sau mỗi lần chuyển giao CTNH.

- Lưu lại các liên chứng từ chuyển giao CTNH tại Công ty trong thời gian tối thiểu 5 năm.

**** Hiệu quả áp dụng các biện pháp thu gom chất thải nguy hại:***

Đã thu gom, lưu chứa được toàn bộ lượng chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình hoạt động của nhà máy trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, đưa đi xử lý theo quy định. Tại kho chứa không xảy ra tình trạng ứ đọng, quá tải.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung

**** Hoạt động vận tải***

- Sử dụng phương tiện vận chuyển đã được kiểm định về thông số kỹ thuật, nguồn gốc xuất xứ.

- Quy định tốc độ đối với các phương tiện vận chuyển ra vào Nhà máy, tốc độ từ 5-10 km/h và tuân theo sự điều phối của bảo vệ.

- Cây xanh được trồng xung quanh khuôn viên Nhà máy

**** Hoạt động sản xuất của nhà máy***

- Nhà xưởng được xây dựng cao ráo, thông thoáng.

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong xưởng sản xuất như quần áo bảo hộ, nút bịt tai,...

- Sử dụng máy móc, thiết bị hiện đại, có nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, đảm bảo các thông số kỹ thuật.

- Tắt một số máy móc, thiết bị hoạt động kém hiệu quả hoặc trực trực để tránh tình trạng cộng hưởng tiếng ồn gây ồn cục bộ.

- Lắp đặt nút cao su, đệm chống rung

- Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng động cơ thiết bị định kỳ.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

6.1. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với nước thải

- Các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

+ Tuân thủ các yêu cầu thiết kế;

+ Lập sổ nhật ký vận hành hệ thống xử lý nước thải mạ và nước thải nhuộm;

+ Tuân thủ nghiêm ngặt chương trình vận hành và bảo dưỡng được thiết lập cho hệ thống xử lý nước thải;

+ Định kỳ thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải sau xử lý;

+ Có kế hoạch và sổ theo dõi kiểm tra quá trình bảo dưỡng máy móc thiết bị hàng tuần, ghi lại các thiết bị cần sửa chữa hay dự phòng thay mới;

+ Trang bị một số thiết bị chủ yếu có nguy cơ bị mài mòn, thường xuyên hư hỏng do trong quá trình vận hành hệ thống xử lý nước thải. Do đó các thiết bị hỏng sẽ được thay thế kịp thời khi phát hiện hỏng hóc;

+ Các sự cố phát sinh ngoài khả năng của nhân viên vận hành thì báo ngay cho đơn vị xây dựng hệ thống xử lý tiến hành sửa chữa kịp thời;

6.2. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường đối với mùi, khí thải

+ Kiểm tra hệ thống hút mùi nhà bếp, hệ thống quạt hút thông thoáng nhà xưởng.

+ Trang bị dự phòng các chi tiết dễ hư hỏng như: đinh, ốc vít, các loại đai thép, van điều khiển, ... Đồng thời, thay thế kịp thời các chi tiết hư hỏng.

+ Chuẩn bị một số thiết bị dự phòng đối với một số máy móc dễ hư hỏng như: quạt thông gió, đường ống và các phụ tùng khác;

+ Các sự cố phát sinh ngoài khả năng của nhân viên vận hành thì báo ngay cho đơn vị xây dựng hệ thống xử lý tiến hành sửa chữa kịp thời;

7. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khác

7.1. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy, nổ

*** Biện pháp phòng cháy**

- Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số: 51/CNTD-PCCC ngày 12/9/2008 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an thành phố Hà Nội.

- Cơ sở đã được cấp công văn nghiệm thu hệ thống PCCC số 226/NTPCCC-HĐ-TH ngày 06/07/2011 của Sở cảnh sát PCCC TP Hà Nội.

- Cơ sở đã được cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy chữa cháy số: 559/CNTD-PCCC-P3 ngày 14/7/2017 của phòng cảnh sát PCCC&CNCH công an thành phố Hà Nội.

+ Đã trang bị các trang thiết bị chống cháy nổ, nhằm chữa cháy kịp thời khi sự cố xảy ra bao gồm: đèn sự cố, bình chữa cháy MFZ4, bình loại MT3, bình loại MFZ6, tủ trung tâm báo cháy tự động Nohmi, đầu báo cháy khói quang, đầu báo nhiệt, hệ thống đầu báo gas, hộp tổ hợp đựng chuông, đèn, nút ấn.

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm có: máy bơm chữa cháy, lăng phun, vòi phun, họng nước chữa cháy ngoài nhà, họng nước chữa cháy trong nhà.

- Hệ thống điện được thiết kế, và lắp đặt các thiết bị bảo vệ an toàn, thường xuyên kiểm tra, chống trường hợp đoản mạch và chập mạch.

Ngoài ra:

- Định kỳ thuê đơn vị có chức năng kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ.

- Toàn bộ CBCNV làm việc tại Nhà máy được tập huấn, hướng dẫn về PCCC.
- Đã thành lập đội PCCC cơ sở, phối hợp với cảnh sát PCCC đào tạo nhận thức về PCCC và thực tập phương án PCCC.
- Các máy móc thiết bị làm việc ở nhiệt độ, áp suất cao có hồ sơ lý lịch được kiểm tra, đăng kiểm định kỳ tại các cơ quan chức năng, và đã được lắp đặt đồng hồ đo nhiệt độ, áp suất, mức dung dịch trong thiết bị... nhằm giám sát các thông số kỹ thuật.
- Hệ thống cứu hỏa đảm bảo khoảng cách an toàn cho người và phương tiện di chuyển khi có cháy, giữ khoảng rộng cần thiết ngăn cách đám cháy lan rộng. Các họng lấy nước cứu hỏa được bố trí đều trong phạm vi Nhà máy, kết hợp các dụng cụ chữa cháy như bình CO₂, bình bột... trong từng bộ phận sản xuất, và đặt ở những địa điểm thao tác thuận tiện.
- Các loại nhiên liệu được lưu giữ trong kho cách ly, tránh xa nguồn có khả năng phát lửa và tia lửa điện. Giữ khoảng cách an toàn giữa các công trình để ô tô cứu hỏa có thể tiếp cận dễ dàng.
- Sửa chữa kịp thời các thiết bị khi phát hiện hư hỏng
- CBCNV thực hiện theo đúng nội quy của Nhà máy đề ra. Nghiêm cấm công nhân hút thuốc hoặc tự ý sử dụng các thiết bị dễ cháy khu vực xưởng sản xuất.

*** Biện pháp ứng phó sự cố cháy nổ**

Khi có sự cố cháy nổ xảy ra, thực hiện xử lý theo các bước cơ bản sau:

- Xác định nhanh điểm cháy.
- Báo động để mọi người biết.
- Ngắt điện khu vực bị cháy.
- Báo cho lực lượng PCCC đến.
- Sử dụng các phương tiện PCCC sẵn có để dập cháy.
- Cứu người bị nạn.
- Di chuyển hàng hóa, tài sản và các chất cháy ra nơi an toàn: bảo vệ và tạo khoảng cách chống cháy lan.
- Khắc phục sự cố và ổn định sản xuất trở lại.

7.2. Biện pháp quản lý, phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

*** Biện pháp quản lý, phòng ngừa**

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân đầy đủ: mũ bảo hộ lao động, găng tay, khẩu trang,...
- Đảm bảo điều kiện về môi trường làm việc cho công nhân như lắp đặt hệ thống chiếu sáng, lắp đặt hệ thống thông gió.
- Đã tổ chức đội giám sát an toàn lao động trong Nhà máy.

- Tuyên truyền, giáo dục CBCNV về nội quy an toàn lao động cho toàn bộ công nhân. Thực hiện nghiêm quy chế quản lý an toàn, quy trình an toàn Công ty đã ban hành và các bản pháp quy về an toàn lao động, vệ sinh lao động của Nhà nước.

- Tổ chức tập huấn cho người lao động về an toàn, vệ sinh lao động theo đúng quy định tại Nghị định số 44/2016/NĐ-CP ngày 15/05/2016.

- Tiếp tục thực hiện kiểm tra và khám sức khỏe định kỳ cho công nhân làm việc tại Nhà máy. Định kỳ 1 năm/lần.

- Thường xuyên kiểm tra dây chuyền sản xuất để kịp thời khắc phục sự cố.

*** Biện pháp ứng phó**

- Khi phát hiện sự cố xảy ra, báo ngay cho Trưởng bộ phận quản lý Nhà máy để có có phương án xử lý kịp thời.

- Thực hiện các biện pháp sơ cứu bằng việc sử dụng phương tiện có sẵn tại Nhà máy để ứng cứu. Trường hợp có nhiều bệnh nhân thì thông báo cho đội cấp cứu y tế chuyên ngành, số điện thoại 115.

Chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế gần nhất để cấp cứu, và thực hiện các chính sách, quyền lợi của người lao động.

- Trường hợp tai nạn do máy móc vận hành, hoặc do điện giật, tiến hành ngắt cầu dao tạm dừng hoạt động của thiết bị, và thông báo cho các bộ phận lân cận.

7.3. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố an toàn vệ sinh thực phẩm

*** Biện pháp phòng ngừa sự cố**

- Ký hợp đồng với đơn vị cung cấp nguồn thực phẩm có uy tín, có giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn vệ sinh thực phẩm.

+ Cử cán bộ chuyên trách theo dõi, kiểm soát chặt chẽ việc tiếp nhận, ký giao nhận thực phẩm hàng ngày.

+ Đẩy mạnh, nâng cao nhận thức về an toàn thực phẩm tại Nhà máy qua các biện pháp giáo dục, tuyên truyền các kiến thức về an toàn vệ sinh thực phẩm, an toàn sức khỏe.

*** Biện pháp ứng phó sự cố**

- Trường hợp dưới 10 người có triệu chứng ngộ độc thực phẩm:

Bộ phận y tế của nhà máy sẽ tiến hành sơ cứu, tìm hiểu nguyên nhân. Đối với bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời.

+ Khi các công nhân có các triệu chứng ngộ độc thực phẩm: Đau bụng, đau đầu, buồn nôn, đi ngoài. Bộ phận y tế sẽ phối hợp với các phòng ban chức năng khác của công ty;

+ Đối với các bệnh nhân có những dấu hiệu nặng, thực hiện phương án chuyển

bệnh nhân đến bệnh viện gần nhất để cấp cứu kịp thời;

+ Đối với các bệnh nhân còn lại, tổ chức điều trị. Phối hợp với các cơ quan chức năng tìm hiểu nguyên nhân gây ngộ độc thực phẩm và thực hiện các biện pháp khắc phục.

7.4. Biện pháp phòng ngừa sự cố hóa chất

- Bảo quản hóa chất ở khu vực khô mát, thoáng gió và theo quy định chi tiết tại các phiếu an toàn hóa chất.

- Giữ thiết bị chứa đựng hóa chất ngay ngắn, đóng kín khi không sử dụng.

- Trong trường hợp làm việc liên tục với hóa chất công nhân phải được trang bị bảo hộ lao động như khẩu trang, kính mặt, găng tay, quần áo bảo hộ.

- Khi sử dụng hóa chất phải thực hiện ở khu vực có hệ thống thông gió, tránh để rơi vãi ra khu vực nhà xưởng.

8. Các nội dung thay đổi so với Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 221/GXN-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp

a. Các nội dung thay đổi

Hiện nay các hạng mục công trình bảo vệ môi trường nhà máy đã được xây dựng hoàn thiện. Cơ sở có một số thay đổi về công trình bảo vệ môi trường so với Giấy xác nhận đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản số 221/GXN-UBND ngày 20/5/2015 của Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ cấp cho cơ sở như sau:

Bảng 3.11. Các nội dung thay đổi so với Đề án bảo vệ môi trường đơn giản

TT	Hạng mục	Theo Đề án bảo vệ môi trường đơn giản	Công trình thực tế	Giải trình lý do thay đổi
1	Hệ thống xử lý bụi phòng đánh bóng – công đoạn đánh bóng bằng tay	Không có	Hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclon kép công suất 20.000m ³ /h	Hệ thống được xây dựng năm 2015. Tuy nhiên tại thời điểm lập hồ sơ môi trường cũ cơ sở nhập cán thành phẩm. Do vậy, Cơ sở không sử dụng hệ thống và không cập nhật vào hồ sơ môi trường tại thời điểm đó.
2	Hệ thống xử lý bụi phòng đánh bóng – công đoạn đánh bóng tự động	Không có	Hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclon kép công suất 40.000m ³ /h	Trong thời gian tới, cơ sở dự kiến vừa nhập cán thành phẩm và tự đánh bóng cán trước khi chuyển sang công đoạn mạ.
3	Hệ thống xử lý bụi phòng cán	Không có	Hệ thống thu gom xử lý bụi bằng Cyclon khép kín	Vì vậy, cơ sở xin cấp

	gỗ		công suất 400m ³ /h	phép cho hệ thống xử lý bụi từ phòng đánh bóng tại hồ sơ Giấy phép môi trường này. Mục đích đảm bảo chất lượng xử lý bụi trước khi thoát khí ra ngoài môi trường
--	----	--	--------------------------------	---

b. Đánh giá tác động do các nội dung thay đổi

Hệ thống được xây dựng năm 2015. Tuy nhiên sau thời điểm lập hồ sơ môi trường cũ cơ sở nhập cán thành phẩm. Do vậy, Cơ sở không sử dụng hệ thống tại thời điểm đó.

Trong thời gian tới, cơ sở dự kiến vừa nhập cán thành phẩm và tự đánh bóng cán trước khi chuyển sang công đoạn mạ. Vì vậy, cơ sở xin cấp phép cho hệ thống xử lý bụi từ phòng đánh bóng tại hồ sơ Giấy phép môi trường này.

Mục đích đảm bảo chất lượng xử lý bụi trước khi thoát khí ra ngoài môi trường.

Chương IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải: 05 nguồn thải

* Đối với sinh hoạt: 02 nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tại cơ sở (lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 33,6m³/ngày)

- Nguồn số 01: Nước thải từ các nhà vệ sinh tại cơ sở

- Nguồn số 02: Nước thải phát sinh từ khu vực nhà bếp.

Dòng thải: 01 dòng thải

Đối với nước thải sinh hoạt phát sinh từ các nhà vệ sinh và nước thải phát sinh từ khu vực bếp sau khi xử lý sơ bộ sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước chung của Khu công nghiệp Phú Nghĩa tại 1 điểm xả (điểm xả 1)

* Đối với sản xuất: có 02 nguồn phát sinh

Nguồn phát sinh tại cơ sở (lưu lượng phát sinh lớn nhất khoảng 200m³/ngày.đêm)

+ Nguồn số 3: Nước thải phát sinh từ quá trình nhuộm lông

+ Nguồn số 4: Nước thải phát sinh từ quá trình mạ ống quản

+ Nguồn số 5: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải mạ

Dòng thải: 02 dòng thải

- Dòng thải số 01: Nước thải sản xuất từ quá trình nhuộm lông và quá trình mạ sau khi xử lý qua hệ thống xử lý nước thải sản xuất công suất 200m³/ngày.đêm sẽ được đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa tại 1 điểm xả (điểm xả 1)

- Dòng thải số 02: Nước thải phát sinh từ hệ thống xử lý khí thải mạ (chứa dung môi), định kỳ sẽ được cơ sở vệ sinh và thu gom về kho chứa chất thải nguy hại.

Tọa độ điểm xả:

- Tọa độ điểm xả 1: X = 2 314 931; Y = 569 863

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiều 3⁰)

Phương thức xả thải: tự chảy

Chế độ xả thải: liên tục

Nguồn tiếp nhận: Hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa

Căn cứ theo Khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 “Dự án đầu tư nhóm I, nhóm II và nhóm III có phát sinh nước thải, bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý hoặc phát sinh chất thải nguy hại phải được quản lý theo quy định về quản lý chất thải khi đi vào vận hành”.

Tuy nhiên, Chủ cơ sở đầu nối nước thải vào hệ thống thoát nước chung của KCN Phú Nghĩa (Theo Văn bản số 308/201/PMG-BĐHDA ngày 05/8/2011 của Ban ĐHDA KCN Phú Nghĩa về việc Điều chỉnh đầu nối hạ tầng kỹ thuật lô đất của Công ty DooJung Việt Nam trong KCN Phú Nghĩa). Do đó, Công ty không thuộc đối tượng phải cấp phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường 2020 (do nước thải sau xử lý được đầu nối vào hệ thống thu gom và xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Thăng Long theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 53 Luật Bảo vệ môi trường 2020, không xả trực tiếp ra môi trường).

(Văn bản đầu nối được đính kèm tại Phụ lục báo cáo).

Chất lượng nước thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu theo tiêu chuẩn của KCN Phú Nghĩa.

Bảng 4.1. Bảng giới hạn các chất gây ô nhiễm trong nước thải khi thải vào hệ thống thu gom chung của khu công nghiệp

STT	Tên gọi hóa chất	Nồng độ giới hạn	Đơn vị
1	Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ	25	mg/l
2	Các chất tổng hợp có hoạt tính bề mặt		
2.1	Chất dễ oxi hóa anion	20	mg/l
2.2	Chất dễ oxi hóa không ion	50	mg/l
2.3	Chất trung gian anion	20	mg/l
2.4	Chất trung gian không ion	20	mg/l
3	Formandehit	25	mg/l
4	Sunfit	1	mg/l
5	Đồng	0,5	mg/l
6	Kali	0,5	mg/l
7	Cadimi	0,1	mg/l
8	Crom III	2,5	mg/l
9	Kẽm	1	mg/l
10	Thuốc nhuộm lưu hóa	25	mg/l
11	Thuốc nhuộm tổng hợp	25	mg/l
12	Asen	0,1	mg/l
13	Xianua	1,5	mg/l

STT	Tên gọi hóa chất	Nồng độ giới hạn	Đơn vị
14	Thủy ngân	0,005	mg/l
15	Chì	0,1	mg/l
16	Coban	1	mg/l

2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với bụi, khí thải

2.1. Đối với khu vực xưởng mạ

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Khí thải phát sinh từ hệ thống xưởng mạ;

- Dòng khí thải: Có 2 dòng khí thải

+ Dòng khí thải số 1: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ (hệ thống số 1);

+ Dòng khí thải số 2: Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ (hệ thống số 2);

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Dòng thải số 1: 24.000m³/h

+ Dòng thải số 2: 24.000m³/h

- Tọa độ vị trí xả khí thải của các nguồn thải

- Vị trí xả thải: trong khuôn viên cơ sở

- Dòng số 1: Tọa độ X= 2314933; Y=569932

- Dòng số 2: Tọa độ X= 2314936; Y=569938

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường QCVN 20:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ và QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội (Kp = 1 áp dụng đối với nguồn thải có lưu lượng khí thải ≤20.000 m³/h, Kv = 0,9 hệ số vùng khu vực huyện Chương Mỹ đối với các thông số: Bụi tổng, SO₂, Kv = 1 hệ số vùng khu vực huyện Sóc Sơn đối với thông số: NO_x, CO).

Bảng 4.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong khí thải của cơ sở

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCT ĐHN 01:2014/BTNMT
	Lưu lượng	m ³ /h	-
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200
2	CO	mg/Nm ³	1.000

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCT ĐHN 01:2014/BTNMT
3	NO _x (tính theo NO ₂)	mg/Nm ³	850
4	SO ₂	mg/Nm ³	500
5	NH ₃	mg/Nm ³	50

2.1. Đối với khu vực đánh bóng và cán gỗ

- Nguồn phát sinh khí thải:

+ Nguồn số 1: Bụi phát sinh từ phòng đánh bóng

+ Nguồn số 2: Bụi phát sinh từ phòng cán gỗ (thiết bị xử lý tại chỗ)

- Dòng khí thải: Có 2 dòng thải

+ Dòng khí thải số 1: Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng bằng tay;

+ Dòng khí thải số 2: Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng tự động;

- Lưu lượng xả khí thải tối đa:

+ Dòng thải số 1: 20.000m³/h

+ Dòng thải số 2: 40.000m³/h

- Tọa độ vị trí xả khí thải của các nguồn thải

- Vị trí xả thải: trong khuôn viên cơ sở

- Dòng số 1: Tọa độ X= 2314937; Y=569886

- Dòng số 2: Tọa độ X= 2314939; Y=569884

- Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường: đảm bảo theo đúng QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn thủ đô Hà Nội và QCVN 19:2009/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp với bụi và chất vô cơ, với các hệ số K_p= 1,0 (P ≤ 20.000 m³/h) và K_v = 0,9 (áp dụng với thông số: Bụi tổng), cụ thể như sau:

STT	Thông số	Đơn vị tính	QCT ĐHN 01:2014/BTNMT
	Lưu lượng	m ³ /h	-
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	200

3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung

- Nguồn phát sinh:

+ Nguồn số 1: Khu vực hệ thống xử lý nước thải 200m³/ngày.đêm;

- + Nguồn số 2: Khu vực hệ thống xử lý khí thải mạ 1;
- + Nguồn số 3: Khu vực hệ thống xử lý khí thải mạ 2;
- + Nguồn số 4: Khu vực nhuộm lông;
- + Nguồn số 5: Khu vực ép nhựa;
- + Nguồn số 6: Khu vực hệ thống xử lý bụi đánh bóng bằng tay;
- + Nguồn số 7: Khu vực hệ thống xử lý bụi đánh bóng tự động.
- + Nguồn số 8: Khu vực hệ thống xử lý bụi từ phòng cán gỗ.
- Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:
 - + Nguồn số 1: Tọa độ: X(m) = 2314946; Y(m) = 569886;
 - + Nguồn số 2: Tọa độ: X(m) = 2314933; Y(m) = 569932;
 - + Nguồn số 3: Tọa độ: X(m) = 2314936; Y(m) = 569938;
 - + Nguồn số 4: Tọa độ: X(m) = 2314950; Y(m) = 569959;
 - + Nguồn số 5: Tọa độ: X(m) = 2314977; Y(m) = 569881;
 - + Nguồn số 6: Tọa độ: X(m) = 2314937; Y(m) = 569886;
 - + Nguồn số 7: Tọa độ: X(m) = 2314939; Y(m) = 569884;
 - + Nguồn số 8: Tọa độ: X(m) = 2314943; Y(m) = 569979.

(Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 105°00' múi chiều 3⁰)

- Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung:

Bảng 4.3. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của tiếng ồn

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức ồn cho phép (dBA)		QCVN 26:2010/BTNMT
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	55	Khu vực thông thường

Bảng 4.4. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		QCVN 27:2010/BTNMT
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

Ghi chú:

- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn
- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung.

4. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải:

4.1. Đối với chất thải rắn công nghiệp thông thường

- * Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sản xuất và sinh hoạt tại nhà máy
- * Khối lượng, phân loại chất thải công nghiệp thông thường phát sinh:

TT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (m ³ /tháng)
----	---------------	--

1	Rác thải công nghiệp thông thường	43,75
---	-----------------------------------	-------

4.2. Đối với chất thải nguy hại

* Nguồn phát sinh: Từ hoạt động sản xuất của Nhà máy

* Thành phần, mã CTNH (Theo Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường) và khối lượng phát sinh:

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Theo sổ chủ nguồn thải (kg/năm)	Khối lượng CTNH xin cấp phép (kg/năm)
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	12 06 05	24.000	190.000
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	480	480
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	08	6
4	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	04	4
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	18 01 03	700	700
6	Bao bì mềm thải	Rắn	18 01 01	120	120
7	Cặn sơn và dung môi thải	Lỏng	08 01 01	-	1.400
8	Rác thải y tế	Rắn	13 01 01	-	1
9	Acquy chì	Rắn	16 01 12	-	100
10	Bụi đánh bóng	Rắn	07 03 08	-	2.000
11	Nhôm có dầu	Rắn	07 03 11	-	800
12	Dầu nhờn thải, dầu động cơ, hộp số, bôi trơn đã qua sử dụng	Lỏng	13 01 10	-	300
13	Các dung môi hữu cơ thải khác (Dung môi thải, hỗn hợp dung môi thải (gồm toluen, axeton, xylene...))	Lỏng	14 06 03	-	300
14	Hóa chất vô cơ hết hạn	Lỏng	19 05 03	-	700
15	Hóa chất hữu cơ hết hạn	Lỏng	19 05 04	-	700
Tổng cộng				25.312	197.611

Chương V.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG TÁC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Thông tin chung về tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường

- Trong quá trình hoạt động, Công ty thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường, các nội dung theo Báo cáo đề án bảo vệ môi trường đơn giản đã được UBND huyện Chương Mỹ xác nhận tại Giấy xác nhận số 221/GXN-UBND ngày 20/05/2015;
- Tuyệt đối không xả nước thải và khí thải chưa qua xử lý ra môi trường.
- Tuân thủ và thực hiện đảm bảo các quy định về pháp luật về Bảo vệ môi trường hiện hành;
- Để tăng hiệu quả lưu thông không khí trong khu vực nhà xưởng, chủ cơ sở đã áp dụng biện pháp thông thoáng nhà xưởng và lắp hệ thống xử lý khí thải.
- Thường xuyên vận hành Trạm xử lý nước thải sinh hoạt, trạm xử lý nước thải sản xuất và hệ thống xử lý khí thải của nhà máy phát sinh trước khi thoát ra ngoài môi trường;
- Thu gom, chuyển giao chất thải nguy hại cho đơn vị có chức năng xử lý đảm bảo thời gian quy định (Tần suất 2-3 lần/tháng) và tuân thủ thực hiện quản lý chất thải nguy hại theo .
- Rà soát hồ sơ và các công trình xử lý bảo vệ môi trường, lập hồ sơ xin cấp Giấy phép môi trường đảm bảo thời gian Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 quy định.
- Thực hiện lập Giấy phép môi trường theo mẫu báo cáo X, Nghị định 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ về Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải

2.1. Đối với nước thải sản xuất

Bảng 5.1. Kết quả quan trắc nước thải sản xuất định kỳ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 40:2011/BTNMT Cột B	QCTĐHN 02:2014/BTNMT (B)
			T11/2022	T06-2023	T11-2023	T08/2024		
1.	pH	-	6,62	6,4	6,72	7,08	5,5-9	5,5-9
3.	TSS	mg/l	34,0	9	14	89	100	100
4.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	24,0	6	4,73	25,1	50	50

5.	COD	mg/l	92,8	12,7	11	60	150	150
6.	Tổng Nito	mg/l	19,8	5,88	<6,0	22,98	40	40
7.	Tổng Photpho	mg/l	2,620	0,15	2	1,558	6	6
8.	Coliform	MPN /100ml	2.900	3.100	1.100	4.900	5.000	5.000

Ghi chú:

- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp

Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

- QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;

- Cột B: quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm trong nước thải công nghiệp khi xả vào nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt;

Nhận xét: Qua kết quả phân tích nước thải tại nhà máy cho thấy tất cả các chỉ tiêu nước thải đều nằm trong giới hạn QCTĐHN 02:2014/BTNMT Cột B và QCVN 40:2011/BTNMT Cột B

2.2. Đối với nước thải sinh hoạt

Kết quả phân tích nước thải định kỳ tại Nhà máy như sau:

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc nước thải sinh hoạt định kỳ

TT	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 14:2008/BTNMT Cột B
			T11/2022	T06-2023	T11-2023	T08/2024	
1	pH	-	7,38	7,6	7,36	7,63	5,5-9
2	TSS	mg/l	26	<2	95	22	100
3	BOD ₅ (20°C)	mg/l	44	49,7	47,8	4,86	50
4	COD	mg/l	73	99,2	96	12,6	-
5	Tổng Nito	mg/l	23,0	33,6	35,9	10,37	-
6	Tổng Photpho	mg/l	5,142	2,41	2,08	1,45	-
7	Coliform	MPN /100ml	2.400	3.400	4.800	3.400	5.000

Ghi chú:

- QCVN14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt;

- Cột B: Quy định giá trị C của các thông số ô nhiễm làm cơ sở tính toán giá trị tối đa cho phép trong nước thải sinh hoạt khi thải vào các nguồn nước không dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt (có chất lượng nước tương đương cột B1 và B2 của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt hoặc vùng biển ven bờ);

Nhận xét: Qua kết quả phân tích nước thải sinh hoạt tại nhà máy cho thấy tất cả các chỉ tiêu nước thải đều nằm trong giới hạn QCVN 14:2008/BTNMT Cột B

3. Kết quả quan trắc môi trường định kỳ đối với môi trường khí thải (khí thải mạ)

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc khí thải định kỳ

T T	Thông số phân tích	Đơn vị	Kết quả phân tích				QCVN 19:2009/BTNMT Cột B	QCTĐHN 01:2014/BTNMT Cột B
			T11/2022	T06-2023	T11-2023	T08/2024		
1	Bụi tổng	mg/Nm ³	22,1	69	32,1	-	200	200
2	SO ₂	mg/Nm ³	0	KPH	KPH	0	500	500
3	CO	mg/Nm ³	0	KPH	KPH	0,912	1.000	1.000
4	NO ₂	mg/Nm ³	0	KPH	KPH	0,827	850	850
5	NH ₃	mg/Nm ³	0,857	9,4975	KPH	-	50	50
6	Hơi HNO ₃	mg/Nm ³	<0,3	-	-	-	500	-

Ghi chú:

- QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Hà Nội.

- QCVN 19:2009/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

Nhận xét: Qua kết quả phân tích khí thải tại nhà máy cho thấy tất cả các chỉ tiêu nước thải đều nằm trong giới hạn QCTĐHN 01:2014/BTNMT Cột B và QCVN 19:2009/BTNMT Cột B.

Chương VI.

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

- Thời gian bắt đầu vận hành thử nghiệm: Ngay sau khi được cấp giấy phép môi trường

- Thời gian dự kiến kết thúc vận hành thử nghiệm là: trong 03 tháng, dự kiến từ tháng 03/2025-06/2025.

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình thiết bị xử lý chất thải

* Đối với nước thải: 01 hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày.đêm

* Đối với khí thải:

- Đối với công trình xử lý khí thải mạ: 02 hệ thống

+ Hệ thống xử lý khí thải mạ 1 công suất 24.000m³/h;

+ Hệ thống xử lý khí thải mạ 2 công suất 24.000m³/h

- Đối với công trình xử lý bụi từ phòng đánh bóng và cán gỗ: 03 hệ thống

+ Hệ thống xử lý bụi đánh bóng bằng tay công suất 20.000m³/h

+ Hệ thống xử lý bụi đánh bóng tự động công suất 40.000m³/h

+ Hệ thống xử lý bụi từ phòng cán gỗ công suất 400m³/h (Vì hệ thống xử lý bụi từ phòng cán gỗ là hệ thống xử lý bụi khép kín. Do vậy không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm).

Bảng 6. 1. Kế hoạch quan trắc các công trình xử lý chất thải của nhà máy

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
I	Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m³/ngày.đêm			
1	Mẫu nước thải tại bể gom nước thải mạ của hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m ³ /ngày.đêm	pH, COD, BOD5, TSS, Tổng N, Tổng P, Tổng P, Tổng Coliforms	3 ngày/lần, lấy mẫu tổ hợp	QCTĐHN 02:2014/ BTNMT
2	Mẫu nước thải tại bể gom nước thải nhuộm của hệ thống xử lý nước thải tập			

	trung công suất 200m ³ /ngày.đêm			
3	Mẫu nước thải sản xuất sau hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 200m ³ /ngày.đêm			
II	Hệ thống xử lý khí thải mạ			
1	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 1	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃	3 ngày/lần, lấy mẫu tổ hợp	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
2	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 2	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃	3 ngày/lần, lấy mẫu tổ hợp	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
III	Hệ thống xử lý bụi			
1	Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng bằng tay	Bụi tổng	3 ngày/lần, lấy mẫu tổ hợp	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
2	Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng tự động	Bụi tổng	3 ngày/lần, lấy mẫu tổ hợp	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT

- Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch: Viện nghiên cứu Công nghệ và phân tích môi trường.

Viện nghiên cứu Công nghệ và phân tích môi trường đã có:

Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động quan trắc môi trường số hiệu VIMCERTS 228 ban hành kèm theo Quyết định 3867/QĐ-BTNMT ngày 24/12/2018 của Bộ trưởng Bộ tài nguyên và môi trường Về việc chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải định kỳ theo quy định của pháp luật

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

* *Quan trắc nước thải:*

Căn cứ theo khoản 2, điều 97, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với nước thải.

* *Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp:*

Căn cứ theo khoản 2, điều 98, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; cơ sở thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc môi trường định kỳ đối với khí thải.

Bảng 6.2. Kế hoạch quan trắc định kỳ công trình xử lý khí thải của Nhà máy

TT	Vị trí giám sát	Thông số giám sát	Tần suất giám sát	Quy chuẩn so sánh
1	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 1	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃	03 tháng/lần	QCTĐHN 01:2014/ BTNMT
2	Khí thải sau ống thoát khí của hệ thống xử lý khí thải mạ 2	Bụi tổng, CO, SO ₂ , NO ₂ , NH ₃		
3	Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng bằng tay	Bụi tổng		
4	Bụi sau ống thoát khí của hệ thống xử lý bụi đánh bóng tự động	Bụi tổng		

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

- Quan trắc nước thải: Căn cứ theo khoản 2, điều 97, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với nước thải.

- Quan trắc bụi, khí thải công nghiệp: Căn cứ theo khoản 2, điều 98, nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; cơ sở không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục đối với bụi, khí thải công nghiệp.

2.3. Hoạt động quan trắc môi trường định kỳ, quan trắc môi trường tự động, liên tục khác theo quy định của pháp luật có liên quan hoặc theo đề xuất của chủ cơ sở

Không

3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hàng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường định kỳ hàng năm phụ thuộc vào đơn giá quan trắc của các đơn vị có năng lực thực hiện quan trắc.

Chương VII.

CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép môi trường.

Chủ cơ sở cam kết việc xử lý chất thải đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác có liên quan:

- + Giá trị giới hạn tiếp nhận nước thải của KCN Phú Nghĩa.
- + QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
- + QCVN 27:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung;
- + QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn quốc gia về tiếng ồn – mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc;
- + QCTĐHN 01:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Hà Nội;
- + QCVN 19:2009/BTNMT (B): Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ;
- + QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp;
- + QCTĐHN 02:2014/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật về Nước thải Công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
- + QCVN14:2008/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt.

Chủ cơ sở cam kết thực hiện nghiêm các nội dung của báo cáo đề xuất; chịu trách nhiệm khắc phục và bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra sự cố ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình hoạt động của cơ sở.

PHỤ LỤC BÁO CÁO



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 0500582194

Đăng ký lần đầu: ngày 20 tháng 03 năm 2008

Đăng ký thay đổi lần thứ: 4, ngày 20 tháng 05 năm 2024

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOO JUNG VIETNAM CO.,LTD

Tên công ty viết tắt: D.J.VN LIMITED

2. Địa chỉ trụ sở chính

Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 02463267565

Fax:

Email: fnlv@doojung.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 24.077.167.110 đồng.

Bằng chữ: Hai mươi bốn tỷ không trăm bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi bảy nghìn một trăm mười đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Tên tổ chức: DOO JUNG (H.K.) LIMITED

Mã số doanh nghiệp/Quyết định thành lập số: 15295957-000-02-24-3

Ngày cấp: 13/02/2024 Nơi cấp: Cơ quan Đăng ký kinh doanh Hồng Kông

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 113A, Tầng 1 Tòa nhà Mirror Tower, số 61 phố Mody, phía đông Tsim Sha Tsui, KL (Hồng Kông), Trung Quốc

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: LIM BYUNG SUN

Giới tính: Nam

Chức danh: Tổng giám đốc

Sinh ngày: 29/12/1946 Dân tộc: Quốc tịch: Hàn Quốc

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: M53532109

Ngày cấp: 11/11/2021 Nơi cấp: Bộ ngoại giao Hàn Quốc

Địa chỉ thường trú: Phòng 502, 108 Dong, Sin Huyndai Apartment, Apkujung Dong 433, Kangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc

Địa chỉ liên lạc: Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam



Số:



159516/24

GIẤY XÁC NHẬN

Về việc thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp

Phòng Đăng ký kinh doanh: Thành phố Hà Nội
Địa chỉ trụ sở: Tòa nhà Trung tâm giao dịch công nghệ thương mại Hà Nội - Khu liên cơ Võ Chí Công, số 258 đường Võ Chí Công, Phường Xuân La, Quận Tây Hồ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 024.37347512 Fax:
Email: pdkkd_sokhdt@hanoi.gov.vn Website:
www.hapi.gov.vn

Xác nhận:

Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số doanh nghiệp/Mã số thuế: 0500582194

Đã thông báo thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp đến Phòng Đăng ký kinh doanh.

Thông tin của doanh nghiệp đã được cập nhật vào Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp như sau:



00037
NG T
HIỆM H
O JU
IỆT N
G MỸ

Người đại diện theo ủy quyền:

STT	Chủ sở hữu/Cổ đông là tổ chức nước ngoài	Tên người đại diện theo ủy quyền	Quốc tịch của người đại diện theo ủy quyền	Địa chỉ liên lạc	Số giấy CMND (hoặc giấy tờ pháp lý của cá nhân hợp pháp khác)	Vốn được ủy quyền		
						Tổng giá trị vốn được đại diện (VND và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài nếu có)	Tỷ lệ (%)	Thời điểm đại diện phần vốn
1	DOO JUNG (H.K.) LIMITED	LIM BBYUNGSUN	Hàn Quốc	Lô CN-B6 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	M53532109	24077167110	100,00%	22/04/2024

Thông tin đăng ký thuế:

STT	Các chỉ tiêu thông tin đăng ký thuế
1	Thông tin về Giám đốc (Tổng giám đốc): Họ và tên Giám đốc (Tổng giám đốc): LIM BYUNG SUN Điện thoại:
2	Thông tin về Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: Họ và tên Kế toán trưởng/Phụ trách kế toán: LẠI THỊ MAI HƯƠNG Điện thoại:
3	Địa chỉ nhận thông báo thuế: <i>Lô CN-B6 Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam</i> Điện thoại: Fax: Email:
4	Hình thức hạch toán: <i>Hạch toán độc lập</i>
5	Năm tài chính: Áp dụng từ ngày 1/1 đến ngày 31/12
6	Tổng số lao động: 396
7	Phương pháp tính thuế GTGT:



8	Thông tin về tài khoản ngân hàng: Tài khoản ngân hàng:
---	---

Nơi nhận:

- CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT
NAM. Địa chỉ: Lô CN-B6 Khu Công
nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa,
Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội,
Việt Nam

.....;
- Lưu: Nguyễn Thị Kim Anh.....



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ

Số: 032043000036

Cấp lần đầu: ngày 20 tháng 3 năm 2008

- Căn cứ Luật Đầu tư số 59/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP ngày 29 tháng 8 năm 2006 về Đăng ký kinh doanh;
- Căn cứ vào Quyết định số 812/2003/QĐ-UB ngày 13 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tây quy định nhiệm vụ, tổ chức bộ máy của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây;
- Căn cứ Nghị định số 149/2005/NĐ-CP ngày 08 tháng 12 năm 2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Xuất nhập khẩu và Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2008 của Chính phủ quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Đơn đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo của Công ty TNHH DOO JUNG (H.K.) ngày 07 tháng 3 năm 2008,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận: CÔNG TY TNHH DOO JUNG (H.K.);

Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số: 15295957-000-02-08-4 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh Hồng Kông cấp ngày 13/02/2008;

- Trụ sở chính: Phòng 306, Tòa nhà Mirror Tower, Số 61 Đường Mody, Tsimsbatsui East, Hồng Kông;

- Đại diện bởi : Ông Byung Sun Lim;

- Chức vụ: Tổng Giám đốc;

- Quốc tịch: Hàn Quốc;

- Hộ chiếu số: SC1757214; Cấp ngày: 14/7/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

- Nơi cư trú: Phòng 502, 108 Dong, Sin Hyundai Apartment, Apkujung Dong 433, Kangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc;

Đăng ký thành lập doanh nghiệp và thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh:

1. Tên doanh nghiệp: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM;

- Tên tiếng Anh: DOO JUNG VIETNAM CO.,LTD;

- Tên giao dịch: D.J.VN LIMITED.

2. Loại hình doanh nghiệp: Công ty TNHH một thành viên.

3. Địa chỉ trụ Sở chính: Lô CN-B6, khu công nghiệp Phú nghĩa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây, Việt Nam.

4. Ngành nghề kinh doanh: Sản xuất các loại cộ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.

5. Vốn điều lệ: 1.500.000 USD (*Một triệu năm trăm nghìn đô la Mỹ*) tương đương với 23.895.000.000 VNĐ (*Hai mươi ba tỷ tám trăm chín mươi lăm triệu đồng Việt Nam*).

Chủ đầu tư sẽ đóng góp vốn Điều lệ bằng tiền mặt trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Người đại diện theo Pháp luật của doanh nghiệp:

- Đại diện bởi : Ông Byung Sun Lim;

- Chức vụ: Tổng Giám đốc;

- Quốc tịch: Hàn Quốc;

- Hộ chiếu số: SC1757214; Cấp ngày: 14/7/2005; Nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

- Nơi cư trú: Phòng 502, 108 Dong, Sin Hyundai Apartment, Apkujung Dong 433, Kangnam Gu, Seoul, Hàn Quốc.

Điều 2. Nội dung thực hiện dự án đầu tư:

1. Tên dự án: Thành lập Công ty TNHH DOO JUNG VIỆT NAM nhằm sản xuất các loại cộ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.

2. Mục tiêu và quy mô của dự án: Sản xuất các loại cộ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.

Dự kiến công suất hàng năm:

- Cộ trang điểm: 8.000.000 sản phẩm/năm;

- Hộp phấn trang điểm: 600.000 sản phẩm/năm;

- Các phụ kiện khác: 40.000.000 sản phẩm/năm.

Thị trường xuất khẩu hướng tới là: Mỹ, Anh, Pháp, Canada và một số quốc gia tiềm năng khác trên thế giới.

3. Địa điểm thực hiện dự án: Lô CN-B6, khu công nghiệp Phú nghĩa, huyện Chương Mỹ, tỉnh Hà Tây; Diện tích: 35.800 m².

4. Tổng vốn đầu tư: 5.000.000USD (*Năm triệu Đôla Mỹ*) tương đương với 79.650.000.000VNĐ (*Bảy mươi chín tỷ sáu trăm năm mươi triệu đồng Việt Nam*).

Trong đó, Chủ đầu tư sẽ góp 1.500.000 USD vốn Điều lệ bằng tiền mặt trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

5. Thời hạn thực hiện dự án: 49 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.

6. Tiến độ thực hiện dự án:

STT	Công việc	Thời gian
1	Xây dựng trụ sở	Trong vòng 06 (sáu) tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đầu tư.
2	Mua và lắp đặt máy móc thiết bị	Trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng trụ sở.
3	Tuyển dụng lao động	Trong vòng 01 (một) tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng và lắp đặt máy móc thiết bị.
4	Chính thức đi vào hoạt động	Trong vòng 02 (hai) tháng kể từ ngày hoàn thành việc xây dựng trụ sở.

7. Các ưu đãi đầu tư:

- Thuế thu nhập doanh nghiệp: Chủ đầu tư được hưởng mức thuế suất 15% áp dụng trong thời gian 12 năm, kể từ khi bắt đầu đi vào hoạt động kinh doanh; Được miễn thuế 03 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp cho 07 năm tiếp theo quy định tại Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14/02/2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

- Được miễn tiền thuế nhập khẩu máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải chuyên dùng theo quy định tại Nghị định 149/2005/NĐ-CP ngày 08/12/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế xuất nhập khẩu;

- Được hưởng các ưu đãi khác theo quy định hiện hành của Nhà nước Việt Nam.

Điều 3. Giấy chứng nhận đầu tư được lập thành 02 bản (hai bản) gốc; Công ty TNHH DOO JUNG Việt Nam được cấp 01 bản và 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây.

TRƯỞNG BAN



Lã Văn Lục

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG
NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Số: 01222.0002.HG

Chứng nhận lần đầu, Ngày 20 tháng 3 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất, Ngày 26 tháng 8 năm 2009

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh;
- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 3 năm 2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2009 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 Do Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008 cho Công ty TNHH Doo jung Việt Nam;
- Căn cứ Bản Đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Doo jung Việt Nam nộp ngày 20 tháng 8 năm 2009,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận nhà đầu tư:

Công ty Doo jung (H.K.) Limited.

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 15295957-000-02-08-4 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh Hồng Kông cấp lại ngày 13 tháng 02 năm 2008.

Địa chỉ trụ sở chính tại: Phòng 306 - tòa nhà Mirror Tower - số 61 đường Mody - phía đông Tsimshatsui - KL (Hồng Kông).

Đại diện bởi:

Ông Byung Sun Lim, chức vụ Tổng Giám đốc, ngày sinh 29 tháng 12 năm 1946, quốc tịch Hàn Quốc.

Hộ chiếu số SC 1757214, cấp ngày 14 tháng 7 năm 2005, nơi cấp: Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.

Nơi cư trú: phòng 502 - 108 Dong - Sin Hyundai Apartment - Apkujung Dong 433 - Kangnam Gu - Seoul - Hàn Quốc,

Điều chỉnh Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2008 cho Công ty TNHH Doo jung Việt Nam:

Điều 1. Các Điều khoản sau đây của Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2008 được điều chỉnh như sau :

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh

3. Địa chỉ trụ sở chính : Lô CN-B6 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

2. Mục tiêu và quy mô của dự án

Sản xuất các loại cơ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác để xuất khẩu 100% sản phẩm sang Mỹ, Anh, Pháp, Canada và một số quốc gia tiềm năng khác trên Thế giới.

Dự kiến công suất hàng năm :

- Cơ trang điểm : 8.000.000 sản phẩm/năm.
- Hộp phấn trang điểm : 600.000 sản phẩm/năm.
- Các phụ kiện khác : 40.000.000 sản phẩm/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án : Lô CN - B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội ;

Diện tích đất dự kiến sử dụng : 35.852,6 m²

4. Tổng vốn đầu tư : 127.440.000.000 đ (Một trăm hai mươi bảy tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng Việt Nam) tương đương với 8.000.000 usd (Tám triệu đô la Mỹ).

Trong đó :

- Vốn góp để thực hiện dự án : 1.500.000 usd do Chủ đầu tư đóng góp vốn điều lệ bằng tiền mặt trong vòng 12 tháng kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư, chứng nhận lần đầu.

- Vốn vay : 6.500.000 usd.

6. Tiến độ thực hiện dự án

- Hoàn thành việc xây dựng nhà máy, mua và lắp đặt máy móc thiết bị trong 12 tháng kể từ khi được cấp Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh.

- Chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh từ tháng thứ 13.

Điều 2. Mọi điều, khoản, mục khác của Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20 tháng 3 năm 2008 cho Công ty TNHH Doo jung Việt Nam vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh này được lập thành 02 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp 01 bản và 01 bản, một bản Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

Ngày: 28-08-2009

TRƯỞNG BAN



459

19

CHỦ TỊCH
Hoàng Thanh Thủy



Nguyễn Xuân Chính

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Số : 012043000312

Chứng nhận lần đầu, Ngày 20 tháng 3 năm 2008

Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất, Ngày 26 tháng 8 năm 2009

Chứng nhận thay đổi lần thứ hai, Ngày 14 tháng 5 năm 2010

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư ;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 88/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 29 tháng 8 năm 2006 về đăng ký kinh doanh ;

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 3 năm 2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế ;

- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2009 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội ;

- Căn cứ Bản Đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam nộp ngày 13 tháng 5 năm 2010.

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận nhà đầu tư :

DOO JUNG (H.K.) LIMITED.

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 15295957-000-02-10-1 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh Hồng Kông cấp lại ngày 13 tháng 02 năm 2010.

Địa chỉ trụ sở chính tại : Phòng 306 - tòa nhà Mirror Tower - số 61 đường Mody - phía đông Tsimshatsui - KL (Hồng Kông).

Đại diện bởi

Ông Byung Sun Lim, chức vụ Tổng Giám đốc, ngày sinh 29 tháng 12 năm 1946, quốc tịch Hàn Quốc.

Hộ chiếu số M56094529, cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008, nơi cấp : Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.

Nơi cư trú : phòng 502 - 108 Dong - Sin Hyundai Apartment - Apkujung Dong - 433 - Kangnam Gu - Seoul - Hàn Quốc,

Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Tây cấp chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008 cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam với nội dung như sau :

Điều 1. Điều chỉnh nội dung các điều - khoản sau

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh

3. Địa chỉ trụ sở chính : Lô CN-B6 Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội.

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ông Byung Sun Lim, chức vụ Tổng Giám đốc, ngày sinh 29 tháng 12 năm 1946, quốc tịch Hàn Quốc.

Hộ chiếu số M56094529, cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008, nơi cấp : Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc.

Nơi cư trú : phòng 502 - 108 Dong - Sin Hyundai Apartment - Apkujung Dong 433 - Kangnam Gu - Seoul - Hàn Quốc.

Nơi ở hiện nay : Phòng 1, số 907, tòa nhà 101 Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

2. Mục tiêu và quy mô của dự án

Sản xuất các loại cọ trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác để xuất khẩu 100% sản phẩm sản xuất tại Canada và một số quốc gia tiềm năng khác trên Thế giới (Doanh nghiệp).

Dự kiến công suất hàng năm :

- Cọ trang điểm : 8.000.000 sản phẩm/năm.
- Hộp phấn trang điểm : 600.000 sản phẩm/năm.
- Các phụ kiện khác : 40.000.000 sản phẩm/năm.

3. Địa điểm thực hiện dự án : Lô CN - B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ thành phố Hà Nội ;

Diện tích đất dự kiến sử dụng : 35.852,6 m²

4. Tổng vốn đầu tư : 127.440.000.000 đ (Một trăm hai mươi bảy tỷ, bốn trăm bốn mươi triệu đồng) tương đương với 8 triệu usd. Trong đó vốn góp 1,5 triệu usd đã được thực hiện.

6. Tiến độ thực hiện dự án : Tháng 4/2011 chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

8. Nhà đầu tư phải chấp hành các quy định tại Điều lệ khu công nghiệp, thực hiện đầy đủ các thủ tục về xây dựng, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ và pháp luật có liên quan khác ; Doanh nghiệp được áp dụng các quy định đối với khu chế xuất theo quy định của Pháp luật; Báo cáo tình hình triển khai dự án gửi về Ban Quản lý hàng tháng ;

Điều 2. Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh này thay thế Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 01222000246 do Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ nhất ngày 26/8/2009 cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.

Mọi điều, khoản khác của Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008 vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh này được lập thành 2 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp một bản, một bản lưu tại Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội ./

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

SỐ CHỨNG THỰC: 4954 QUYỀN SỐ: 02

30-05-2013

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ PHÚ NGHĨA

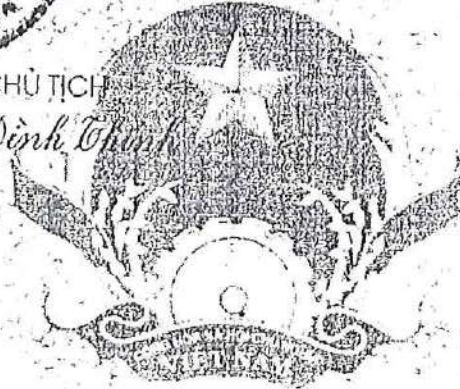


TRƯỞNG BAN

Nguyễn Xuân Chính

PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Đình Chính



BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ CHẾ XUẤT HÀ TÂY



UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐẦU TƯ ĐIỀU CHỈNH

Số : 012043000312

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

Chứng nhận lần đầu, Ngày 20 tháng 3 năm 2008
Chứng nhận thay đổi lần thứ nhất, Ngày 26 tháng 8 năm 2009
Chứng nhận thay đổi lần thứ hai, Ngày 14 tháng 5 năm 2010
Chứng nhận thay đổi lần thứ ba, Ngày 23 tháng 8 năm 2011

- Căn cứ Luật Đầu tư ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Nghị định số 108/2006/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 22 tháng 9 năm 2006 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 29 tháng 11 năm 2005, Nghị định số 102/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 01 tháng 10 năm 2010 hướng dẫn chi tiết thi hành một số điều của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 43/2010/NĐ-CP của Chính phủ ngày 15 tháng 4 năm 2010 về đăng ký doanh nghiệp;

- Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 14 tháng 3 năm 2008 quy định về khu công nghiệp, khu chế xuất và khu kinh tế;

- Căn cứ Quyết định số 63/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội ban hành ngày 27 tháng 4 năm 2009 về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;

- Căn cứ Bản Đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam nộp ngày 09 tháng 8 năm 2011,

TRƯỞNG BAN

Chứng nhận nhà đầu tư :

DOO JUNG (H.K.) LIMITED.

Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 15295957-000-02-11-6 do Cơ quan Đăng ký kinh doanh Hồng Kông cấp lại ngày 13 tháng 02 năm 2011.

Địa chỉ trụ sở chính tại : Phòng 306 - tòa nhà Mirror Tower - số 61 đường Mody - phía đông Tsimshatsui - KL (Hồng Kông).

Đại diện bởi

Ông Byung Sun Lim : Chức vụ Tổng Giám đốc ; Ngày sinh 29 tháng 12 năm 1946; Quốc tịch Hàn Quốc;

Hộ chiếu số M56094529, cấp ngày 15 tháng 10 năm 2008, nơi cấp : Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc;

Nơi cư trú : phòng 502 - 108 Dong - Sin Hyundai Apartment - Apkujung Dong 433 - Kangnam Gu - Seoul - Hàn Quốc;

Điều chỉnh Giấy chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý các Khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 012043000312 chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14/5/2010 do Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam với nội dung như sau :

Điều 1. Giấy chứng nhận đầu tư số 032043000036 ngày 20/3/2008 và Giấy chứng



nhận đầu tư số 012043000312 ngày 14/5/2010 được điều chỉnh những điều - khoản sau :

Điều 1. Nội dung đăng ký kinh doanh

6. Người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp

Ông Se Jun Lim : Chức vụ Phó Giám đốc ; Sinh ngày 30/11/1981 ; Quốc tịch Hàn Quốc;

Hộ chiếu số JR3309234 do Bộ Ngoại giao và Thương mại Hàn Quốc cấp ngày 01/05/2006;

Nơi cư trú : Phòng 502 - 108 Dong - Sin Hyundai Apartment - Apkujung Dong 433 - Kangnam Gu - Seoul - Hàn Quốc;

Nơi ở hiện nay : Phòng E 904, Tháp B, Toà nhà The Manor, Xã Mỹ Trì, Huyện Từ Liêm, Tp Hà Nội;

Điều 2. Nội dung dự án đầu tư

4. Tổng vốn đầu tư : 148.000.000.000 đ (Một trăm bốn mươi tám tỷ đồng) tương đương với 9 triệu usd. Trong đó vốn góp 1,5 triệu usd đã được thực hiện.

6. Tiến độ thực hiện dự án : Tháng 12/2011 chính thức đi vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

Điều 2. Các điều, khoản khác của Giấy Chứng nhận đầu tư số 032043000036 do Ban Quản lý Các khu công nghiệp tỉnh Hà Tây chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008 và Giấy chứng nhận đầu tư số 012043000312 chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 14/5/2010 do Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp cho Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam vẫn giữ nguyên giá trị pháp lý.

Điều 3. Giấy Chứng nhận đầu tư điều chỉnh này được lập thành 2 (hai) bản gốc. Nhà đầu tư được cấp một bản, một bản lưu tại Ban Quản lý Các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội ./.

TRƯỞNG BAN



Nguyễn Xuân Chính



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất
Công ty TNHH DooJung Việt Nam;

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 012043000312 do Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp, Chứng nhận lần đầu ngày 20/3/2008, chứng nhận thay đổi lần thứ 3 ngày 23/8/2011.

Địa chỉ trụ sở: Lô CN B6 - Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

BS 888175

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất:

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: , Tờ bản đồ số: ,
b) Địa chỉ: Lô CN.B6 - Khu Công nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội.
c) Diện tích: 35.852,60 m², (bằng chữ: Ba mươi lăm nghìn tám trăm năm mươi hai phẩy sáu mét vuông.)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 35.852,60 m², chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Xây dựng Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.
e) Thời hạn sử dụng: Kể từ ngày UBND tỉnh ký Quyết định cho Công ty thuê đất đến ngày 20/3/2057 (ngày hết hạn Giấy chứng nhận đầu tư);
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm.

2. Nhà ở: -/-.

3. Công trình xây dựng khác: -/-.

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-.

5. Cây lâu năm: -/-.

6. Ghi chú: Giấy chứng nhận này được cấp theo Quyết định số 2672/QĐ-UBND ngày 23/7/2008 của UBND tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội)



Hà Nội, ngày 05 tháng 5 năm 2011
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TUQ.CHỦ TỊCH
KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG
PHÓ GIÁM ĐỐC



Số vào sổ cấp GCN:

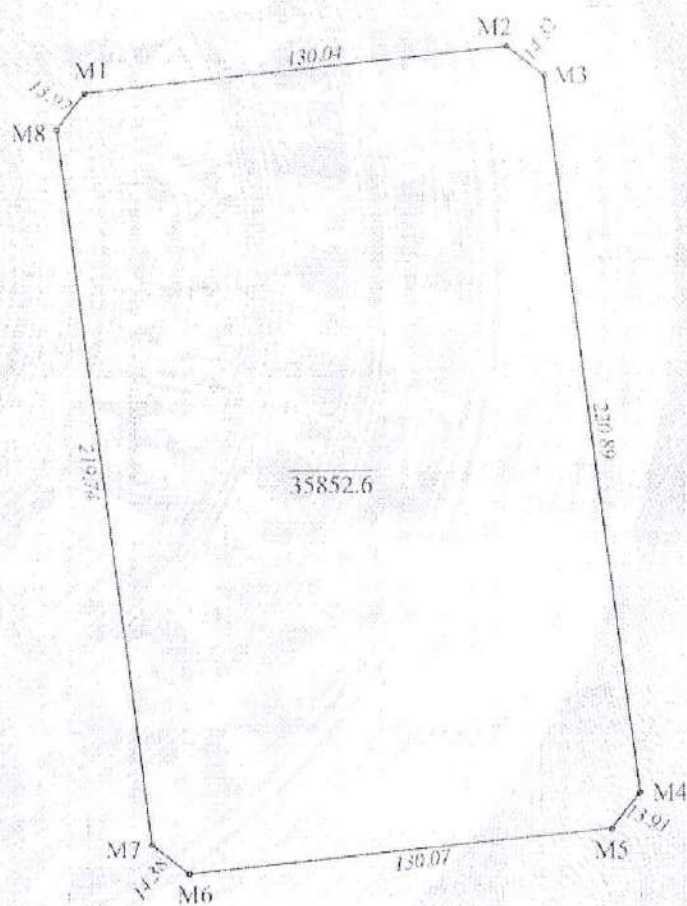
01 0009

Nguyễn Hữu Nghĩa

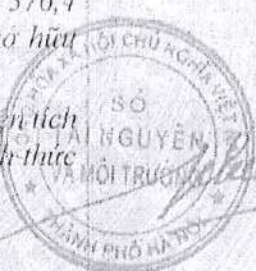
III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Theo bản đồ tỷ lệ 1/1000 do Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện Chương Mỹ lập tháng 4/2008, UBND xã Phú Nghĩa xác nhận ngày 21/4/2008, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Chương Mỹ xác nhận ngày 21/4/2008; Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hà Tây (trước đây) xác nhận ngày 21/4/2008.



IV. Những thay đổi sau khi cấp Giấy chứng nhận

Ngày	Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền
	"Đính chính mục I: Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất: Công ty TNHH Đức Hưng Việt Nam".	
26/12/2014	Chứng nhận bổ sung quyền sở hữu đối với các công trình xây dựng: - Nhà văn phòng và nhà máy diện tích xây dựng 4 102 m²; diện tích sàn 6.629 m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; kết cấu bê tông cốt thép; 02 tầng. - Nhà phụ trợ A diện tích xây dựng 1.977 m²; diện tích sàn 1.977 m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; kết cấu bê tông cốt thép; 01 tầng. - Nhà phụ trợ B diện tích xây dựng 2.490 m²; diện tích sàn 2.490 m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; kết cấu bê tông cốt thép; 01 tầng. - Nhà nghỉ chuyên gia diện tích xây dựng 376,4 m²; diện tích sàn 1.129,2 m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; kết cấu bê tông cốt thép; 03 tầng. - Nhà để xe đạp, xe máy (nhà số 1, nhà số 2) diện tích xây dựng 1.254,1 m²; diện tích sàn 1.254,1 m²; hình thức sở hữu: sở hữu riêng; kết cấu khung thép; 01 tầng.	PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Hữu Nghĩa</i>  PHÓ GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Hữu Nghĩa</i>

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bổ sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận; khi bị mất hoặc hư hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



011003314013821

**GIẤY PHÉP XÂY DỰNG**

Số: 904/GPXD - BQL



I. Cấp cho: Công ty TNHH Doojung Việt Nam.

- Địa chỉ: Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

II. Được cấp phép xây dựng dự án theo nội dung sau:

- Tên dự án: Nhà máy Doojung Việt Nam.

- Vị trí xây dựng: Lô CN- B6, KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

- Cốt nền xây dựng: Theo cao độ của hồ sơ thiết kế kỹ thuật đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

- Chỉ giới đường đỏ, chỉ giới xây dựng, tỷ lệ cây xanh: Phải thực hiện đúng theo CCQH số 308/CCQH -BQL-QHXD ngày 09/4/2010 của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội.

- Quy mô xây dựng: Nhà văn phòng và nhà máy, nhà phụ trợ A, nhà phụ trợ B, nhà nghỉ cho chuyên gia nước ngoài, 02 nhà để xe đạp xe máy, 02 nhà bảo vệ và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như sân, vườn, hàng rào... được xây dựng trong khuôn viên khu đất có diện tích đất 35.852,6m² do Công ty TNHH Doojung Việt Nam đang quản lý và sử dụng. Cụ thể các hạng mục công trình như sau:

1. Nhà văn phòng và nhà máy:

- Diện tích xây dựng tầng 1: 4.160m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 6.720m².
- Chiều cao công trình: 12,0m (từ cốt nền tới đỉnh tường mái).
- Số tầng: 02 tầng (từ trục X1÷X9); 01 tầng (từ trục X10÷X15).

2. Nhà phụ trợ A:

- Diện tích xây dựng tầng 1: 1.980m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.980m².
- Chiều cao công trình: 7,7m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn).
- Số tầng: 01 tầng.

3. Nhà phụ trợ B: Được bố cục làm 02 khối nhà cách nhau: 5m

- Diện tích xây dựng tầng 1: 2.490m².
- Tổng diện tích sàn xây dựng: 2.490m².
- Chiều cao công trình: 7,7m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn).
- Số tầng: 01 tầng.

4. Nhà nghỉ chuyên gia:

- Diện tích xây dựng tầng 1: $376,5m^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $1.129,44m^2$.
- Chiều cao công trình: 10,0m (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn).
- Số tầng: 03 tầng.

5. 02 Nhà bảo vệ: Nhà bảo vệ cổng chính (diện tích: $28,8m^2$); Nhà bảo vệ cổng phụ (diện tích: $19,2m^2$).

- Diện tích xây dựng tầng 1: $48,0m^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $48,0m^2$.
- Chiều cao công trình: 3,3m (từ cốt nền tới đỉnh mái bằng BTCT).
- Số tầng: 01 tầng.

6. 02 Nhà để xe đạp xe máy: Nhà để xe đạp xe máy số 1 (diện tích: $1.176m^2$); Nhà để xe đạp xe máy số 2 (diện tích: $78,1m^2$).

- Diện tích xây dựng tầng 1: $1.254,1m^2$.
- Tổng diện tích sàn xây dựng: $1.254,1m^2$.
- Chiều cao công trình (từ cốt nền tới đỉnh mái tôn): 2,8m (Nhà để xe đạp xe máy số 1); 3,7m (Nhà để xe đạp xe máy số 2).
- Số tầng: 01 tầng.

7. Các hạng mục hạ tầng kỹ thuật như: Sân đường, 02 nhà cầu (diện tích chiếm đất: $67,0m^2/1$ nhà; được nối giữa nhà máy, văn phòng với nhà phụ trợ A), cổng và tường rào...

- Màu sắc công trình: Màu sắc của các hạng mục công trình phải hài hòa với cảnh quan kiến trúc của khu công nghiệp.

III. Giấy phép này có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 01 (một) năm kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải xin gia hạn giấy phép.

IV. Điều kiện khác Chủ đầu tư cần thực hiện:

- Phải có hồ sơ thiết kế kỹ thuật thi công đã được 01 đơn vị tư vấn có tư cách pháp nhân thẩm tra chất lượng hồ sơ thiết kế nhằm đảm bảo ổn định, an toàn cho công trình và các công trình liên kế thì mới được thi công xây dựng công trình.

- Phải chịu trách nhiệm quản lý toàn diện chất lượng công trình xây dựng và hiệu quả dự án đầu tư xây dựng của mình được qui định tại các chương III, IV, V của Nghị định 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng. Báo cáo định kỳ 6 tháng, 1 năm về tình hình tiến độ, chất lượng các công trình xây dựng gửi về Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội để theo dõi và quản lý.

- Chịu sự quản lý và kiểm tra trực tiếp của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội; UBND các xã Phú Nghĩa và (hoặc) Tiên Phương, Ngọc Hòa; UBND huyện Chương Mỹ.



- Phải thực hiện các yêu cầu về trật tự an toàn, vệ sinh môi trường và thực hiện các biện pháp làm giảm bụi trong quá trình xây dựng theo đúng các qui định hiện hành. Liên hệ với các cơ quan chức năng ký hợp đồng thu dọn, vận chuyển đất thải, phế thải xây dựng đến nơi qui định, đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Nộp lệ phí cấp phép xây dựng công trình theo qui định trước khi nhận Giấy phép xây dựng./.

Nơi nhận:

- Như trên
- Công ty CP tập đoàn Phú Mỹ
- Lưu VP, QHXD

KT.TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Xuân Lĩnh



CHỦ ĐẦU TƯ PHẢI THỰC HIỆN CÁC NỘI DUNG SAU ĐÂY:

1. Phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật nếu xâm phạm các quyền hợp pháp của các chủ sở hữu liên kế.
 2. Phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, về đầu tư xây dựng và Giấy phép xây dựng này.
 3. Phải thông báo cho cơ quan cấp Giấy phép xây dựng đến kiểm tra khi định vị công trình, xây móng và các công trình ngầm (như hầm vệ sinh tự hoại, xử lý nước thải).
 4. Xuất trình Giấy phép xây dựng cho UBND các xã Phú Nghĩa và (hoặc) Tiên Phương, Ngọc Hòa; UBND huyện Chương Mỹ; Công ty CP tập đoàn Phú Mỹ trước khi khởi công xây dựng và treo biển báo tại địa điểm xây dựng theo quy định.
 5. Khi cần thay đổi thiết kế thì phải báo cáo và chờ quyết định của cơ quan cấp Giấy phép xây dựng.
-

GIA HẠN, ĐIỀU CHỈNH GIẤY PHÉP

1. Nội dung gia hạn, điều chỉnh:

.....
.....
.....

2. Thời gian có hiệu lực của giấy phép:

.....
.....
.....

Hà Nội, ngày tháng năm

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP VÀ
CHẾ XUẤT HÀ NỘI**





GIẤY PHÉP XÂY DỰNG
Số: 1260 /GPXD



I. Cấp cho: Công ty TNHH Doojung Việt Nam

- Địa chỉ: Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

II. Được phép xây dựng công trình: “Xây dựng mở rộng nhà máy Doojung - giai đoạn 2”, với các nội dung sau:

1. Tổng số công trình: 01 công trình, cụ thể:

1.1. Nhà xưởng sản xuất.

+ Diện tích xây dựng: 1.530 m².

+ Tổng diện tích sàn xây dựng: 1.530 m².

+ Chiều cao công trình: 8,40 m (từ cốt sàn đến đỉnh cao nhất của mái).

+ Số tầng: 01 tầng.

2. Theo thiết kế có ký hiệu: Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công.

3. Do Công ty TNHH LAUD JVC lập tháng 4/2017.

4. Đơn vị thẩm tra: Công ty Cổ phần TAURUS Quốc tế lập tháng 4/2017.

5. Vị trí xây dựng: Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

6. Cốt nền xây dựng công trình: Theo cao độ của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

7. Chỉ giới xây dựng: Xây dựng trong khuôn viên lô đất thuộc khu công nghiệp của Công ty hiện đang quản lý và sử dụng. Theo chỉ giới xây dựng tại bản vẽ Mặt bằng tổng thể (ký hiệu KT.01) của hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công đã được Chủ đầu tư phê duyệt.

8. Mật độ xây dựng (hiện tại của dự án) : 33,02 %.

9. Hệ số sử dụng đất (hiện tại của dự án) : 0,33 lần.

10. Màu sắc công trình: Phải hài hòa và phù hợp với cảnh quan kiến trúc chung của khu công nghiệp.

III. Giấy tờ quyền sử dụng đất: Hợp đồng thuê đất số 292/HĐTD ngày 18/11/2008 giữa Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội và Công ty TNHH Doojung Việt Nam.

IV. Ghi nhận các công trình đã khởi công: Nhà xưởng và các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của lô đất đã xây dựng ở giai đoạn trước.

V. Giấy phép có hiệu lực khởi công xây dựng trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày cấp; quá thời hạn trên thì phải đề nghị gia hạn Giấy phép xây dựng.

Hà Nội, ngày 14 tháng 8 năm 2017

Nơi nhận: 

• Như trên;

- Đội Thanh tra xây dựng huyện Chương Mỹ;
- Công ty cổ phần tập đoàn Phú Mỹ;
- Lưu VT, QLQH XD.

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Lê Quang Long

ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN CHUƠNG MỸ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc



Chức Sơn, ngày 25 tháng 6 năm 2008

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

**GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
BẢN CAM KẾT BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

*Của dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất các loại Cọ trang điểm, Phấn trang điểm
và các phụ kiện trang điểm khác.*

**ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHUƠNG MỸ
XÁC NHẬN**

Điều 1. Ngày 24/6/2008 chủ dự án là: Công ty TNHH Doojung Việt Nam đã có văn bản số 03/OJ ngày 20/6/2008 đăng ký bản cam kết Bảo vệ môi trường của dự án: Xây dựng nhà máy sản xuất các loại Cọ trang điểm, Phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện đúng và đầy đủ những nội dung về Bảo vệ môi trường nêu trong bản cam kết Bảo vệ môi trường.

Điều 3. Bản cam kết Bảo vệ môi trường của dự án là cơ sở để các cơ quan quản lý nhà nước về Bảo vệ môi trường giám sát, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Giấy xác nhận này có giá trị kể từ ngày ký./.

Nơi nhận

- Công ty TNHH Doojung Việt Nam
- BQL khu CN Phú Nghĩa
- Phòng TN&MT
- Phòng Công Thương
- Lưu

CHỦ TỊCH



[Handwritten signature]

Phân 96.8000



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương Mỹ, ngày 20 tháng 5 năm 2015

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY XÁC NHẬN ĐĂNG KÝ
ĐỀ ÁN BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐƠN GIẢN
của “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn trang điểm và các
phụ kiện trang điểm khác” địa điểm tại Lô CN-B6, khu công nghiệp
Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 01/2012/TT-BTNMT ngày 16 tháng 3 năm 2012 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về lập, thẩm định, phê duyệt và kiểm tra, xác nhận việc thực hiện đề án bảo vệ môi trường chi tiết; lập và đăng ký đề án bảo vệ môi trường đơn giản;

Xét nội dung đề án bảo vệ môi trường đơn giản của “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác”, kèm theo văn bản ngày 24/4/2015 của Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam đề nghị xác nhận đề án bảo vệ môi trường đơn giản.

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ XÁC NHẬN:

Điều 1. Bản đề án bảo vệ môi trường đơn giản (sau đây gọi là Đề án) của “Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác” địa điểm tại Lô CN - B6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ do chủ nhà máy là Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam phối hợp với đơn vị tư vấn là Công ty TNHH thương mại và xây dựng Hải Tín lập đã được đăng ký tại UBND huyện Chương Mỹ.

Điều 2. Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam có trách nhiệm:

1. Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung về bảo vệ môi trường đề ra trong đề án; đảm bảo khí thải, nước thải và các vấn đề môi trường khác được quản lý, xử lý đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuyệt đối không sử dụng các loại máy móc, thiết bị, nguyên liệu, nhiên liệu, hóa chất và các vật liệu khác đã bị cấm sử dụng tại Việt Nam theo quy định của pháp luật hiện hành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC

V/v xử lý nước thải của doanh nghiệp trong KCN Phú Nghĩa

Số: 50 /2012/HĐNT-PMG

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số: 36/2005/QH 11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật môi trường số: 52/2005/Q11, ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định 88/2007/NĐ - CP, ngày 28 tháng 5 năm 2007 về thoát nước Khu đô thị và Khu công nghiệp;
- Căn cứ vào các qui định của Nhà nước về quản lý môi trường trong lĩnh vực nước thải và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.

Bản hợp đồng này được ký vào ngày 29 tháng 5. năm 2012 giữa hai Bên sau đây:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ

Địa chỉ : Km 25, QL 6, Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
Điện thoại : 04 63 264 568 Fax: 04 33 718 418
Email : phumy@phumygroup.com.vn
Web : www.phumygroup.com.vn
Mã số thuế : 0101142561
Số tài khoản : 102010000609102 tại Ngân hàng Công thương Hà Tây
Đại diện bởi : Ông Lê Minh Nghĩa Chức vụ: **Phó Tổng Giám đốc**

BÊN B: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
Điện thoại : 04 35625553 Fax: 04 35625554
Mã số thuế : 0500582194
Số tài khoản : 002106888001 tại Ngân hàng HSBC Bank (Việt Nam)
Đại diện bởi : Ông Cho Kyeong Bum Chức vụ: **Giám đốc điều hành**



ĐIỀU 1: Mục đích của hợp đồng

Hợp đồng này đưa ra các nguyên tắc để ký kết hợp đồng chính thức về việc Bên A xử lý nước thải cho Bên B tại Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Bên A tại Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành Phố Hà Nội.

Điều 2: Đơn giá, khối lượng, giá trị, phương thức thanh toán

- **Đơn giá** (chưa bao gồm thuế VAT): Hai Bên sẽ thỏa thuận khi ký kết hợp đồng chính thức, nhưng không thấp hơn 2 (hai) lần đơn giá nước sạch. (Đơn giá nước sạch chưa bao gồm thuế GTGT)
- Phí xử lý nước thải được điều chỉnh khi chất lượng nước thải của Bên B và các chính sách về vấn đề nước thải thay đổi;
- **Khối lượng** tính nước thải bằng 80% lượng nước sạch của Bên B sử dụng trong cùng thời kỳ (Có biên bản xác nhận kèm theo);
- Thời gian chốt chỉ số nước sạch và tính toán khối lượng nước thải tiến hành vào cùng thời điểm trong tháng, dự kiến là ngày 20 - 25 hàng tháng.
- Thời gian thanh toán từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng;
- Thời điểm tính phí xử lý nước thải kể từ ngày Hợp đồng nguyên tắc này được ký kết. Tuy nhiên tiền thanh toán của Bên B cho Bên A sẽ được hai bên tổng hợp sau khi có đơn giá chính thức được hai bên thống nhất trong Hợp đồng chính thức.
- **Hình thức thanh toán:** chuyển khoản vào tài khoản của Bên A.

Điều 3: Ký kết hợp đồng chính thức

Hợp đồng chính thức sẽ được hai Bên ký kết khi Bên A đưa ra đơn giá chính thức.

Điều 4: Trách nhiệm của hai Bên

4.1 Trách nhiệm của Bên A

- Đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải của Bên B với chất lượng xả thải theo tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia.
- Khi chất lượng nước thải của Bên B thay đổi làm ảnh hưởng đến Nhà máy xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp thì Bên A có quyền yêu cầu Bên B đàm phán để thay đổi phí xử lý nước thải;
- Hàng tháng cử người kết hợp với Bên B thực hiện kiểm tra, xác định khối lượng nước sạch để làm cơ sở tính toán lượng nước thải theo Điều 3 của Hợp đồng;
- Thông báo lượng nước thải và số tiền phải thanh toán cho Bên B, xuất hóa đơn thu tiền xử lý nước thải khi Bên B đã thanh toán;
- Có quyền ngừng thu gom nước thải, hủy bỏ Hợp đồng khi Bên B không thực hiện đúng theo các điều khoản đã ký trong Hợp đồng. Việc thu gom xử lý nước thải chỉ được tiếp tục và ký tiếp Hợp đồng khi mọi vướng mắc đã được giải quyết theo các văn bản hiện hành.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

- Chịu trách nhiệm đầu nối theo Biên bản về việc thỏa thuận đầu nối hạ tầng với Bên A.

- Hệ thống nước thải của Bên B phải có song chắn rác trước khi xả ra hệ thống thu gom nước thải chung của Khu công nghiệp;

- Bên B cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng nước theo tiêu chuẩn trước khi xả vào hệ thống chung của Bên A. Trường hợp tính chất nước thải của Bên B gây ảnh hưởng xấu đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A mà gây thiệt hại cho Nhà máy xử lý nước thải tập trung của Bên A thì Bên B phải bồi thường cho Bên A chi phí phát sinh cho thiệt hại đó;

- Khi chất lượng nước thay đổi thì Bên B phải thông báo ngay cho Bên A và được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A trước khi xả thải vào hệ thống thu gom chung của Khu công nghiệp;

- Không được lấy nước cấp cho việc sản xuất và sinh hoạt từ bất cứ nguồn nước nào ngoài hệ thống cấp nước chung của Khu công nghiệp (Trường hợp Bên B lấy lượng nước từ các nguồn khác để phục vụ cho sản xuất và sinh hoạt thì phải thông báo cho Bên A và được Bên A đồng ý). Bên A có quyền tính thêm lượng nước thải dựa trên 80% lượng nước từ các nguồn khác Bên B sử dụng cho sản xuất và sinh hoạt;

- Không được tự ý cải tạo Hệ thống thu gom nước thải từ hố ga đầu nối đến Nhà máy xử lý nước thải chung của Khu công nghiệp.

- Cử người kết hợp với Bên A chốt nước lượng nước sạch để làm cơ sở tính toán lượng nước thải của Bên B;

- Thanh toán đúng thời hạn theo số liệu xác nhận của hai Bên, nếu quá thời gian thanh toán 05 ngày thì Bên B phải chịu lãi suất quá hạn 0,05%/ ngày, nhưng thời hạn không quá 30 ngày.

Điều 5: Điều khoản chung

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày 29/05/2012 đến hết ngày 29/11/2012

- Hai Bên cam kết nội dung của Hợp đồng chính thức sẽ kế thừa các điều khoản và nội dung của Hợp đồng này.

- Hai Bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh những điều đã ký kết, trong quá trình thực hiện nếu xảy ra tranh chấp thì hai Bên cùng bàn bạc, giải quyết bằng thương lượng. Trường hợp không thương lượng được thì mỗi Bên đều có quyền đưa vụ việc ra Tòa án có thẩm quyền giải quyết. Quyết định cuối cùng của Tòa án là căn cứ để các Bên thực hiện;

- Hợp đồng này gồm 04 trang được lập làm 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 2 (hai) bản. Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Nghĩa

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHO KYEONG BUS



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

PHỤ LỤC SỐ 1

HỢP ĐỒNG NGUYÊN TẮC SỐ 50/2012/HĐNT

- Căn cứ Bộ luật dân sự số: 33/2005/QH11 ngày 14/06/2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật Thương mại số: 36/2005/QH 11, ngày 14 tháng 06 năm 2005 của Quốc hội nước cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ vào Luật Môi trường số: 52/2005/Q11, ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Căn cứ vào Nghị định số: 88/2007/NĐ - CP, ngày 28 tháng 5 năm 2007 về xử lý nước thải Khu đô thị và Khu công nghiệp;
- Căn cứ vào các qui định hiện hành của Nhà nước về quản lý môi trường trong lĩnh vực nước thải và quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Căn cứ vào Hợp đồng nguyên tắc số: 50/2012/HĐNT – PMG, ngày 29 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ với Công ty TNHH Doojung Việt Nam về việc xử lý nước thải.

Hôm nay ngày 28 tháng 11 năm 2012, tại Văn phòng Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ, địa chỉ: Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội, chúng tôi gồm có:

BÊN A: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ

Địa chỉ : Km 25, QL 6, Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
Điện thoại : 04 63 264 568 Fax: 04 33 718 418
Email : phumy@phumygroup.com.vn
Web : www.phumygroup.com.vn
Mã số thuế : 0101142561
Số tài khoản : 102010000609102 tại Ngân hàng Công thương Hà Tây
Đại diện bởi : Ông Lê Minh Nghĩa Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc

BÊN B: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

Địa chỉ : Lô CN - B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội
Điện thoại : 04 35625553 Fax: 04 35625554
Mã số thuế : 0500582194
Đại diện bởi : Cho Kyeong Bum Chức vụ: Giám đốc điều hành

III. Nội dung bổ sung

Điều 1. Sửa đổi điều 2 của Hợp đồng nguyên tắc số: 50/2012/HĐNT về đơn giá, khối lượng và phương thức thanh toán như sau:

1.1 Giá trị thanh toán xử lý nước thải:

Giá trị thanh toán xử lý nước thải được tính theo công thức sau:

$$F = V \times (f \times K)$$

Trong đó F là giá trị thanh toán xử lý nước thải chưa bao gồm thuế GTGT.

V là khối lượng nước thải tính bằng 80% khối lượng nước Bên B sử dụng (bao gồm: lượng nước sạch được cấp bởi hệ thống chung của Khu công nghiệp và lượng nước Bên B lấy từ các nguồn khác để sử dụng, hàng tháng có Biên bản chốt lượng nước kèm theo.)

(f x K) là đơn giá xử lý nước thải trong đó:

f là phí xử lý nước thải tính bằng 90% giá nước sạch chưa bao gồm thuế GTGT (giá nước sạch chưa bao gồm 5% thuế GTGT hiện nay là 6.391 VNĐ/m³ theo Quyết định số: 120/2009/QĐ-UBND của UBND thành phố Hà Nội có hiệu lực từ ngày 01/01/2010).

K là hệ số điều chỉnh tùy thuộc vào nồng độ COD được quy định theo bảng dưới đây.

Mức	Nồng độ COD (mg/l)	Hệ số K
1	<100	1
2	100	1
3	101 - 200	1,5
4	201 - 300	2
5	301 - 400	2,5
6	401 - 600	3,5
7	> 600	4,5

- Hệ số K áp dụng tại thời điểm ký hợp đồng này là K = 1. Hệ số K sẽ được điều chỉnh khi nồng độ COD của nước thải của Bên B thay đổi.

1.2 Điều chỉnh đơn giá xử lý nước thải (f x K)

Đơn giá xử lý nước thải (f x K) được điều chỉnh trong các trường hợp sau:

- + Thay đổi về cơ chế, chính sách của Nhà nước;
- + Nồng độ COD nước thải của Bên B thay đổi;
- + Đơn giá nước sạch thay đổi theo quyết định của UBND thành phố Hà Nội.

1.3 Phương thức thanh toán

- Thời gian chốt chỉ số nước sạch và tính toán khối lượng nước thải tiến hành vào cùng thời điểm trong tháng, dự kiến là ngày 25+-2 hàng tháng.

- Thời gian thanh toán từ ngày 25 đến ngày 30 hàng tháng;

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản

Điều 2: Trách nhiệm của hai Bên

2.1 Trách nhiệm của Bên A

- Trước khi ngừng cung cấp dịch vụ để sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống xử lý nước thải phải có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do và thời gian tạm ngừng dịch vụ xử lý nước thải.

- Xử lý sự cố, khôi phục việc xử lý nước thải;

- Cờ quyền điều chỉnh giá xử lý nước thải theo điều khoản 2.2 Điều 2 của hợp đồng.

- Khi Bên A thấy chất lượng nước thải có nồng độ COD lớn hơn nồng độ đang áp dụng, Bên A sẽ chủ động lấy mẫu nước thải của Bên B và có sự xác nhận của Bên B đi phân tích để làm cơ sở điều chỉnh giá xử lý nước thải (*Kết quả phân tích phải có giá trị pháp lý theo các văn bản pháp luật hiện hành và kinh phí phân tích do Bên A chịu*).

- Được bồi thường thiệt hại do Bên B gây ra do sự thay đổi vượt bảng giới hạn các chất ô nhiễm làm ảnh hưởng đến hệ thống xử lý nước thải của Bên A (*có bảng giới hạn các chất gây ô nhiễm kèm theo*).

- Bên A có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước ngừng cung cấp nước sạch nếu Bên B vi phạm các điều khoản của Hợp đồng số 50/2012/HĐNT – PMG, ngày 29 tháng 5 năm 2012, giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ với Công ty TNHH Doojung Việt Nam và Phụ lục hợp đồng này.

2.2 Trách nhiệm của Bên B

- Bên B cam kết có biện pháp và chịu trách nhiệm kiểm soát chất lượng nước thải đảm bảo quy định trước khi xả vào hệ thống chung của Bên A thấp hơn hoặc bằng bảng giới hạn các chất ô nhiễm (*có bảng giới hạn nồng độ nước thải kèm theo*). Trường hợp tính chất nước thải của Bên B vượt quá ngưỡng quy định trong bảng giới hạn nồng độ nước thải, gây ảnh hưởng tới hệ thống xử lý nước thải tập trung của Bên A thì Bên B phải thông báo kịp thời cho Bên A và hoàn toàn chịu trách nhiệm bồi thường chi phí phát sinh do thiệt hại đó gây ra.

Điều 3: Các điều khoản khác

- Gia hạn hiệu lực của Hợp đồng số: 50/2012/HĐNT - PMG, ngày 29 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ với Công ty TNHH Doojung Việt Nam từ ngày 29/11/2012 đến khi hai bên thống nhất chấm dứt hợp đồng.

- Các điều khoản không được đề cập đến trong Phụ lục Hợp đồng cung cấp dịch vụ xử lý nước thải này sẽ được thực hiện theo đúng Hợp đồng nguyên tắc số

50/2012/HĐNT-PMG, ngày 29 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ với Công ty TNHH Doojung Việt Nam;

- Các điều khoản chưa nêu trong Phụ lục Hợp đồng này thì áp dụng điều khoản trong Hợp đồng nguyên tắc số: 50/2012/HĐNT – PMG, ngày 29 tháng 5 năm 2012. Nếu có sự trái ngược giữa Hợp đồng nguyên tắc số 50/2012/HĐNT và Phụ lục hợp đồng thì ưu tiên áp dụng Phụ lục hợp đồng này.

- Phụ lục Hợp đồng này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng Nguyên tắc số: 50/2012/HĐNT, ngày 29 tháng 5 năm 2012 giữa Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ với Công ty TNHH Doojung Việt Nam;

- Phụ lục hợp đồng này gồm 03 trang được lập làm 04 bản có giá trị pháp lý như nhau, mỗi Bên giữ 2 (hai) bản. Phụ lục hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

ĐẠI DIỆN BÊN A



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
Lê Minh Nghĩa

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
CHO KYEONG BUM

BẢNG GIỚI HẠN
CÁC CHẤT GÂY Ô NHIỄM TRONG NƯỚC THẢI KHÍ THẢI VÀO HỆ
THỐNG THU GOM CHUNG CỦA KHU CÔNG NGHIỆP

Bảng 1:

STT	Tên gọi hóa chất	Nồng độ giới hạn	Đơn vị
1	Dầu mỡ và sản phẩm dầu mỡ	25	mg/l
2	Các chất tổng hợp có hoạt tính bề mặt		
2.1	Chất dễ oxi hóa anion	20	mg/l
2.2	Chất dễ oxi hóa không ion	50	mg/l
2.3	Chất trung gian anion	20	mg/l
2.4	Chất trung gian không ion	20	mg/l
3	Formaldêhit	25	mg/l
4	Sunfit	1	mg/l
5	Đồng	0.5	mg/l
6	Kali	0.5	mg/l
7	Cadimi	0.1	mg/l
8	Crôm hóa trị 3	2.5	mg/l
9	Kẽm	1	mg/l
10	Thuốc nhuộm lưu hóa	25	mg/l
11	Thuốc nhuộm tổng hợp	25	mg/l
12	Asen	0.1	mg/l
13	Xianua	1.5	mg/l
14	Thủy ngân	0.005	mg/l
15	Chì	0.1	mg/l
16	Coban	1	mg/l

CÔNG TY TNHH
DOOJUNG VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự Do- Hạnh Phúc

Số: ...18.../2010/DJVN/CV
(V/v: Đấu nối hạ tầng)

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2010



SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

ĐƠN XIN CHẤP THUẬN ĐIỂM ĐẦU NỐI HẠ TẦNG

Kính gửi : Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ;
Ban Quản lý khu công nghiệp Phú Nghĩa,
Đồng kính gửi : Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà nội.

1. Họ và Tên : **Vũ Thanh Hải**
 - Chức vụ : Đại diện ủy quyền (Giấy ủy Quyền số 0502/2010/DJVN/UQ)
 - Đại diện cho : Công ty TNHH Doo Jung Việt nam
 - Địa chỉ : Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Huyện Chương Mỹ, Hà Nội
 - Điện thoại : 04.3562 5553 Fax : 04.3562 5554
2. Xin chấp thuận điểm đầu nối hạ tầng qui hoạch để lập dự án đầu tư xây dựng
 - Công trình : NHÀ MÁY DOO JUNG VIỆT NAM
 - Địa điểm tại : Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa , huyện Chương Mỹ, Hà nội
 - Nguồn gốc và hiện trạng: Thuộc Khu công nghiệp Phú Nghĩa , Huyện Chương Mỹ, Hà nội theo qui hoạch được duyệt .

Cụ thể (sơ đồ kèm theo):

Điểm ①	: Điểm đầu thoát nước mưa
Điểm ②	: Điểm đầu cấp điện 35KV
Điểm ③	: Điểm đầu thoát nước thải
Điểm ④	: Điểm đầu cấp nước sạch
3. Ý định đầu tư :
 - Chức năng công trình : Sản xuất các loại cộ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác.
 - Quy mô xây dựng : Tổng diện tích sàn xây dựng là 12.643,96 m²
 - Sản phẩm : Cộ trang điểm, phấn trang điểm , phụ kiện trang điểm khác.
 - Công suất nhà máy :
 - + Cộ trang điểm : 8.000.000 sản phẩm / năm;
 - + Hộp phấn trang điểm : 600.000 sản phẩm / năm;
 - + Các phụ kiện khác : 40.000.000 sản phẩm / năm.
 - Chiều cao dự kiến : không quá 13m cho nhà xưởng

- Nhu cầu sử dụng đất : Tổng cộng 35.852,6m² (giai đoạn1: 24.606m²; giai đoạn2: 11.246,6m²).
- Nhu cầu cấp nước
 - + Nước sạch sinh hoạt : 100m³/ngày
 - + Nước sạch sản xuất : 120m³/ngày
- Nhu cầu nước thải
 - + Nước thải sinh hoạt : 100 m³/ ngày đêm
 - + Nước bẩn : 130 m³ / ngày đêm
- Nhu cầu sử dụng điện : 1.200 KVA

Tôi cam kết thực hiện đủ các quy định của nhà nước Việt nam về hạ tầng qui hoạch xây dựng trong khu công nghiệp.

Nơi nhận:

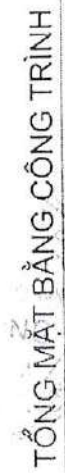
- Như trên
- Lưu văn phòng

THAY MẶT CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM



VŨ THANH HẢI
ĐẠI DIỆN ỦY QUYỀN

10/10
5/1
10/10
00
10/10
C
RÁC
D
CHU


$$= \frac{1}{2} \left(\frac{1}{2} + \frac{1}{2} \right) = \frac{1}{2}$$



CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ
BAN ĐHTA KCN PHÚ NGHĨA

Số : 243. /PMG-PKT

V/v thỏa thuận đấu nối
hạ tầng trong KCN Phú Nghĩa

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



Chương Mỹ, ngày 07 tháng 7 năm 2010

Kính gửi : Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe tới Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam.

Công ty Phú Mỹ nhận được Công văn số 18/2010/DJVN/CV ngày 07 tháng 07 năm 2010 của Công ty Doo Jung Việt Nam về việc đề nghị cho phép đấu nối hệ thống kỹ thuật của lô đất Công ty Doo Jung Việt Nam vào hệ thống hạ tầng kỹ thuật của Khu công nghiệp Phú Nghĩa theo các phương án đấu nối đề xuất kèm theo.

Sau khi xem xét, Công ty Phú Mỹ có ý kiến như sau:

1. Đồng ý chấp thuận các vị trí đấu nối kỹ thuật của lô đất Công ty Doo Jung Việt Nam như sau (*trên cơ sở sơ đồ mặt bằng tổng thể các điểm đấu nối hạ tầng của Công ty Doo Jung Việt Nam*):

- Điểm đấu nối cấp điện tại điểm số 2 nằm ở phía Tây Nam của lô đất.
- Điểm đấu nối cấp nước sạch tại vị trí điểm số 4 ở phía Đông Nam lô đất, đấu nối với đồng hồ cấp nước sạch nằm trên vỉa hè của KCN.
- Điểm đấu nối đường giao thông ở phía Bắc của lô đất đấu nối vào tuyến đường Gom và phía Đông lô đất đấu nối vào Tuyến 7 của KCN.

Hệ thống thoát nước mưa và thoát nước thải phải được thiết kế thành hai hệ thống riêng biệt.

- Điểm đấu nối thoát nước mặt tại điểm số 1 nằm trên vỉa hè Tuyến 2 phía nam của KCN.
- Điểm đấu nối thoát nước thải tại điểm số 3 nằm trên vỉa hè tuyến N4 của KCN.

2. Việc triển khai thiết kế bản vẽ quy hoạch tổng thể cũng như bản vẽ thiết kế thi công phải tuân thủ đầy đủ các thỏa thuận đấu nối ở trên, đồng thời phải đảm bảo tuân thủ đầy đủ các chỉ tiêu về quy hoạch và sử dụng đất đai của Khu



11
công nghiệp Phú Nghĩa theo Quyết định 1627/QĐ-UBND ngày 05/09/20
duyet quy hoạch chi tiết Khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ,
Hà Tây. Cụ thể:

- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới đường đỏ tối thiểu 5m (Hạng mục chính công trình).
- Chỉ giới xây dựng cách chỉ giới phân cách tối thiểu 5m thông thủy. Không được xây dựng công trình trong phạm vi này.
- Mật độ xây dựng không vượt quá 60% diện tích.
- Tầng cao TB(tầng) : 3 tầng
- Hệ số SĐĐ tối đa là 1,5
- Và các chỉ tiêu kiến trúc quy hoạch theo quy định nhà nước khác.

Trong quá trình triển khai Dự án, Công ty Doo Jung Việt Nam có vướng mắc gì đề nghị phối hợp với Công ty Phú Mỹ để cùng tháo gỡ giải quyết.

Trân trọng hợp tác./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TGD Cty Phú Mỹ (B/c);
- Bảo vệ Hoà Bình (P/h);
- Lưu PKT, VT, BDHDA.

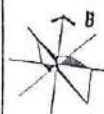
C.TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ



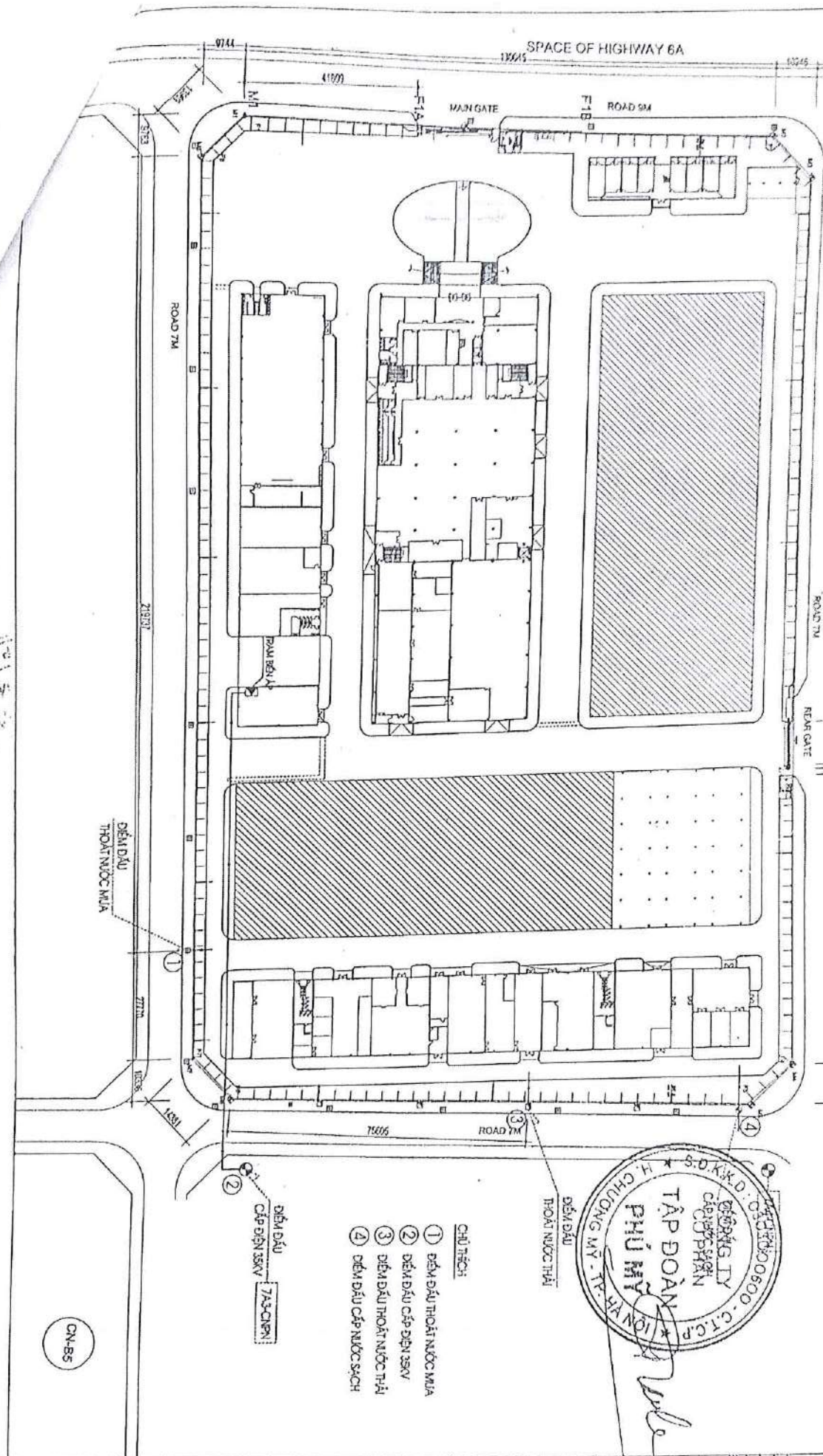
GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
DỰ ÁN KCN PHÚ NGHĨA

Lê Văn Giang

1312-07110
TY
HOUHAN
JNG
AM



TỔNG MẶT BẰNG CÔNG TRÌNH





CÔNG TY CỔ PHẦN
TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ
BAN ĐHĐA KCN PHÚ NGHĨA
Số: 308./2011/PMG-BĐHĐA
V/v: Điều chỉnh đầu nổi hạ tầng kỹ
thuật lô đất của Công ty DooJung
Việt Nam trong KCN Phú Nghĩa

20
7.1
xem lại
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Chương Mỹ, ngày 05 tháng 8 năm 2011

Kính gửi: Công ty TNHH DooJung Việt Nam

Công ty Cổ phần Tập đoàn Phú Mỹ gửi lời chào trân trọng và lời chúc sức khỏe tới Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ nhân viên Công ty TNHH DooJung Việt Nam và Công ty TNHH Xây dựng Seogwoo Việt Nam.

Công ty Phú Mỹ đã nhận được Công văn số: 0711-01/DJ-2011 ngày 29/7/2011 của Công ty DooJung Việt Nam về việc đề nghị điều chỉnh một số điểm đầu nổi hạ tầng kỹ thuật cho phù hợp với thực tế thi công xây dựng.

Sau khi xem xét, Ban Điều hành Dự án Khu công nghiệp Phú Nghĩa có ý kiến như sau:

1. Chấp thuận điều chỉnh các vị trí đầu nổi hạ tầng kỹ thuật lô đất của Công ty DooJung Việt Nam trong Khu công nghiệp Phú Nghĩa như sau: (trên cơ sở sơ đồ mặt bằng tổng thể các điểm đầu nổi hạ tầng của Công ty DooJung Việt Nam):

- Điểm đầu nổi cấp nước sạch tại điểm ký hiệu 2 nằm trên vỉa hè Tuyến N4 phía Nam lô đất.

- Điểm đầu nổi thoát nước mặt tại 04 điểm ký hiệu 1 nằm trên vỉa hè Tuyến 2 và Tuyến 7 phía nam của Khu công nghiệp.

- Điểm đầu nổi thoát nước thải tại điểm ký hiệu 3 nằm trên vỉa hè Tuyến N4.

2. Công ty DooJung Việt Nam phải xây dựng hệ thống thu gom nước mưa và hệ thống thu gom nước thải riêng biệt theo đúng cam kết tại công văn ngày 03/08/2011; xây dựng 01 hố ga thu gom nước thải bên trong lô đất trước khi đầu nổi vào hố ga thoát nước thải của Khu công nghiệp Phú Nghĩa.

3. Sau khi thi công, Quý công ty phải hoàn trả vỉa hè, hố ga đầu nổi đã tháo dỡ theo đúng hiện trạng ban đầu. Trường hợp Quý công ty làm hư hỏng đến các công trình liên quan thì phải chịu trách nhiệm bồi thường và khắc phục lại như ban đầu.

Công ty Phú Mỹ đề nghị Quý Công ty báo cáo, phối hợp với Phòng Kỹ thuật Công ty Phú Mỹ để kiểm tra, giám sát quá trình thi công đầu nổi, nghiệm thu hoàn trả và vệ sinh hố ga, vỉa hè Khu công nghiệp Phú Nghĩa.

Trân trọng hợp tác!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Tổng GD (b/c);
- Đội QL và VH KCN (p/h);
- Lưu BĐHĐA, KT, VT.

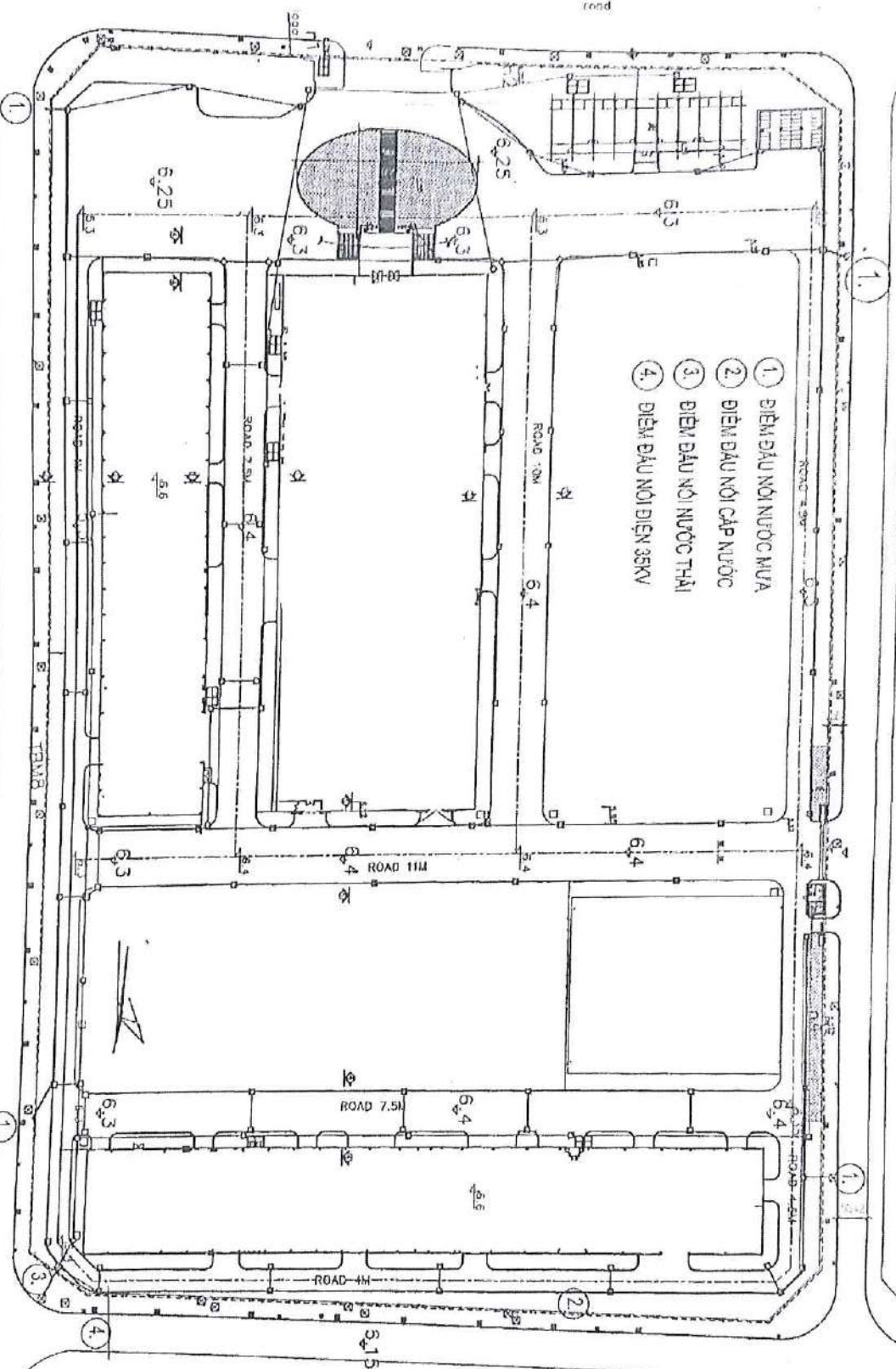
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ



GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH
DỰ ÁN KCN PHÚ NGHĨA

Lê Văn Giang

DRAINAGE & WASTE WATER SYSTEM



CHỈ DẪN - notes

B



CÔNG TY TNHH DDOOLING V

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

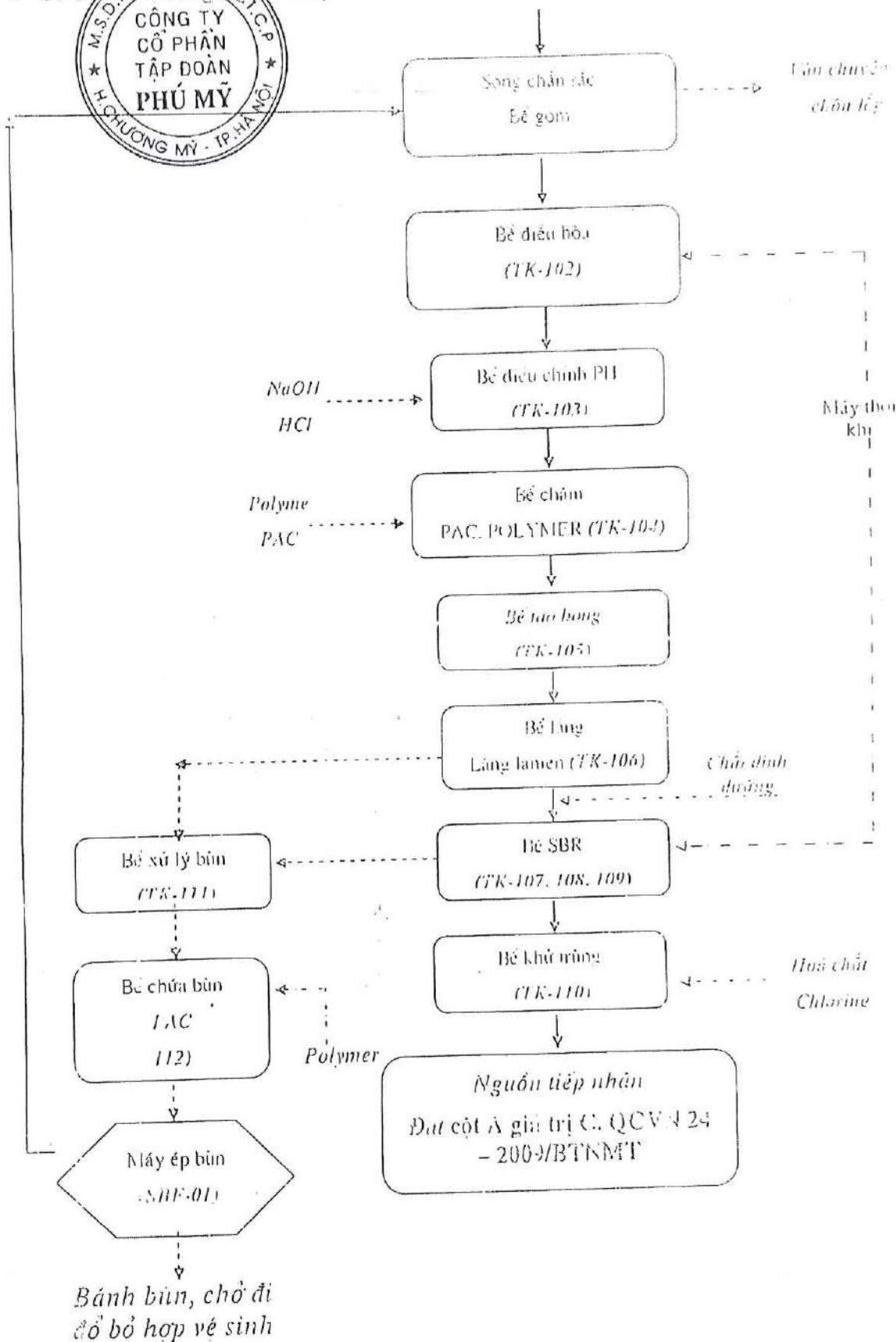
DOOLING VIETNAM CO., LTD

DOOLING VIETNAM CO., LTD

Số đăng ký công nghệ xử lý:



Nước thải Khu công nghiệp



Signature

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 466 /GP-UBND

Hà Nội, ngày 29 tháng 10 năm 2019



NƯỚC THẢI VÀO CÔNG TRÌNH THỦY LỢI

CÔNG TY CP TẬP ĐOÀN PHÚ MỸ

Số: 562

Ngày: 02/11/2019

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Thủy lợi số 08/2017/QH14 ngày 19/6/2017;

Căn cứ Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi;

Căn cứ Quyết định số 2525/QĐ-BNN-TCTL ngày 29/6/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, thủ tục hành chính thay thế về lĩnh vực thủy lợi thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 758/QĐ-UBND ngày 15/02/2019 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính, thủ tục hành chính bị bãi bỏ thuộc lĩnh vực Nông nghiệp và Phát triển nông thôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân cấp huyện, Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn thành phố Hà Nội;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội tại Tờ trình số 386/TTr-SNN ngày 18/10/2019,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Mỹ, địa chỉ: Km 25, Quốc lộ 6, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội được xả nước thải đã qua xử lý của Khu công nghiệp Phú Nghĩa vào công trình thủy lợi với các nội dung chính sau:

1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Kênh tiêu An Sơn, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

2. Vị trí xả nước thải:

Tọa độ vị trí xả nước thải đăng ký tại tờ bản đồ tỷ lệ 1:5.000:

X: 2314163; Y: 569398 (theo hệ tọa độ VN2000).

3. Phương thức xả nước thải: Tự chảy.

4. Chế độ xả nước thải: Liên tục.

5. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 2.000 m³/ngày.đêm.

6. Chất lượng nước thải sau xử lý đảm bảo các thông số và giá trị của các thông số ô nhiễm trong nước thải không vượt quá giá trị tối đa cho phép của Quy chuẩn kỹ thuật về nước thải công nghiệp trên địa bàn Thủ đô Hà Nội QCTĐHN 02:2014/BTNMT, cột B, hệ số $K_f = 1$, $K_q = 0,9$, cụ thể như sau:

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị tối đa cho phép ($C_{max} = C \times K_f \times K_q$)
1	Nhiệt độ	°C	40
2	Màu	Pt/Co	150
3	pH	-	5,5-9
4	BOD ₅ (20°C)	mg/l	45
5	COD	mg/l	135
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	90
7	Asen	mg/l	0,09
8	Thủy ngân	mg/l	0,009
9	Chì	mg/l	0,45
10	Cadimi	mg/l	0,09
11	Crom (VI)	mg/l	0
12	Crom (III)	mg/l	0
13	Đồng	mg/l	1,8
14	Kẽm	mg/l	2,7
15	Niken	mg/l	0,45
16	Mangan	mg/l	0,9
17	Sắt	mg/l	4,5
18	Tổng xianua	mg/l	0,09
19	Tổng phenol	mg/l	0,45
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	9
21	Sunfua	mg/l	0,45
22	Florua	mg/l	9
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	9
24	Tổng nitơ	mg/l	36
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	5,4
26	Clorua	mg/l	900
27	Clo dư	mg/l	1,8
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,09
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật photpho hữu cơ	mg/l	0,9
30	Tổng PCB	mg/l	0,009
31	Coliform	Vi khuẩn/100ml	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1

7. Thời hạn của Giấy phép: 03 (ba) năm.

Điều 2. Các yêu cầu đối với Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Mỹ:

1. Thực hiện các nội dung quy định tại Điều 1 của Giấy phép này; Mọi thay đổi nội dung quy định tại Điều 1 phải được cơ quan cấp phép đồng ý bằng văn bản.

2. Thực hiện các nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân được cấp giấy phép quy định tại Điều 32 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi.

3. Thực hiện quan trắc lưu lượng và chất lượng nước thải:

a) Vị trí quan trắc: Tại vị trí xả nước thải (tọa độ X: 2314163; Y: 569398, theo hệ tọa độ VN2000) trước khi xả vào kênh tiêu An Sơn, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

b) Thông số quan trắc chất lượng nước thải: Theo quy định tại Khoản 6 Điều 1 của Giấy phép này.

c) Tần suất quan trắc:

- Lưu lượng nước thải: Quan trắc hàng ngày.

- Chất lượng nước thải: 03 (ba) tháng/lần.

4. Thực hiện quan trắc chất lượng nước của công trình thủy lợi tiếp nhận:

a) Vị trí quan trắc: Tại 02 vị trí trên kênh tiêu An Sơn, cụ thể:

- Vị trí 1: Trên kênh tiêu An Sơn, cách cửa xả thải về phía thượng lưu 50m;

- Vị trí 2: Trên kênh tiêu An Sơn, cách cửa xả thải về phía hạ lưu 50m;

b) Thông số quan trắc: 36 thông số theo quy định tại QCVN 08-MT:2015/BTNMT, cột B1- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.

c) Tần suất quan trắc: 03 (ba) tháng/lần.

5. Quy định về chế độ báo cáo:

a) Báo cáo định kỳ: Báo cáo theo quý (ba tháng một lần), Báo cáo tổng hợp năm (thay báo cáo quý IV) và gửi về Ủy ban nhân dân Thành phố (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội), Công ty TNHH Một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy (trước ngày 25 tháng thứ 3 của quý). Nội dung báo cáo về tình hình thu gom, xử lý nước thải, xả nước thải và các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý nước thải, các kết quả quan trắc lưu lượng, chất lượng nước thải sau xử lý và chất lượng nước của công trình thủy lợi tiếp nhận theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều này.

b) Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

c) Khi có sự cố bất thường ảnh hưởng xấu đến chất lượng nước trong công trình thủy lợi phải báo cáo kịp thời về Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội, Công ty TNHH Một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy.



6. Hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục phải bảo đảm theo quy định tại Thông tư số 24/2017/TT-BTNMT ngày 01/9/2017 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật quan trắc môi trường. Các thông số quan trắc tự động: lưu lượng nước thải đầu ra, pH, nhiệt độ, độ màu, COD, TSS phải đảm bảo truyền dữ liệu, hình ảnh trực tiếp, liên tục về Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội.

7. Thu gom, vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình thiết kế, thực hiện đúng các cam kết như đã nêu trong Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép; Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào của nước thải sau xử lý không đạt yêu cầu quy định về chất lượng và phải ngừng ngay việc xả nước thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

8. Thực hiện các nghĩa vụ về tài chính theo quy định của pháp luật.

9. Chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của cơ quan cấp phép và cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Chịu sự theo dõi, giám sát quá trình thực hiện Giấy phép xả nước thải của Công ty TNHH Một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy; Nếu có sự cố bất thường liên quan đến việc xả nước thải, phải ngừng ngay việc xả nước thải và báo cáo tới Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội, Công ty TNHH Một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy, chính quyền địa phương để kịp thời xử lý.

Điều 3. Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Mỹ được hưởng các quyền theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 67/2018/NĐ-CP ngày 14/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thủy lợi và các quyền lợi hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Chậm nhất bốn mươi lăm (45) ngày trước khi Giấy phép hết hạn, nếu Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Mỹ còn tiếp tục xả nước thải với các nội dung nêu tại Điều 1 của Giấy phép này thì phải làm thủ tục gia hạn Giấy phép theo quy định.

Điều 5. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố; Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Hà Nội; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội; Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Chương Mỹ; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH Một thành viên đầu tư phát triển thủy lợi Sông Đáy; Công ty Cổ phần tập đoàn Phú Mỹ và các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Giấy phép này./.

Nơi nhận: 

- Như Điều 5;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND TP:
Nguyễn Văn Sửu, Nguyễn Quốc Hùng;
- VPUB: PCVP V.T.Anh, KT, TKBT;
- Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả
TTHC Chi cục Thủy lợi Hà Nội;
- Lưu VT, SNN. 

(35360)-15

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN 

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH 



Nguyễn Văn Sửu



CÔNG AN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

GIẤY CHỨNG NHẬN THẨM DUYỆT VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

- Căn cứ Luật Phòng cháy và chữa cháy ngày 29 tháng 6 năm 2001.
- Căn cứ Nghị định số 35/2003/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật phòng cháy và chữa cháy.
- Căn cứ Thông tư số 04/2004/TT-BCA ngày 31 tháng 3 năm 2004 của Bộ Công an.
- Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt về PCCC số: 89/CV.DJ ngày 08/9/2008 của: Công ty TNHH Doojung Việt Nam.

Người đại diện là ông (bà): Lim Byung Sun - Chức danh: Tổng giám đốc.

PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY CHỨNG NHẬN

Công trình: NHÀ MÁY DOOJUNG

Địa điểm: Khu công nghiệp Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty TNHH Doojung Việt Nam.

Đơn vị thiết kế: - Công ty TNHH kiến trúc và kỹ thuật xây dựng YS Việt Nam.
- Công ty cổ phần kiến trúc và xây dựng ATS.

Đã được thẩm duyệt về PCCC các nội dung sau:

- Bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, khoảng cách PCCC, lối thoát nạn của công trình.
- Hệ thống chống sét.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống chữa cháy bằng nước và bình chữa cháy xách tay.

(Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2)

Các yêu cầu kèm theo:

- Thiết kế mái các kho hàng trong các nhà máy A, B, C bằng vật liệu không cháy, có giới hạn chịu lửa $\geq 2,5$ giờ.
- Thiết kế các cửa SD1, SD2 của các nhà máy A, B, C và cửa của nhà ăn công nhân mở ra ngoài theo chiều thoát nạn.
- Thiết kế 02 lối thoát nạn riêng biệt cho nhà ký túc xá.
- Thiết kế hệ thống chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn cho các công trình.
- Tủ trung tâm báo có đủ số kênh theo phân vùng bảo vệ.
- Bình bột chữa cháy lắp đặt ở công trình là loại bình ABC.
- Bể nước dự trữ dùng cho chữa cháy có khối tích $\geq 197m^3$.

Phòng Cảnh sát PCCC – Công an thành phố Hà Nội sẽ tiến hành kiểm tra thi công và nghiệm thu hệ thống PCCC trước khi chủ đầu tư đưa công trình vào sử dụng.

SỐ CHỨNG THỰC 3682 QUYẾT SỐ 02

09-05-2013

Hà Nội, ngày 12 tháng 9 năm 2008

KT/TRƯỞNG PHÒNG CẢNH SÁT PCCC

PHÓ TRƯỞNG PHÒNG

Nơi nhận:

- Cục C23-BCA
- Chủ đầu tư
- Đơn vị thiết kế
- Lưu PC23 (TM - HD)

ỦY BAN QUẢN LÝ PHÚ NGHĨA



PHÓ CHỦ TỊCH

Thượng tá: Trần Văn Vụ

Trần Văn Vụ

$$\frac{1}{2} \times 10 \times 10 \times 10 = 500$$


Số: 296/INTPCCC - HD-TH
V/v: Nghiệm thu hệ thống PCCC.

Hà nội, ngày 06 tháng 7 năm 2011

KÍNH GỬI: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

Theo công văn số 18/CV-NT ngày 26/6/2011 của Công ty TNHH DOOJUNG Việt Nam về việc nghiệm thu hệ thống phòng cháy chữa cháy (PCCC) cho công trình: **Nhà máy Doojung.**

Sau khi xem xét hồ sơ nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy do chủ đầu tư chuẩn bị và Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP Hà Nội lập ngày 28/6/2011.

Sở Cảnh sát PCCC thành phố Hà Nội đồng ý nghiệm thu về phòng cháy chữa cháy:

Công trình: Nhà máy Doojung.

Chủ đầu tư là: Công ty TNHH Doojung Việt Nam.

Xây dựng tại: Khu Công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội.

Các hệ thống phòng cháy chữa cháy đã nghiệm thu gồm:

- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường.
- Các bình chữa cháy xách tay.

Đồng thời đề nghị đầu tư thực hiện các yêu cầu kèm theo như trong Biên bản kiểm tra nghiệm thu hệ thống PCCC do đại diện Phòng Cảnh sát PCCC - Công an TP Hà Nội lập ngày 28/6/2011.

Nơi nhận:

- Chủ đầu tư công trình.
- Cục CSPCCC & CN, CH - BCA
(để báo cáo)
- Lưu Sở CS PCCC TP Hà Nội (HD)

KT. GIÁM ĐỐC SỞ CẢNH SÁT PC&CC TP HÀ NỘI
PHÓ GIÁM ĐỐC



Đại tá: Tô Xuân Thiều

BIÊN BẢN KIỂM TRA NGHIỆM THU VỀ HỆ THỐNG PHÒNG CHÁY CHỮA CHÁY

Hồi 09 giờ 00 phút, ngày 27 tháng 3 năm 2011.

Tại: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN-B6, Khu công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội.

Chúng tôi gồm:

+ Đại diện PHÒNG CẢNH SÁT PCCC CÔNG AN TP HÀ NỘI:

1. Ông *Lê Hồng Hải* - Trung tá, Đội trưởng đội Tổng hợp
2. Ông *Nguyễn Đức Thắng* - Đại úy, Đội trưởng đội PCCC Hà Đông
3. Ông *Đỗ Văn Quang* - Đại úy, Cán bộ đội Tổng hợp

+ Đại diện chủ đầu tư: CÔNG TY TNHH DOOJUNG VIỆT NAM

1. Ông *Mr Lim Byung Sun* - Tổng giám đốc

+ Đại diện đơn vị thi công: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG SEOGWOO VIỆT NAM

1. Ông *Mr Jang Soon Bong* - Tổng giám đốc

Đã tiến hành kiểm tra: Nghiệm thu hệ thống PCCC đối với công trình:

Nhà máy Doojung tại lô CN B6 Khu công nghiệp Phú Nghĩa - Chương Mỹ - Hà Nội

Tình hình và kết quả kiểm tra như sau:

1. Kiểm tra hồ sơ:

+ Hồ sơ thiết kế đã được Phòng Cảnh sát PCCC Công an TP Hà Nội thẩm duyệt số 333/CNTD-PCCC ngày 15/6/2010.

+ Hồ sơ hoàn công.

+ Chứng nhận xuất xứ, chất lượng hàng hoá.

2. Kiểm tra thực tế công trình:

+ Hệ thống cấp nước chữa cháy gồm 03 máy bơm: 01 máy bơm điện pentax 30kw, 01 máy bơm chữa cháy động cơ xăng V46BS, 01 máy bơm bù 1.5kw; 23

(1) Ghi nội dung kiểm tra vấn đề gì

(2) Ghi phần trình bày của cơ sở. Phần kiểm tra hồ sơ. Phần kiểm tra thực tế. Nội dung kiểm tra của từng vấn đề. Xét đánh giá và kiến nghị kết luận

hạng nước chữa cháy vách tường cùng các lăng vòi kèm theo và 04 trụ nước chữa cháy ngoài nhà; 45 bình chữa cháy MFZ4 (ABC), 92 bình chữa cháy MT3.

- Hệ thống báo cháy: 01 tủ trung tâm báo cháy 30 kênh, 185 đầu báo cháy khói quang học; 25 đầu báo cháy nhiệt có định; 18 bộ chuông, đèn, nút ấn báo cháy;

- Tiến hành thử:

+ Thử xác suất các đầu báo khói, nhiệt có thời gian cảm nhận tín hiệu < 7 giây, đạt yêu cầu tiêu chuẩn.

+ Các nút ấn, chuông báo cháy kiểm tra hoạt động bình thường

+ Vận hành máy bơm chữa cháy phun nước đồng thời 2 hạng chữa cháy xa nhất đảm bảo lưu lượng, áp lực.

+ Các bình chữa cháy mới hoạt động bình thường.

3. Kiến nghị:

- Đơn vị thi công PCCC tổ chức hướng dẫn quá trình sử dụng hệ thống chữa cháy vách tường và bình chữa cháy đã lắp cho đơn vị sử dụng.

- Thiết kế bổ sung hệ thống đèn chiếu sáng sự cố, biển chỉ dẫn lối thoát nạn.

- Cửa đi trên đường thoát nạn thiết kế cánh cửa mở theo chiều thoát nạn.

4. Kết luận:

Đồng ý nghiệm thu hệ thống báo cháy, hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường và bình chữa cháy đã lắp đặt cho công trình để đưa vào sử dụng.

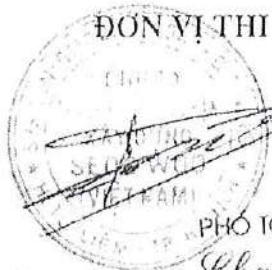
Biên bản lập xong hồi 11 giờ 00 phút, ngày 28 tháng 6 năm 2011, gồm 02 trang được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CƠ SỞ

(Ký tên, đóng dấu)



ĐƠN VỊ THI CÔNG



ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

Đội trưởng Đội Tet

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Chang Leon Jao

Trần Hải



(1) Ghi nội dung kiểm tra vấn đề gì

(2) Ghi phân trình bày của cơ sở. Phần kiểm tra hồ sơ. Phần kiểm tra thực tế. Nội dung kiểm tra của từng vấn đề. Xét đánh giá và kiến nghị kết luận

Số: 559 /TD-PCCC-P3

**GIẤY CHỨNG NHẬN
THẨM DUYỆT THIẾT KẾ VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Căn cứ Điều 7 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy.

Xét hồ sơ và văn bản đề nghị thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy số 01/CV-PCCC ngày 14/6/2017 của Công ty TNHH DOO JUNG Việt Nam.

Người đại diện là ông (bà): LEE MIN HYUNG - Chức vụ: Phó Giám đốc.

**CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY THÀNH PHỐ HÀ NỘI
CHỨNG NHẬN**

Hạng mục công trình: Nhà xưởng C thuộc nhà máy DOO JUNG Việt Nam.
Địa điểm: Lô CN-B6 khu công nghiệp Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.
Chủ đầu tư: Công ty TNHH DOO JUNG Việt Nam.
Đơn vị thiết kế: Công ty TNHH LAUD JVC; Công ty TNHH kỹ thuật và công nghệ BGT Việt Nam.

Đã được thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy và chữa cháy các nội dung sau:

- Giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, bố trí mặt bằng, bậc chịu lửa, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan;
- Hệ thống báo cháy tự động, hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà, hệ thống chữa cháy sprinkler tự động, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy, phương tiện chiếu sáng sự cố và chỉ dẫn thoát nạn;
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

Theo các tài liệu, bản vẽ ghi ở trang 2.

Chỉ được phép đưa hạng mục công trình vào sử dụng sau khi thi công đúng thiết kế thẩm duyệt và được nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Nơi nhận: 2

- C66 - Bộ Công an (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng Cảnh sát PC&CC số 9 (thuộc cơ sở loại I);
- Lưu: P3.

Hà Nội, ngày 11 tháng 7 năm 2017

GIÁM ĐỐC



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

**BIÊN BẢN KIỂM TRA VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY**

Hồi 9 giờ 30 ngày 22 tháng 03 năm 2018.

Tại công trình: Nhà xưởng C thuộc nhà máy DOOJUNG Việt Nam.

Địa chỉ: Lô CN-B6, khu công nghiệp Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.

Chủ Đầu tư: Công ty TNHH DOOJUNG Việt Nam.

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội:

1. Phòng Hướng dẫn, chỉ đạo về Phòng cháy:

- Đ/c Đại úy Vũ Đức Hưng - Phó Trưởng phòng.

- Đ/c Đại úy Đặng Minh Tuấn - Đội trưởng Đội Hướng dẫn, thẩm duyệt về PCCC.

- Đ/c Thiếu úy: Nguyễn Văn Duy - Cán bộ Đội HD, thẩm duyệt về PCCC.

2. Phòng Cảnh sát PC&CC số 9:

- Đ/c Thượng úy Phạm Quang Huy - Cán bộ Đội HD KTATPCCC.

Đã tiến hành kiểm tra nghiệm thu về PCCC đối với công trình: "Nhà xưởng C thuộc nhà máy DOOJUNG Việt Nam" theo đề nghị của Công ty TNHH DOOJUNG Việt Nam tại văn bản số 01/NT/PCCC/XD ngày 17/03/2018.

II. Đại diện Chủ đầu tư - Công ty TNHH DOOJUNG Việt Nam:

- Ông: Lee Min Hyung - Chức vụ: Phó Giám đốc.

- Ông: Nguyễn Văn Thoại - Chức vụ: Cán bộ hành chính.

III. Đại diện đơn vị thi công xây dựng - Công ty TNHH WOJIN

Contruction:

- Ông: Kim Kyung Sik - Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Hà Hữu Huỳnh - Chức vụ: Kỹ sư hiện trường.

IV. Đại diện đơn vị thi công hệ thống PCCC - Công ty TNHH phòng cháy chữa cháy Thiên Long:

- Ông: Hoàng Đức Thượng - Chức vụ: Giám đốc

- Ông: Phạm Văn Khiên - Chức vụ: Cán bộ kỹ thuật.

V. Đại diện đơn vị tư vấn thiết kế PCCC - Công ty TNHH kỹ thuật và công nghệ BGT Việt Nam:



Tại thời điểm kiểm tra nhận thấy hồ sơ do Chủ đầu tư và các nhà thầu thi công chuẩn bị đầy đủ theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 17 Nghị định 79/2014/NĐ-CP. Tại hồ sơ chủ đầu tư và các nhà thầu đã nghiệm thu, xác nhận hệ thống PCCC, các hệ thống kỹ thuật khác có liên quan đến PCCC đã thi công, hoạt động theo chức năng thiết kế.

3. Các nội dung và phương pháp kiểm tra thực tế:

3.1 Nội dung

- Bậc chịu lửa, giao thông phục vụ chữa cháy, bố trí mặt bằng, khoảng cách an toàn PCCC của công trình.

- Lối ra thoát nạn của công trình.
- Giải pháp ngăn cháy, chống cháy lan trong công trình.
- Hệ thống báo cháy tự động.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy trong và ngoài nhà.
- Hệ thống họng nhận nước từ xe chữa cháy, nguồn nước phục vụ chữa cháy.
- Hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động.
- Phòng bơm, các chế độ hoạt động của bơm chính, bơm dự phòng, bơm bù.
- Vị trí, số lượng, chủng loại bình chữa cháy.
- Đèn chiếu sáng sự cố, đèn chỉ dẫn thoát nạn.
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy.

3.2 Phương pháp kiểm tra

* Kiểm tra thực tế bằng trực quan việc thi công, lắp đặt theo hồ sơ thiết kế được thẩm duyệt đối với các bộ phận không bị che khuất. Kiểm tra hồ sơ nghiệm thu, bản vẽ hoàn công của chủ đầu tư đối với các bộ phận bị che khuất, chủ đầu tư, đơn vị thi công chịu trách nhiệm đối với kết quả nghiệm thu.

* Kiểm tra thử nghiệm hoạt động thực tế các phương tiện, thiết bị PCCC:

- Hệ thống báo cháy tự động:
 - + Gia tăng nhiệt đối với các đầu báo cháy nhiệt gia tăng.
 - + Tạo khói và tăng nồng độ khói qua bộ thử của hãng.
 - + Tác động trực tiếp vào nút ấn.
 - + Kiểm tra các trạng thái hoạt động của tủ như nguồn điện AC, nguồn DC, chế độ trễ, tiếp đất, điều khiển thiết bị ngoại vi.
 - + Thử xác xuất tại tầng phòng kho, khu vực sản xuất;
- Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, trữ lượng nước (bể ngầm) dùng cho chữa cháy:
 - + Thử đồng thời 2 họng nước tại điểm xa nhất so với vị trí đặt máy bơm.

+ Hệ thống báo cháy của công trình gồm 01 tủ trung tâm báo cháy thường (10 kênh) lắp đặt tại phòng bảo vệ ngoài cổng công trình, phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định và hồ sơ đã được thẩm duyệt về PCCC. Kiểm tra các khu vực hồ nhận thấy các đầu báo cháy, tổ hợp chuông, đèn, nút ấn lắp đặt phủ kín diện tích bảo vệ. Đối với thiết bị bị che khuất như dây dẫn, cáp tín hiệu đi trên trần giả, hộp kỹ thuật áp tường..., chủ đầu tư báo cáo đã tổ chức nghiệm thu trong quá trình thi công và chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu (có hồ nghiệm thu của chủ đầu tư kèm theo).

+ Kiểm tra, thử nghiệm xác suất các đầu báo cháy và nút ấn tại một số phòng, khu vực nhận thấy hệ thống báo cháy hoạt động bình thường theo chức năng thiết kế. Khi có tín hiệu báo cháy từ các đầu báo hoặc từ nút ấn báo cháy, tín hiệu được gửi về trung tâm báo cháy. Tủ trung tâm báo cháy phát tín hiệu báo cháy (qua chuông, còi). Tín hiệu hệ thống chữa cháy được đưa về tủ trung tâm báo cháy.

- Hệ thống chữa cháy bằng nước:

+ Hệ thống chữa cháy sprinkler tự động: Kiểm tra các khu vực hồ nhận thấy các đầu phun chữa cháy tự động lắp đặt phủ kín diện tích bảo vệ. Đối với thiết bị bị che khuất như đường ống, dây tín hiệu... đi trên trần giả, hộp kỹ thuật..., chủ đầu tư báo cáo đã tổ chức nghiệm thu trong quá trình thi công và chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu (có hồ sơ nghiệm thu của chủ đầu tư kèm theo). Kiểm tra, thử nghiệm xác suất tại khu vực sản xuất nhận hệ thống hoạt động bình thường theo chức năng thiết kế.

+ Hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà: Kiểm tra các khu vực hồ nhận thấy các họng nước lắp đặt phủ kín diện tích bảo vệ. Đối với thiết bị bị che khuất như đường ống đi trên trần giả, hộp kỹ thuật..., chủ đầu tư báo cáo đã tổ chức nghiệm thu trong quá trình thi công và chịu trách nhiệm với kết quả nghiệm thu (có hồ sơ nghiệm thu của chủ đầu tư kèm theo). Kiểm tra thử nghiệm xác suất ở khu vực xa nhất nhận thấy tia nước đặc đầu lăng tại 02 họng được thử đạt kết quả 6m.c.n.

+ Hệ thống cấp nước ngoài nhà: Tại thời điểm kiểm tra thi công 02 trụ chữa cháy ngoài nhà 02 phía đầu hồi đảm bảo theo hồ sơ thiết kế được duyệt.

+ Phòng bơm, các chế độ hoạt động của bơm chính, bơm dự phòng, bơm bù: Công trình bố trí 01 cụm bơm tại phòng bơm bên ngoài công trình bao gồm 02 bơm điện chữa cháy lưu lượng mỗi bơm $Q = 133\text{l/s}$, cột áp $H = 70\text{m.c.n}$ và 01 bơm bù áp $Q = 1\text{l/s}$, cột áp $H = 40\text{m.c.n}$ phù hợp với giấy chứng nhận kiểm định và hồ sơ thiết kế được duyệt. Kiểm tra khả năng hoạt động nhận thấy các bơm hoạt động tự động theo chức năng thiết kế. Khi áp lực trên đường ống giảm, bơm

- Trong quá trình hoạt động, nếu công trình cải tạo hoặc thay đổi quy mô, công năng và tính chất sử dụng so với thiết kế được thẩm duyệt thì Chủ đầu tư phải có văn bản thông báo cơ quan Cảnh sát phòng cháy và chữa cháy để được hướng dẫn thực hiện theo các quy định hiện hành về PCCC.

Biên bản lập xong hồi 10 giờ 00 phút cùng ngày gồm 7 trang, được lập thành 06 bản, mỗi bên liên quan giữ 01 bản, đã được đọc lại cho mọi người nghe, công nhận đúng và nhất trí ký tên dưới đây.

ĐẠI DIỆN CHỦ ĐẦU TƯ

(Ký tên, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
LEE MIN HYUNG

ĐẠI DIỆN ĐOÀN KIỂM TRA

TL. GIÁM ĐỐC CẢNH SÁT PC&CC TP HÀ NỘI
KT. TRƯỞNG PHÒNG HD, CD VỀ PHÒNG CHÁY



Đại úy Vũ Đức Hưng

ĐẠI DIỆN PHÒNG CẢNH SÁT PC&CC SỐ 9

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG XÂY LẬP

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
KIM KYUNG SIK

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ THI CÔNG
HỆ THỐNG PCCC

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC
Vũ Tuấn Long

(Signature)

Phạm Quang Hùng

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TƯ VẤN THIẾT KẾ

(Ký tên, đóng dấu)



GIÁM ĐỐC

Mai Văn Nari

HANOI PUBLIC SECURITY

VIETNAM REPUBLIC OF SOCIALIST

**FIRE PREVENTION AND FIGHTING
POLICE DEPARTMENT**

Independence – Freedom – Happiness

No. 51/CNTD-PCCC

CERTIFICATE

EXAMINATION OF FIRE PREVENTION AND FIGHTING SYSTEM

- Pursuant to Law on Fire prevention and Fighting dated June 29, 2001
- Pursuant to Regulation No. 35/2003/ND-CP dated April 04, 2003 of Government regulating in detail the implementation of articles of Law on Fire prevention and fighting.
- Pursuant to Circulation No. 04/2004/TT-BCA dated March 31, 2004 of Ministry of Public Security
- Examination and Documents of fire prevention and fighting of Doojung Vietnam Co., Ltd No. 89/CV.DJ dated September 08, 2008.
- Representative: Lim Buyng Sun Title: General Director

FIRE PREVENTION AND FIGHTING POLICE DEPARTMENT CONFIRMS:

Name of Project: DOOJUNG ENTERPRISE

Address: Phu Nghia Industrial Park, Chuong My, Hanoi

Investor: Doojung Vietnam Co., Ltd

Designer: + YS Vietnam Construction technique and architecture Co., Ltd

+ ATS Architecture and Construction Corporation

Examined Fire prevention and fighting system with the following contents:

- Surface arrangement, Safe Degree in fire, fire prevention and fighting distance, exits in emergency.
- Lightning protection system
- Automatic fire alarm system

(According to documents and draws in page 2)

Requires:

- Use inflammable materials with fire resistant duration $\geq 2.5h$ for the roof of store in Factories A, B, C.
- Design SD1, SD2 doors of factories A, B, C and canteen's doors so that they are opened outside according to exit way.
- Design two different exit ways for the dormitory.
- Design the lighting system in emergency case and exit instruction for the factories
- Central Panel with enough channels according protection allocation.
- Type of Power extinguisher is ABC.
- Volume of cistern is $\geq 197m^3$

Hanoi fire prevention and fighting Department – Hanoi Public Security Department will check and take over the preventing and fighting system before the enterprise will be used.

To:

Hanoi Dec 12, 2008

- Bureau C23-BCA
- Investor
- Designer
- Recorded in PC 23

PP Director of Fire prevention and fighting Department

Deputy Manager

Tran Van Vu

(signed and sealed)

2

LIST OF DOCUMENTS AND DRAWINGS

APPROVED OF FIRE PREVENTION AND PREVENTING

TT	NAME OF DOCUMENT, DRAWING	CODE	NOTE
1	File of architectural design:	Drawings	By YS VIETNAM Architects and Building Engineering Company Limited and AST Architects and Building Joint Stock Company set up on August, 2008
	- General layout	A00-004, A00-005	
	- A, B, C Factory	A01-001 ÷ A01-004; A02-001 ÷ A02-004; A03-001 ÷ A03-004	
	- Office block	A04-001 ÷ A04-004	
	- Dormitory	A05-001 ÷ A05-006	
	- Canteen	A06-001 ÷ A06-004	
	- Paint booth and drying room No.1, No.2	A09-001 ÷ A09-004	
	- Handmade room	A10-001 ÷ A10-004	
	- Dyeing room	A11-001	
2	Electric system	DTT-01 ÷ DTT-04	
3	Lightning protection system	CS-01 ÷ CS - 10	
4	File of design's fire fighting system:	Drawings	
	- General layout	PCCC-02	
	- Fire-fighting system	PCCC-04 ÷ PCCC-15	
	- Fire – fighting system by water (automatic Sprinkler, unburned of wall plate in house, unburned out house), portable fire-extinguishes	PCCC -16 ÷ PCCC - 33	
	- Description of engineering design		

2

This is hereby to certify Mr. Pham Duy Khuong, ID No.131411777 issued on 14-08-2006 by Phu Tho Police, gave his signature in my presence at Dong Da District Division of Justice, Hanoi city.
Authentication No. 115 Book No. 12 SCT/CK

I, the undersigned Pham Duy Khuong, ID No.131411777 issued on 14-08-2006 in Phu Tho do hereby declare that I have made accurate English translation of attached Vietnamese document
Date: 09/12/2009

PHAM DUY KHUONG

Chứng thực ông Phạm Duy Khương, CMTND số 131411777, cấp ngày 14/08/2006 tại C.A. Tỉnh Phú Thọ đã ký trước mặt tôi.
Số chứng thực 115 Quyền số 12 SCT/CK
Tại: Phòng tư pháp Q.Đống Đa, Hà Nội

Ngày 09 tháng 12 năm 2009



PHÓ TRƯỞNG PHÒNG TƯ PHÁP
Nguyễn Thị Nhàn

Tôi, Phạm Duy Khương, CMTND số 131411777, cấp ngày 14/08/2006 tại C.A. Tỉnh Phú Thọ. Cam đoan đã dịch chính xác văn bản này từ tiếng Việt sang tiếng Anh.

Người dịch

Phạm Duy Khương



Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2012

**SỞ DĂNG KÝ
CHỦ NGUỒN THẢI CHẤT THẢI NGUY HẠI**

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

(Cấp lần 1)

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

I. Thông tin về chủ nguồn thải:

Tên chủ nguồn thải: Công ty TNHH Doojung Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Điện thoại: 0463267556 Fax: 0463267565

Tài khoản số: 002106888001

Tại: Ngân hàng HSBC Bank (Việt Nam)

Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số: 012043000312, cấp ngày 20/3/2008, thay đổi lần 2 ngày 14/5/2010

Nơi cấp: Ban Quản lý các khu công nghiệp và Chế xuất Hà Nội.

II. Nội dung đăng ký:

Chủ nguồn thải CTNH đăng ký cơ sở phát sinh CTNH kèm theo danh sách CTNH và chất thải thông thường (phụ lục kèm theo gồm 01 trang).

III. Trách nhiệm của chủ nguồn thải:

1. Tuân thủ các quy định về quản lý CTNH tại Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản quy phạm pháp luật về môi trường liên quan.

2. Thực hiện đúng trách nhiệm quy định tại Điều 25 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

3. Thực hiện các trách nhiệm cụ thể sau:

Đăng ký cấp lại Sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại khi có thay đổi theo quy định tại Khoản 4 Điều 16 Thông tư số 12/2011/TT-BTNMT ngày 14/4/2011 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

IV. Điều khoản thi hành:

Sổ đăng ký này có giá trị sử dụng cho đến khi cấp lại hoặc chấm dứt hoạt động.

Nơi nhận:

- Như phần I;
- Lưu: CCMT.

mm

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



Phạm Văn Khánh

PHỤ LỤC

(kèm theo Sổ đăng ký chủ nguồn thải có mã số QLCTNH: 01.001114.T
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp lần 1 ngày tháng năm 2012)

1. Cơ sở phát sinh CTNH:

Tên: Nhà máy sản xuất các loại cọ trang điểm, phấn trang điểm và các phụ kiện trang điểm khác - Công ty TNHH Doojung Việt Nam

Địa chỉ trụ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, Hà Nội

Điện thoại: 0463267556 Fax: 0463267565

2. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng trung bình (kg/năm)	Mã CTNH
1	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải công nghiệp	Bùn	24.000	12 06 06
2	Găng tay, giẻ lau nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	480	18 02 01
3	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	08	16 01 06
4	Hộp mực in thải	Rắn	04	08 0 2 04
5	Bao bì cứng thải bằng nhựa	Rắn	700	18 01 03
6	Bao bì mềm thải	Rắn	120	18 01 01
	Tổng cộng		25.312	

3. Danh sách chất thải thông thường đã đăng ký thường xuyên:

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại (rắn/lỏng/bùn)	Số lượng (kg/năm)
1	Rác thải sinh hoạt	Rắn	2.400
2	Rác thải thông thường (bìa catton, nilon, gỗ)	Rắn	21.600
	Tổng cộng		24.000

4. Danh sách chất thải nguy hại đã đăng ký tự xử lý CTNH tại cơ sở: Không có**5. Hồ sơ kèm theo Sổ đăng ký:**

Bộ Hồ sơ đăng ký được Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội đóng dấu xác nhận trên trang bìa và dấu giáp lai là bộ phận không tách rời kèm theo Sổ đăng ký này.



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

TRÁCH NHIỆM KINH DOANH
DOO JUNG
VIỆT NAMHÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 98692

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 2 năm 2024 từ ngày 01/02/2024 đến ngày 07/02/2024	kWh	40,400	-	78.028.300
	(kèm theo bảng kê số 1335142121 ngày 07 tháng 02 năm 2024)				
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					78.028.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 78.028.300
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bảy mươi tám triệu không trăm hai mươi tám nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 07/02/2024 10:12:39



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 02 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IK24TAV

Số (No): 98751

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 2 năm 2024 từ ngày 08/02/2024 đến ngày 17/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1335148472 ngày 18 tháng 02 năm 2024)	kWh	21.500	-	41.490.200
Cộng tiền hàng (Total amount):					41.490.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 41.490.200
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Bốn mươi một triệu bốn trăm chín mươi nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 18/02/2024 18:13:37





CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 98904

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 2 năm 2024 từ ngày 18/02/2024 đến ngày 29/02/2024 (kèm theo bảng kê số 1335957152 ngày 02 tháng 03 năm 2024)	kWh	74.500	-	144.092.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					144.092.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 144.092.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm bốn mươi bốn triệu không trăm chín mươi hai nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ
Ngày ký: 02/03/2024 08:18:18



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)Bán thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 198210

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 3 năm 2024 từ ngày 01/03/2024 đến ngày 07/03/2024	kWh	46.600	-	91.132.500
	(kèm theo bảng kê số 1338465274 ngày 07 tháng 03 năm 2024)				
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					91.132.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 91.132.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi một triệu một trăm ba mươi hai nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 07/03/2024 16:32:18

**CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ**

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

**HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)**Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 18 tháng (month) 03 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 198310

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 3 năm 2024 từ ngày 08/03/2024 đến ngày 17/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1338-4790-42 ngày 18 tháng 03 năm 2024)	kWh	71.000	-	139.464.100
Tổng tiền hàng (Total amount):					139.464.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 139.464.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 18/03/2024 15:06:46



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 01 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 198821

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 3 năm 2024 từ ngày 18/03/2024 đến ngày 31/03/2024 (kèm theo bảng kê số 1340760626 ngày 01 tháng 04 năm 2024)	kWh	92.400	-	181.825.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					181.825.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 181.825.000

Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm tám mươi mốt triệu tám trăm hai mươi lăm nghìn đồng.

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 01/04/2024 23:04:26



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 297161

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Đoo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 4 năm 2024 từ ngày 01/04/2024 đến ngày 07/04/2024	kWh	48.100	-	94.322.600
	(kèm theo bảng kê số 1341678459 ngày 08 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					94.322.600
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 94.322.600
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi bốn triệu ba trăm hai mươi hai nghìn sáu trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ
Ngày ký: 08/04/2024 11:37:54



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 04 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 297257

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PDI8007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 4 năm 2024 từ ngày 08/04/2024 đến ngày 17/04/2024	kWh	63.300	-	124.115.800
	(kèm theo bảng kê số 1341686450 ngày 17 tháng 04 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					124.115.800
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 124.115.800
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi bốn triệu một trăm mười lăm nghìn tám trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ
Ngày ký: 17/04/2024 15:43:44



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): HK24TAV

Số (No): 297751

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=Ix2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 4 năm 2024 từ ngày 18/04/2024 đến ngày 30/04/2024 (kèm theo bảng kê số 1342750172 ngày 02 tháng 05 năm 2024)	kWh	86.300	-	168.435.100
Cộng tiền hàng (Total amount):					168.435.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 168.435.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm sáu mươi tám triệu bốn trăm ba mươi lăm nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 02/05/2024 14:57:44



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



DOO JUNG
VIỆT NAM

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): IK24TAV

Số (No): 396554

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 5 năm 2024 từ ngày 01/05/2024 đến ngày 07/05/2024	kWh	33.600	-	65.522.200
	(kèm theo bảng kê số 13-45220-465 ngày 08 tháng 05 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					65.522.200
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 65.522.200
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Sáu mươi lăm triệu năm trăm hai mươi hai nghìn hai trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 08/05/2024 09:05:17





CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 05 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 396666

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PDI8007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	D	E	F=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 5 năm 2024 từ ngày 08/05/2024 đến ngày 17/05/2024 (kèm theo bảng kê số 1345226771 ngày 17 tháng 05 năm 2024)	kWh	67.800	-	132.221.300
Tổng tiền hàng (Total amount):					132.221.300
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 132.221.300
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm ba mươi hai triệu hai trăm hai mươi một nghìn ba trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 17/05/2024 16:32:33





CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 473604

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PDI8007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 5 năm 2024 từ ngày 18/05/2024 đến ngày 31/05/2024	kWh	98.600	-	191.712.500
	(kèm theo bảng kê số 1347712244 ngày 02 tháng 06 năm 2024)				
Tổng cộng hàng (Total amount):					191.712.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 191.712.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi một triệu bảy trăm mười hai nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 02/06/2024 20:19:36



EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 07 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 495944

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

SAO Y BẢN CHÍNH

Ngày.....tháng.....năm.....

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	I	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 6 năm 2024 từ ngày 01/06/2024 đến ngày 07/06/2024	kWh	46.700	-	91.307.100
	(kèm theo bảng kê số 1348484330 ngày 07 tháng 06 năm 2024)				
Tổng cộng tiền hàng (Total amount):					91.307.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 91.307.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Chín mươi một triệu ba trăm linh bảy nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHƯƠNG MỸ
Ngày ký: 07/06/2024 16:27:50



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 06 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 496035

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 6 năm 2024 từ ngày 08/06/2024 đến ngày 17/06/2024	kWh	67.000	-	129.563.700
	(kèm theo bảng kê số 1348490900 ngày 17 tháng 06 năm 2024)				
Tổng tiền hàng (Total amount):					129.563.700
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 129.563.700
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm hai mươi chín triệu năm trăm sáu mươi ba nghìn bảy trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUÔNG MỸ
Ngày ký: 17/06/2024 18:18:39





CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 02 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 517945

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 3 tháng 6 năm 2024 từ ngày 18/06/2024 đến ngày 30/06/2024	kWh	97.700	-	190.940.100
	(kèm theo bảng kê số 1349327027 ngày 02 tháng 07 năm 2024)				
Cộng tiền hàng (Total amount):					190.940.100
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 190.940.100
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm chín mươi triệu chín trăm bốn mươi nghìn một trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 02/07/2024 15:30:25



CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: Công nghiệp và PTNT Việt Nam



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG (VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử
(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 08 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 595432

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 1 tháng 7 năm 2024 từ ngày 01/07/2024 đến ngày 07/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1352017947 ngày 08 tháng 07 năm 2024)	kWh	45.300	-	87.907.500
Cộng tiền hàng (Total amount):					87.907.500
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 87.907.500
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Tám mươi bảy triệu chín trăm linh bảy nghìn năm trăm đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 08/07/2024 16:44:42





EVN

CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ

Mã số thuế (Tax Code): 0100101114-025

Địa chỉ (Address): Số 38, Khu Yên Sơn, Thị trấn Chúc Sơn, huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại (Phone Number): 19001288

Thông tin thanh toán (Payment Information): CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ - Số TK: 2206201000156 - Tại NH: NH Nông nghiệp và PTNT Việt Nam

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
(VAT INVOICE)

Bản thể hiện của hóa đơn điện tử

(Electronic invoice display)

Ngày (Date) 17 tháng (month) 07 năm (year) 2024

Ký hiệu (Serial): 1K24TAV

Số (No): 595532

Họ tên người mua hàng (Buyer name):

Tên đơn vị (Company name): Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Mã số thuế (Tax code): 0500582194

Địa chỉ (Address): Lô CN-B6 khu CN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội

Mã khách hàng (Customer's Code): PD18007230304

Số tài khoản (Account No):

Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK

Đồng tiền thanh toán (Payment currency): VND

STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	DVT (Unit)	Số lượng (Quantity)	Đơn giá (Unit price)	Thành tiền (Amount)
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Điện tiêu thụ kỳ 2 tháng 7 năm 2024 từ ngày 08/07/2024 đến ngày 17/07/2024 (kèm theo bảng kê số 1352022699 ngày 17 tháng 07 năm 2024)	kWh	60.900		118.025.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					118.025.000
Thuế suất GTGT (VAT rate): 0%					Tiền thuế GTGT (VAT amount): 0
Tỷ giá (Exchanged rate):					Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment): 118.025.000
Số tiền bằng chữ (Amount in words): Một trăm mười tám triệu không trăm hai mươi lăm nghìn đồng.					

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

Được ký bởi: CÔNG TY ĐIỆN LỰC CHUƠNG MỸ
Ngày ký: 17/07/2024 16:06:25

Hà Nội, ngày 15 tháng 07 năm 2022

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI CÔNG NGHIỆP**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành tháng 6,7 năm 2022 như sau:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Bùn thải	Kg	30,100	3,400	102,340,000
Tổng cộng					102,340,000
Thuế GTGT 0%					0
Tổng cộng tiền thanh toán					102,340,000
Một trăm lẻ hai triệu ba trăm bốn mươi ngàn đồng/.					

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 190 3687 414 4016

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam – Chi nhánh Chương Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau



ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU



ĐẠI DIỆN BÊN B

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình

/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

HÀ NỘI

Số: DJ01/2022/1-2-3-5.109.VX

CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: DT:

Địa chỉ cơ sở: DT:

1. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP.Hà Nội DT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở: DT:

1. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.500	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

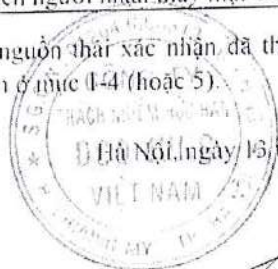
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-987.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Thị Quỳnh Trang Ký: Ngày 13/06/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4/ (hoặc 5).



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PHO GIAM ĐỐC



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

PGD KỸ THUẬT

Nguyễn Văn Linh

Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

SƠN JOUNG KYU

Chú:

THÀNH PHỐ
Hà Nội

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJ02/2022 1-2-3-5.109.VX

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

ĐT: 024 35626204

CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Chu CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.1

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024 63267556

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	14,600	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập dòng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

3. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Cửa nhập khẩu: Ngày xuất cảng:

Số hiệu phương tiện:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-987.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ngô Thị Quỳnh Trang Ký: Ngày 07/07/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

8. Chủ nguồn thải (xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)).

Hà Nội, ngày 07 tháng 07 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

SƠN JOUNG KHYU

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



PGD KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Thi chủ:

THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJ03 /2022/1-2-3-5.109.VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, T. Hải Dương

ĐT: 0220 3895973

Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:.....
ĐT:.....

1. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15 330	ĐX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-658 44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Thu Hương Ký:.....Ngày: 15/1/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Lan Anh Ký:.....Ngày: 16/1/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)



PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:.....

TỈNH/ THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số ĐJ04/2022-1-2-3-5.109.VN

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VN
ĐT: 024.35626204
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG
Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P.Cẩm Thượng, TP.Hải Dương, T.Hải Dương DT: 0220.3895973
Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
ĐT: 0220.3895973
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP.Hà Nội
Địa chỉ cơ sở:
Mã số QLCTNH: 01.001114.T
ĐT: 024.63267556
ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15 330	DX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tập thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:
Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:
Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29K-638.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Thu Hương Ký: Ngày: 12/11/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Lan Anh Ký: Ngày: 14/11/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thông nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc)



PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TRƯỞNG PHÒNG QUẢN LÝ
TRẦN MINH CHƠN

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:

H/ THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJQH/2022 1-2-3-5.109.VX

Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thù, thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, T. Hải Dương

ĐT: 0220 3895973

Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	8.524	ĐX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoà rắn); CL (Cố lập/đóng ken); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29-510.36

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Thu Hương Ký: Thủ Ngày: 09/8/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Phan Anh Ký: Phan Anh Ngày: 10/8/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).



PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHON

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: D/QL/2022/1-2-3-5.109.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Duong Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX
ĐT: 024.35626204
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG
Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P. Cẩm Thương, TP. Hải Dương, T. Hải Dương
Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương
Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
ĐT: 0220.3895973
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
Địa chỉ cơ sở:.....
Mã số QLCTNH: 01.001114.1
ĐT: 024.63267556
ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	8.524	ĐX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đói); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập-dông kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:..... Cửa nhập khẩu:.....
Số hiệu phương tiện:..... Ngày xuất cảng:.....
Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29-50.36

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Vũ Thị Thuong Ký: Thu Ngày 09/8/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Lan Anh Ký: Lan Ngày 10/8/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).



PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH CHƠN

Ghi chú:.....

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJ 05/2022/1-2-3-5.109.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P. Cẩm Thượng, TP. Hải Dương, T. Hải Dương ĐT: 0220.3895973

Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

4. kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.835	ĐX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29-221.58

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Ye Minh Thang Ký: Ngày 12/01/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Lan Anh Ký: Ngày 12/09/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 12 tháng 09 năm 2022
CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM
TỔNG GIÁM ĐỐC
Bùi Xuân Lim
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 10 tháng 10 năm 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG
TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN MINH CHON
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:.....

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJ06/2022/1-2-3-5.109.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu phố 2, 76B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024 3 626204

Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

SAO Y BẢN CHÍNH
Ngày.....tháng.....năm.....

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-33/34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	14,650	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

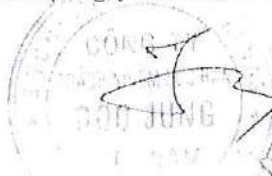
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tân Ký: Ngày 09/11/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 09 tháng 11 năm 2022

PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



Hải Dương, ngày 13 tháng 03 năm 2023

PGĐ KỸ THUẬT

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu) Linh

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam
Đại diện: **PHO GIAM ĐỐC**
Chức vụ: **SON JOUNG KYU**

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường
Đại diện: Bà Trần Thị Tình
Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	27/04/2023	Bùn thải	Kg	15,765	3,400	53,601,000
2	31/05/2023	Bùn thải	Kg	17,455	3,400	59,347,000
Tổng cộng						112,948,000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						112,948,000
Một trăm mười hai triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng./.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU**

ĐẠI DIỆN BÊN B *72*



**KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình**

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: DJb7/2022/1-2-3-5.109.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP.Hà Nội ĐT: 024.35626204
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX
Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P.Cẩm Thượng, TP.Hải Dương, T.Hải Dương ĐT: 0220 3895973
Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III
Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương.
3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP.Hà Nội ĐT: 024.63267556
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	16 735	ĐX

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....
Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tấn Ký:.....Ngày 19/12/2022

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Phương Anh Ký:.....Ngày 21/12/2022

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2022



TỔNG GIÁM ĐỐC
Trần Minh Giòn
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:.....

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRƯỞNG PHÒNG QLMT
TRẦN MINH GIÒN

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số 2/2023/V1-2-3-5.109.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-5.109.VX

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Cù Lãm, TP Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN THÀNH CÔNG

Mã số QLCTNH: 1-2-3-4-5-6.034.VX

Địa chỉ văn phòng: SN 10A, CCN Tây Ngõ Quyền, P.Cẩm Thượng, TP Hải Dương, T.Hải Dương

ĐT: 0220.3895973

Cơ sở xử lý: Công ty Cổ phần Sản xuất Vật liệu Xây dựng Thành Công III

Địa chỉ cơ sở: Cụm CN Hiệp Sơn, Phường Hiệp Sơn, Thị xã Kinh Môn, Tỉnh Hải Dương

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	14,960	ĐX

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chuốt/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

ô hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

tra khẩu xuất:

Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-63844

1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Văn Tân Ký: Tân Ngày: 23/12/2023

2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Trần Thị Lan Anh Ký: Lan Anh Ngày: 24/02/2023

Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Liên số: 10 - 20 - 30 - 40

TRƯỞNG PHÒNG QLMT

hi chú:

TRẦN MINH CHON

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 883/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:.....

Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

4. Kế khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	17,455	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....

Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-638.44

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Văn Tân Ký.....Tân.....Ngày 31/05/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký.....Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 31 tháng 05 năm 2023
CÔNG TY
TRÁCH NHIỆM MÔI TRƯỜNG
ĐOO JUNG
VIỆT NAM
PHÓ GIÁM ĐỐC
SƠN JOUNG KYU
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 01 tháng 06 năm 2023
CÔNG TY
CỔ PHẦN
PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ
TÀI NGUYÊN
MÔI TRƯỜNG
PGD KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:.....

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 993/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thù, thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

ĐT: 024.35626204

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
Địa chỉ cơ sở:

ĐT: 024.63267556

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	10,540	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

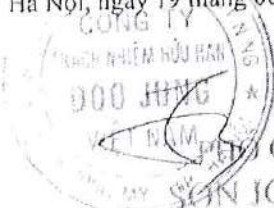
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-165.82

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Bùi Văn Thọ Ký: Ngày 19/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2023



GIÁM ĐỐC
SƠN JOUNG KYU
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 19 tháng 06 năm 2023



PGĐ KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 ✓

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 994/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	14,945	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

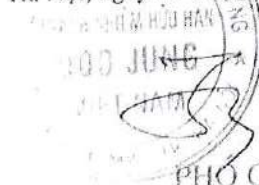
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Nguyễn Hữu Minh Anh Ký: Ngày 19/06/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 19 tháng 06 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 19 tháng 06 năm 2023



PGĐ KỸ THUẬT

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Thi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1250/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15,975	Xử lý trung gian

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/dóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Hoàng Văn Tân

Ký:

Ngày 12/08/2023

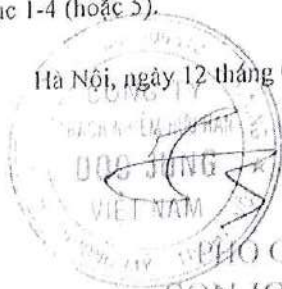
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký:

Ngày:

3. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 12 tháng 08 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 24 tháng 08 năm 2023



PGĐ KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

SỐ: 1373/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	16.710	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loại/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tấn Ký: Ngày 07/09/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1373/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà NộiĐT: 024.35626204
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thù, thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:.....
Địa chỉ văn phòng:.....ĐT:.....
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà NộiĐT: 024.63267556
Địa chỉ cơ sở:.....ĐT:.....

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	16.710	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....
Số hiệu phương tiện:.....Ngày xuất cảng:.....
Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tân Ký.....Ngày 07/09/2023
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....Ký.....Ngày.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 07 tháng 09 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 PHÓ GIÁM ĐỐC.
SON JOUNG KYU

Ghi chú:.....

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 09 tháng 09 năm 2023



PGĐ KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

TỈNH/ THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1553.2/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG
Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội
Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương
Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

ĐT: 024.35626204

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:
Địa chỉ văn phòng:
Địa chỉ cơ sở:

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM
Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội
Địa chỉ cơ sở:

ĐT: 024.63267556

ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.830	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TD (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)
Số hiệu phương tiện:
Cửa khẩu xuất:
Cửa nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4
Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-987.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Đình Quyết
Ký: Ngày 11/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:
Ký: Ngày:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày tháng năm

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 ☒ - 4 □

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú: SƠN JOUNG KYU

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỬ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1553.2/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.830	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:

Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29C-987.71

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Trần Đình Quyết Ký..... Ngày 11/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

5. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày 05 tháng 11 năm 2023



PGD KỸ THUẬT

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ - 3 □ - 4 □

PHÓ GIÁM ĐỐC

Ghi chú: SON JOUNG KYU

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1553.1/2023/122/GPMT-BTNMT

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

ĐT: 024.35626204

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP. Hà Nội

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thứ, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Mã số QLCTNH:

ĐT:

ĐT:

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

ĐT: 024.63267556

ĐT:

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

Địa chỉ cơ sở:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.985	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

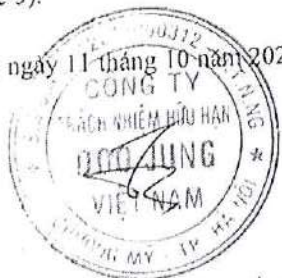
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tân Ký: Ngày 11/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hải Dương, ngày tháng năm 2023

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 □ - 2 □ PHÓ GIÁM ĐỐC 4 □

SON JOUNG KYU

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ
HẢI DƯƠNG

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI

Số: 1553.1/2023/122/GPMT-BTNMT

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ văn phòng: Khu tập thể Z176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, TP Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Cơ sở xử lý: Chi nhánh Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

Địa chỉ cơ sở: Lô CN 33-34, Cụm công nghiệp Phú Thù, thị trấn Phú Thù, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Mã số QLCTNH:

Địa chỉ văn phòng: ĐT:

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLCTNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở: ĐT:

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	15.985	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (So chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu: Cửa nhập khẩu:

Số hiệu phương tiện: Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4 Số hiệu phương tiện vận chuyển: 29H-843.83

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển: Hoàng Văn Tân Ký: Ngày 11/10/2023

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

8. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.

Hà Nội, ngày 11 tháng 10 năm 2023



(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Hải Dương, ngày 11 tháng 11 năm 2023



PGĐ KỸ THUẬT
(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

@Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ PHÓ GIAM ĐỐC

SON JOUNG KYU

Ghi chú:

TỈNH/THÀNH PHỐ

CHỨNG TỬ CHẤT THÁI NGUY HẠI

Số: 1553.2/2023/122/GPMT-BTNMT

CÔNG TY TNHH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Số GP môi trường: 122/GPMT-BTNMT

Địa chỉ: 15 CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.35626204

Công ty chuyên sản xuất và phân phối sản phẩm Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường tại Hải Dương

SAO Y BẢN CHÍNH

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, thị trấn Phú Thứ, huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

Ngày.....tháng.....năm.....

Chủ CS DV XL

Mã số QLC TNH:

Địa chỉ văn phòng

ĐT:

Địa chỉ cơ sở

ĐT:

Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH ĐOO JUNG VIỆT NAM

Mã số QLC TNH: 01.001114.T

Địa chỉ văn phòng: 15 CN-B6, KCN Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

ĐT: 024.63267556

Địa chỉ cơ sở

ĐT:

Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi được đầy đủ)

STT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã CTNH	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý*
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải			x	120605	13,120	Chế biến khoáng chất phục vụ CN xi măng
2	Gieo lan	x			180201	105	Thiếu đốt
3	Rác thải y tế	x			130101	1	Thiếu đốt
4	Bao bì mềm thải	x			180101	47	Thiếu đốt
5	Hộp mực in thải	x			080204	4	Thiếu đốt
6	Bóng đèn huỳnh quang	x			160106	6	Xử lý bằng thiết bị xử lý bóng đèn huỳnh quang
7	Bao bì nhựa cứng thải	x			180103	0	Thiếu đốt
8	Cặn, sơn và dung môi thải		x		080101	1,321	Thiếu đốt

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tán thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); QH (Oxy hoá); SH (Sinh học); DX (Đồng xử lý); TD (Thiếu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế); Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5 Xuất khẩu CTNH (nếu có) Nước nhập khẩu:.....Cửa nhập khẩu:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7 Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện vận chuyển: 291H-84383

7.1 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1/Đơn vị vận chuyển:

Trần Đình Quyết

Ký.....

Ngày 14/12/2023

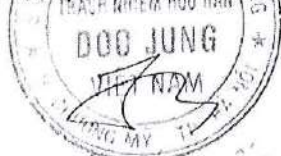
7.2 Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:.....

Ký.....

Ngày.....

6 Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5).

Hà Nội, ngày 14 tháng 12 năm 2023



PHÓ GIÁM ĐỐC

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

8 Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4.



PGĐ KỸ THUẬT

(Ký, ghi họ tên, chức danh, đóng dấu)

Nguyễn Văn Linh

Liên số: 1 - 2 - 3 - 4

Ghi chú:.....

BIÊN BẢN BÀN GIAO CHẤT THẢI

Hôm nay, ngày 14 tháng 12 năm 2023, chúng tôi gồm:

I. ĐƠN VỊ BÀN GIAO CHẤT THẢI:

CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

1. Ông/Bà: Nguyễn Ngọc Sơn Chức vụ: Bảo vệ

II. ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN VÀ VẬN CHUYỂN CHẤT THẢI:

CÔNG TY CP PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

1. Ông: Nguyễn Hữu Minh Anh Chức vụ: Nhân viên

Chúng tôi cùng nhau thống nhất nội dung bàn giao lô chất thải tại Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Hà Nội với chi tiết như sau:

STT	Tên chất thải	Mã CTNH	Khối lượng (kg)	Xe vận chuyển
1	Bùn thải	120605	13120	29H-84383
2	Giẻ lau	180201	105	
3	Rác thải y tế	130101	1	
4	Bao bì mềm thải	180101	47	
5	Hộp mực in thải	080204	4	
6	Bóng đèn huỳnh quang	160106	6	
7	Bao bì nhựa cứng thải	180103	0	
8	Cặn sơn và dung môi thải	080101	1321	

Biên bản này được lập thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản và có giá trị như nhau.

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ BÀN GIAO



PHÓ GIÁM ĐỐC
SƠN IOUNG KYU

**ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ TIẾP NHẬN VÀ
VẬN CHUYỂN**

Ngô + kieu Minh Anh.

Hà Nội, ngày 22 tháng 01 năm 2024

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	14/12/2023	Bùn thải	Kg	13.120	3.400	44.608.000
2	14/12/2023	Găng tay, giẻ lau	Kg	105	7.500	787.500
3	14/12/2023	Bóng đèn huỳnh quang	Kg	6	6.500	39.000
4	14/12/2023	Bao bì mềm thải	Kg	47	4.500	211.500
5	14/12/2023	Cặn sơn và dung môi thải	Kg	1.321	6.000	7.926.000
6	14/12/2023	Chất thải y tế	Kg	1	20.000	20.000
7	14/12/2023	Hộp mực in thải	Kg	4	6.500	26.000
Tổng cộng						53.618.000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						53.618.000
Năm mươi ba triệu sáu trăm mười tám ngàn đồng/.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
SƠN LONG KYU

ĐẠI DIỆN BÊN B 72

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình

Hà Nội, ngày 04 tháng 08 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện: **PHÓ GIÁM ĐỐC**

Chức vụ: **SON JOUNG KYU**

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	27/04/2023	Bùn thải	Kg	15,765	3,400	53,601,000
2	31/05/2023	Bùn thải	Kg	17,455	3,400	59,347,000
Tổng cộng						112,948,000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						112,948,000
Một trăm mười hai triệu chín trăm bốn mươi tám ngàn đồng./.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

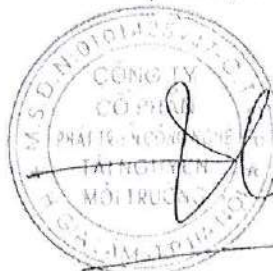
Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A



**PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU**

ĐẠI DIỆN BÊN B 72



**KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình**

Hà Nội, ngày 15 tháng 09 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	19/06/2023	Bùn thải	Kg	25,485	3,400	86,649,000
2	12/08/2023	Bùn thải	Kg	15,975	3,400	54,315,000
Tổng cộng						140,964,000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						140,964,000
Một trăm bốn mươi triệu chín trăm sáu mươi bốn ngàn đồng/.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

ĐẠI DIỆN BÊN B

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình

Hà Nội, ngày 21 tháng 11 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.

- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	07/09/2023	Bùn thải	Kg	16.710	3.400	56.814.000
2	11/10/2023	Bùn thải	Kg	15.985	3.400	54.349.000
3	11/10/2023	Bùn thải	Kg	15.830	3.400	53.822.000
Tổng cộng						164.985.000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						164.985.000
Một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm ngàn đồng./.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau



PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU



KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình

DRET

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ký hiệu: 1C23TMT

Ngày 21 tháng 11 năm 2023

Số: 00000358

Mã CQT: 00F4FFB36B0E8A4A59820B1DBED87F0867

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Mã số thuế: 0101425947

Địa chỉ: Khu tập thể Z 176B, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 024.35626204

Số tài khoản: 19036874144016 - Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương

2002317001 - Ngân hàng TNHH Indovina - Chi nhánh Đồng Đa

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: Công ty TNHH DOO JUNG Việt Nam

Mã số thuế: 0500582194

Địa chỉ: Lô CN-B6, KCN Phú Nghĩa, xã Phú Nghĩa, huyện Chương Mỹ, TP. Hà Nội

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:



STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	DVTG. VC. XL Bùn thải tháng 9/2023	Kg	16.710,00	3.400,00	56.814.000
2	DV TG. VC. XL Bùn thải tháng 10/2023	Kg	31.815,00	3.400,00	108.171.000
Tổng cộng:					164.985.000
Thuế suất GTGT:					0
Tổng tiền thanh toán:					164.985.000

Số tiền viết bằng chữ: Một trăm sáu mươi bốn triệu chín trăm tám mươi lăm nghìn đồng chẵn.

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT
TRIỂN CÔNG NGHỆ TÀI
NGUYÊN MÔI TRƯỜNG

Ký ngày: 21/11/2023

Tra cứu tại Website: <https://www.meinvoice.vn/tra-cuu> - Mã tra cứu hóa đơn: QNTXHZAE3R

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

Phát hành bởi phần mềm MISA meInvoice - Công ty Cổ phần MISA (www.misa.vn) - MST 0101243150

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2023

**BIÊN BẢN NGHIỆM THU KHỐI LƯỢNG
THU GOM VẬN CHUYỂN VÀ XỬ LÝ CHẤT THẢI**

- Căn cứ Hợp đồng số: 02-DRET-DJ ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 giữa Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam và Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường.
- Căn cứ vào khối lượng chất thải đã được thu gom, vận chuyển và xử lý.

I. Đại diện Bên Giao thầu (bên A):

Công ty TNHH Doo Jung Việt Nam

Đại diện:

Chức vụ:

II. Đại diện Bên nhận thầu (bên B):

Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Đại diện: Bà Trần Thị Tình

Chức vụ: Kế toán trưởng.

Hai bên nhất trí cùng lập biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành như sau:

STT	Ngày	Tên chất thải	Đơn vị tính	Khối lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	19/12/2022	Bùn thải	Kg	16,735	3,400	56,899,000
2	23/02/2023	Bùn thải	Kg	14,960	3,400	50,864,000
Tổng cộng						107,763,000
Thuế GTGT 0%						0
Tổng cộng tiền thanh toán						107,763,000
Một trăm lẻ bảy triệu bảy trăm sáu mươi ba ngàn đồng./.						

Bên A sẽ thanh toán số tiền trên trong vòng 20 ngày làm việc kể từ ngày bên B xuất hoá đơn GTGT và các giấy tờ liên quan cung cấp cho bên A. Số tiền thanh toán sẽ được chuyển vào tài khoản của bên B.

Tên tài khoản: Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Tài nguyên Môi trường

Số tài khoản: 8336678988888

Địa chỉ ngân hàng: Ngân hàng TMCP Quân Đội – Chi nhánh Hải Dương

Biên bản được lập thành 02 bản, bên A giữ 01 bản, bên B giữ 01 bản và có giá trị pháp lý như nhau

ĐẠI DIỆN BÊN A

PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

ĐẠI DIỆN BÊN B

KẾ TOÁN TRƯỞNG
Trần Thị Tình

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 222/2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa - xã Phú Nghĩa - huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa - xã Phú Nghĩa - huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	6940	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 99C06073

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: Phúc Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:

Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ... 2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222 3624 899

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa - xã Phú Nghĩa - huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa - xã Phú Nghĩa - huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	6940	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 99C06073

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: ... Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ... Ký: ... Ngày: ...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Phúc

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú: (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ... 12024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sái, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sái, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	6830	Phối trộn, thiêu hủy trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 98C08497

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: ... Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: ... Ký: ... Ngày: ...

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

Chức danh người ký
(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: ...293.../2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	6830	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cô lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 98C08497

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: *Nguyễn Tiến Thọ* Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày ...06... tháng ...02... năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Phúc

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 111 /2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sãi, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

Địa chỉ cơ sở/dãi lý: Thôn Đồng Sãi, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	4770	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tân thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cố lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 99C13214

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thị Ngân

Ký: Me Ngày: 03/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
SON JOUNG KYU

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

@Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ BẮC NINH			CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI Số: 212. /2024/1-2-3-4-5-6.068.VX				
1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX Địa chỉ văn phòng : Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.3624.899 Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc NinhĐT: 0222.3624.899							
2. Chủ CS DV XL CTNH 2: Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng : Địa chỉ cơ sở : ĐT: ĐT:							
3. Chủ nguồn thải : CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà NộiĐT: 0246 326 756 Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà NộiĐT: 0246 326 756							
4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)							
Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	6775	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xi hoá rắn
# Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).							
5. Xuất khẩu CTNH (nếu có) Số hiệu phương tiện:.....		Nước nhập khẩu:..... Ngày xuất cảng:			Cửa khẩu nhập..... Cửa khẩu xuất:		
7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4					Số hiệu phương tiện: 99C06073		
7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Thị Ngân					Ký:.....Ngày: 03/02/2024		
7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:					Ký:.....Ngày:.....		
6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5) Hà Nội, ngày 03 tháng 02 năm 2024 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)				8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối dùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4 Bắc Ninh, ngày 03 tháng 02 năm 2024 Chức danh người ký (Chữ ký, đóng dấu)  PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC Nguyễn Xuân Phúc			
Liên số: 1□ - 2□ - 3□ - 4□ Ghi chú : (ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)							

THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 12/2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ – thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	4910	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

* Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/loọc/kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Số hiệu phương tiện:

Nước nhập khẩu:

Ngày xuất cảng:

Cửa khẩu nhập:

Cửa khẩu xuất:

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 99H01160

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2: Ký: Ngày:

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)



PHÓ GIÁM ĐỐC
DOO JUNG KYU

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày tháng năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☒ - 4 ☐

Ghi chú:

(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)

TỈNH/THÀNH PHỐ
BẮC NINH

CHỨNG TỪ CHẤT THẢI NGUY HẠI
Số: 291/2024/1-2-3-4-5-6.068.VX

1. Chủ CS DV XL CTNH 1: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP XANH HÙNG PHÁT

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có): 1-2-3-4-5-6.068.VX

Địa chỉ văn phòng: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

Địa chỉ cơ sở/đại lý: Thôn Đồng Sài, xã Phú Lăng, thị xã Quế Võ, tỉnh Bắc Ninh

ĐT: 0222.3624.899

2. Chủ CS DV XL CTNH 2:

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng:

ĐT:

Địa chỉ cơ sở:

ĐT:

3. Chủ nguồn thải: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Số giấy phép môi trường/Mã số QLCTNH (nếu có):

Địa chỉ văn phòng: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

Địa chỉ cơ sở: Lô CN-B6 KCN Phú Nghĩa – xã Phú Nghĩa – huyện Chương Mỹ - thành phố Hà Nội

ĐT: 0246 326 756

4. Kê khai CTNH chuyển giao (sử dụng thêm trang phụ lục cho bảng dưới đây nếu không ghi đủ)

Số TT	Tên CTNH	Trạng thái tồn tại			Mã chất thải	Số lượng (kg)	Phương pháp xử lý #
		Rắn	Lỏng	Bùn			
1	Bùn thải	x			12 06 05	4910	Phối trộn, thiêu huỷ trong lò đốt, tro xỉ hoá rắn

Ghi lần lượt ký hiệu của phương pháp xử lý đã áp dụng đối với từng CTNH: TC (Tận thu/tái chế); TH (Trung hoà); PT (Phân tách/chiết/ lọc/ kết tủa); OH (Oxy hoá); SH (Sinh học); ĐX (Đồng xử lý); TĐ (Thiêu đốt); HR (Hoá rắn); CL (Cò lập/đóng kén); C (Chôn lấp); SC (Sơ chế) Khác (ghi rõ tên phương pháp).

5. Xuất khẩu CTNH (nếu có)

Nước nhập khẩu:.....

Cửa khẩu nhập:.....

Số hiệu phương tiện:.....

Ngày xuất cảng:.....

Cửa khẩu xuất:.....

7. Xác nhận việc tiếp nhận đủ số lượng và loại CTNH như kê khai ở mục 4

Số hiệu phương tiện: 99H01160

7.1. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 1: Nguyễn Tiến Thọ

Ký: *Pháo* Ngày: 02/02/2024

7.2. Họ tên người nhận thay mặt CS DV XL CTNH 2:Ký:.....Ngày:.....

6. Chủ nguồn thải xác nhận đã thống nhất để kê khai chính xác các thông tin ở mục 1-4 (hoặc 5)

Hà Nội, ngày 02 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

8. Chủ CS DV XL CTNH (cuối cùng) xác nhận đã hoàn thành việc xử lý an toàn tất cả CTNH bằng các phương pháp như kê khai ở mục 4

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 02 năm 2024

Chức danh người ký

(Chữ ký, đóng dấu)

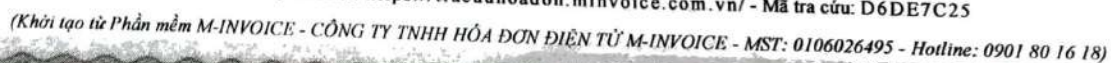


PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Xuân Phúc

Liên số: 1 ☐ - 2 ☐ - 3 ☐ - 4 ☒

Ghi chú:
(ghi rõ trong trường hợp lô CTNH trong chứng từ không được xử lý quá 6 tháng từ ngày tiếp nhận từ CNT)





HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 27 tháng 06 năm 2024

Ký hiệu: 1C24TTY

Số: 94

Mã của cơ quan thuế: 003178C62773E74B398E0B0A38F6C4F852

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH GLOBAL

Mã số thuế: 0110230285

Địa chỉ: Số 11, Ngõ 136/129 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Nam

Điện thoại:

Email: Toancau.mtx@gmail.com

Fax:

Website:

Số tài khoản: 1252535516 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam



For ERP

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN-B6, Khu Công Nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0500582194

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

Tại:

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6) = (4) x (5)
1	Cung cấp dịch vụ vệ sinh môi trường tháng 04, 05, 06 năm 2024 - Theo Hợp đồng số 111/2024/HĐVCCCT/GLOBAL-DOOJUNG ký ngày 30/12/2023.	Chuyến	5	4.074.074,07	20.370.370

Cộng tiền hàng: 20.370.370

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.629.630

Tổng cộng tiền thanh toán: 22.000.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi hai triệu đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ

MÔI TRƯỜNG XANH GLOBAL

Ngày ký: 27/06/2024 10:44 SA

Tra cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.com.vn/> - Mã tra cứu: E9C94093

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(Bản thể hiện của hóa đơn điện tử)

Ngày 30 tháng 09 năm 2024

Ký hiệu: **1C24TY**

Số: 172

Mã của cơ quan thuế: 00DE0FC1964DC44D1A9B2EB528701D7EF0

Đơn vị bán hàng: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ MÔI TRƯỜNG XANH GLOBAL

Mã số thuế: 0110230285

Địa chỉ: Số 11, Ngõ 136/129 đường Cầu Diễn, Phường Minh Khai, Quận Bắc Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Email: Toancau.mtx@gmail.com

Fax:

Website:

Số tài khoản: 1252535516 Tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam

Họ tên người mua hàng:

Tên đơn vị: CÔNG TY TNHH DOO JUNG VIỆT NAM

Địa chỉ: Lô CN-B6, Khu Công Nghiệp Phú Nghĩa, Xã Phú Nghĩa, Chương Mỹ, Thành Phố Hà Nội, Việt Nam

Mã số thuế: 0500582194

Hình thức thanh toán: Chuyển khoản

Số tài khoản:

Tại:

[illegible]

Cộng tiền hàng: 24.444.444

Thuế suất GTGT: 8%

Tiền thuế GTGT: 1.955.556

Tổng cộng tiền thanh toán: 26.400.000

Số tiền viết bằng chữ: Hai mươi sáu triệu bốn trăm nghìn đồng

Người mua hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Người bán hàng

(Ký, ghi rõ họ tên)

Signature valid

Được ký bởi: CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH

VỤ MÔI TRƯỜNG XANH GLOBAL

Ngày ký: 30/09/2024 02:33 CH

Trà cứu hóa đơn tại website: <https://tracuuhoadon.minvoice.com.vn/> - Mã tra cứu: 7D3EC5D6

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)

(Khởi tạo từ Phần mềm M-INVOICE - CÔNG TY TNHH HÓA ĐƠN ĐIỆN TỬ M-INVOICE - MST: 0106026495 - Hotline: 0901 80 16 18)